

Blank white rectangular label at the top left corner.







TỪ SÁCH DỊCH THUẬT

# 國朝登科錄

QUỐC - TRIỀU ĐĂNG - KHOA LỤC

QUYỂN NHẤT

*Biên tập viên* : Tử-Phát, CAO-XUÂN-DỤC

*Dịch giả* : Trúc-viên LÊ-MẠNH-LIÊU

IN LẦN THỨ NHẤT

**1962**

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

JQ

849

•E 89

276

EUHR



GL-Stacks

Gift

SEASIA

# 71515) QUỐC - TRIỀU CHÁNH PHỐ BẢNG KHOA - LỤC

## TỰA

Danh và khí (1) là vật rất báu trong thiên-hạ ! Thiên-hạ đã lấy làm báu, tất phải đề cả thiên-hạ đều rõ. Bởi lẽ đó cho nên không thể không soạn Hương-Khoa-Lục (2) được, mà đến Hội-Khoa-Lục (3), lại càng không thể bỏ qua không soạn.

Triều Nguyễn ta khoảng năm Nhâm-ngọ, niên hiệu Minh-Mệnh (明命) thứ ba (1822) mở khoa thi Tiến-Sĩ, ai hợp cách thì vào thi Đình, rồi cho đỗ Tiến-Sĩ.

Đến năm Kỷ-sửu, niên hiệu Minh-Mệnh (明命) thứ mười (1829), trong kỳ thi Hội, lại đặt thêm ngạch Phó-Bảng, ai trúng thì do quan Lễ-Vi dâng họ tên lên. Như vậy là lúc bấy giờ Phó-Bảng chưa được dự thi Đình.

Có người cho rằng :

« Phó-Bảng của bản-triều, đối chiếu cũng như người

---

(1) Danh là tên về những chức tước, dành cho những người đáng được gọi. Khí là những chương phục vật dụng văn văn. Hai chữ này do chữ sách Tả-Truyện : « Duy khí dữ danh, bất khả giả nhân ». Nghĩa là : Chỉ có khí với danh, là không có thể đem cho người không đáng cho.

(2) Hương-Khoa-Lục (鄉科錄) là Lục chép tên các vị đỗ khoa thi Hương : Giải-Nguyên, Cử-nhân và Tú-tài.

(3) Hội-Khoa-Lục (會科錄) là Lục chép tên các vị đỗ khoa thi Hội : Trạng-nguyên, Bảng-Nhơn, Thám-Hoa, Hoàng-Giáp, Tiến-Sĩ và Phó-Bảng.

thi Hội được trúng ba kỳ về thời Lê».

Nói như thế là sai ! Thời Vua Thái-Tông (太宗) triều Tiền Lê (前黎), tự niên hiệu Đại-Bảo (大寶) năm thứ ba (1442) trở về sau, đổi tên Trang-Nguyên, Bàng-Nhơn và Thám-Hoa, gọi là Tiến-Sĩ-Cấp-Đệ Đổ chính-bảng gọi là Tiến-Sĩ-Xuất-Thần, đổ phụ-bảng gọi là Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-Thần. Mỗi khoa thường lấy trúng trên dưới năm sáu mươi người, mà thầy đều được khắc tên vào bia Tiến-Sĩ. Xem thế thì Phó-Bảng bây giờ, tưởng cũng là nhân cái tên phụ-bảng ngày xưa, có điều hơi khác một chút đó thôi.

Triều Vua ta, danh và khí càng ngày càng trọng, nên sự lựa chọn càng ngày càng tinh. Khoảng đầu niên hiệu Tự-Đức (嗣德), Vua định những người trúng thi Hội chia làm hai hạng : Chánh-trúng-cách và Phó-trúng-cách, đều được dự kỳ thi Đình. Bài thi Đình, chính Vua thân xem xét quyết định, rồi chia ra thứ tự, lấy chánh và phó. Mỗi khoa lấy trúng nhiều nhất là mười bảy mười tám người, ít nhất là mười một mười hai người. Chánh trúng-cách thì đề tên vào bảng màu vàng, Phó-trúng-cách thì đề tên vào bảng màu đỏ, rồi treo cả lên lầu Phu-Văn trước cửa Ngọ-Môn. Phân biệt chánh với Phó như thế, là để tỏ ý khuyến khích cho phấn khởi nhân tài vậy.

Những ai đã trúng khoa thi này, thì sĩ phu cho là vinh, thiên-hạ lấy làm báu, và ai cũng biết danh và khí là rất qui ! Song những sự mong mỗi chơ nhau, khuyến khích cho nhau của các vị đại-khoa, để sao cho khỏi bị với khoa danh, có phải chỉ lấy văn-chương mà



kề chánh với phó đầu. Xem như Trương-Vĩnh (張誄) thời Tống (宋), đỗ Tiến-Sĩ Ất-Khoa (1) thối, mà ông có nói rằng:

« Khoa tôi đỗ, triều đình lấy được rất nhiều nhân tài: Người cần thận và có đức vọng, không ai bằng Lý-Công-Hãng (李公晃); Người có tài đức chấn phục thiên-hạ, không ai bằng Vương-Công-Đán (王公旦); Người có lòng chính trực, dám can gián trước mặt Vua, mà vẫn có phong độ, không ai bằng Khấu-Công-Chuẩn (寇公準); Còn như đảm đương trách nhiệm phương diện một phương của Vua giao phó, thì Vĩnh 誄 này không dám từ chối ».

Đó, cổ-nhân tự kỳ hèn mình là như thế! Mà những hạng người như vậy, hiện thời nay cũng không phải là ít.

Các vị đỗ Tiến-Sĩ, tuy chưa có lục chép tên, song đã khắc tên trong bia đá, còn các vị Phó-Bảng thì chưa có vậy. Đã không có tên trong bia đá, mà lại không chép vào Lục, thì chẳng hóa ra các vị đỗ Hội-Khoa lại sơ lược hơn các vị đỗ Hương-Khoa sao? Lê-Chỉ-Trai (黎止齋) Tướng-Công, quán cùng Châu với tôi, khi nhậm chức Bó-Chánh tỉnh Hà-Nội, có thu thập biên các vị đại-khoa tự năm Nhâm-ngọ, niên hiệu Minh-Mệnh (明命) thứ ba (1822), đến năm Quý-mão niên hiệu Thiệu-Trị (紹治) thứ ba (1843), gồm chín khoa. Song chỉ chép tên các vị trúng bảng Tiến-Sĩ thối, còn các vị Phó-Bảng thì vẫn còn thiếu.

Tôi đề tâm việc này đã lâu, thường sưu tầm dò hỏi, có được ít chút. Nhân những khi rảnh việc công ở

---

(1) Ất-khoa (乙科) là Phó-Bảng.

tỉnh Sơn-Tây, may chép xong được cuốn Hương-Lục, liền cho thợ khắc cả với cuốn Hội-Lục này luôn thề. Mỗi khoa bao nhiêu vị trúng Chánh-bảng, và bao nhiêu vị trúng Phó-Bảng, thầy đều nêu chép họ tên. Một là để tỏ cái ý cử-động khuyến-kích nhân tài của triều-đình, hai là để thề theo lòng thận-trọng danh và khí của triều-đình. Muốn cùng cả thiên-hạ cùng trọng những bậc nhân-tài, lại cùng thiên-hạ cùng quý danh và khí.

Tự nay trở về sau, mỗi khoa có bao nhiêu vị đại-khoa, sẽ biên tiếp theo để làm tài-liệu cho những ai muốn khảo-cứu về khoa Giáp khoa Ất (1) rất thịnh của triều Vua ta.

Ngày mồng 1 tháng đầu mùa thu, năm Quý-Ty (1893), là năm thứ 5 trong số muôn muôn năm Vua Thành-Thái (成泰) nước Đại-Nam.

Sơn Hưng Tuyên Tổng-Đốc, An-Xuân-Nam, Cồ-Hoan, Đông-Cao, Long-Cương, Cao-Xuân-Dục 高春育, Tử-Phát kính tựa.

---

(1) Giáp khoa (甲科) là những vị đỗ tự Tiến-Sĩ trở lên đến Trạng-Nguyên. Ất-Khoa (乙科) là Phó-Bảng.

## TỰA

Khoa bảng mà có Lục chép là do người, mà sở dĩ có Lục chép, có phải là do người tự làm được chăng ? Đó là do trời vậy. Nghĩa là sao Văn-Xương ở khu Tử-vi bắc-cực, quản về văn-chương khoa bảng trong thiên-hạ, và những sao Công Khanh Phụ Bất, quản về các quan Khanh quan Tướng trong thiên-hạ. Không phải chỉ có nước Trung-Hoa (中華) mới như vậy, phàm các nước, nước nào đã trông thấy trên trời có tượng sao ấy, tất người trong nước có việc ấy, đã có việc ấy, thì không thể không có Lục được. Đó là đạo trời sâu kín, mà thánh-nhân noi làm phép vậy. Đâu có dám bắt chước Kinh-Công Vương-An-Thạch (王安石) mà bảo rằng trời với người toàn không có liên-hệ.

Nước Việt-Nam nhà, phân định trong thiên-thư, cõi Nam là minh-đỏ, vốn là một nước văn-minh trong vũ-trụ ! Tự thời Lý (李) thời Trần (陳) và thời Lê (黎), đều đã mở khoa thi kén chọn nhân tài, các bậc hiền tài bởi con đường đó mà ra, đều ghi chép trong cở-lục.

Cuốn Đấng-Khoa-Hợp-Biên về triều Vua ta, là do quan Bộ-chánh tỉnh Hà-Nội, Cờ-Hoan Lê-Chỉ-Trai (黎止齋) chép. Song chỉ chép sơ lược các khoa, ngoài ra chưa đủ, tự khoa Đinh-Mùi trở lại đây, hãy còn thiếu cả. Hoặc có người có, thì cũng chỉ đề làm sách riêng nhà mình thôi.

Ôi ! Khi trong lành của non sông, tụ họp lại thành anh tài, phát ra thành văn-chương sự-nghiệp, vận hội coi đó mà phân-biệt thấp cao, và giáo hóa mài giũa ngọc vàng của triều-đình thực cũng ở nơi đây. Bởi thế

chò nên khi quốc-gia thịnh-vượng, thì khi lờnghi ngút: Văn-tinh rực-rỡ, chánh-trị sáng tươi; Bắc đầu huy-hoàng, anh tài nhậm chức! Tượng sao trên trời, không phải ngẫu-nhiên mà sáng, thì hiền tài trong nước, cũng không phải ngẫu-nhiên mà sinh. Có hiền tài mà không tuyên-dương, thì sao truyền lại được sự thịnh, chép sách lục mà không tường tận, thì sao sáng tỏ được sự hay. Đã biết trời với người có liên hệ, tất biết khoa lục không thể sơ lược được vậy.

Năm trước, quan Tổng-Đốc Sơn Hưng Tuyên, An-Xuân Nam, Long-Cương, Cao Tướng-Công soạn cuốn Hương-Khoa, có đưa ủy tôi đình chính, tôi xét xong, đã đưa lại rồi. Sau ngày Đoan-Ngọ (1) này, lại đưa cuốn Hội-Đình-Lục bảo tôi xét lại, và buộc phải viết bài tựa. Tôi không biết tự lượng mình, lại đem cuốn đó ra kiểm xét. Trong Lục chép tự khoa Nhâm-ngọ (1822) niên-hiệu Minh-Mệnh (明命) đến khoa Nhâm-thìn (1892) niên hiệu Thành-Thái (成泰) gồm ba mươi khoa, cũng đã rất phân minh rành mạch, như con cờ bày trong bàn, như ngôi sao liệt trên trời vậy. Có điều rằng đất xa cách, thời khác nhau, nên sự nghe biết hoặc cũng có chỗ sơ lược. Tôi bèn xét vào bảng Thành-Quân cũ; cuốn Xuân-Quan-Nguyên-Văn, và tập Quốc-Sử-Biên-tập, còn về gia-thế và quan chức thì lại dò hỏi các quan đại-thần trong Kinh, kê cứu vào ngân ấy thứ để đình chính lại. Tuy chưa dám gọi là hoàn toàn, song cũng có thể cho là tạm đủ.

Khi tôi mới đọc cuốn Hương-Lục, được biết ông dùng sức rất siêng năng, nay đọc cuốn Hội-Lục này,

---

(1) Đoan ngọ (端午) là ngày mồng 5 tháng 5.

lại biết ông dụng tâm rất chu-đáo. Các vị quân-tử coi cuốn này, cho là ông vị đạo nho ta cũng được ; Cho là có ngụ ý khuyên răn cũng có thể được ; Hoặc lại cho là đề biêu-dương thịnh ý trọng văn chương hiền của triều-đình, cũng không có gì là không được cả.

Nay biên chép xong, giao thợ khắc in, đề cống hiến chung các vị cùng ra chuộng, hoặc có người kế tiếp chẳng ?

Đã có cuốn này, thì một ngày kia sau đây, túng sử quan Án-sát Quảng-Tây bên Trung-Hoa sang, mà có hỏi đại-nhân đến sự khoa bảng nước nhà, đại-nhân sẽ có thể ứng đối ngay, mà không đến nỗi bị chê như Tịch-Đàm ( 籍 談 ) quên Tô vậ (1).

Than ôi ! Không lên núi cao, đâu có biết hoa, nhị phân biệt thế nào ? Không qua sông trong, đâu có biết loài cá khác nhau thế nào ? Không xem khoa-lục đâu có biết tài-năng phẩm - giá mỗi người mỗi đời một khác. Nếu đem mà so với những hạng chỉ biết nghe lỏm, và chỉ có bề ngoài, thì chẳng những như ngàn so với trăm mà thôi. Vậy thì Lục này đâu có phải vì như những tập Thuyết-Linh (2). Thực ra bề ịch không phải là it.

Quán ( 貫 ) tôi nay đã có tuổi, về giấy mực thì mỗ-mãng, không soạn được Lục, còn dám nói gì đến viết Tựa. Duy vì hiện giờ chưa được về hưu, đang lạm giữ

---

(1) Nguyên tiên tổ Tịch-Đàm là Tôn-Bá-Áp, chức Sử-quan, giữ đền tịch nước Tần thời Xuân-Thu, nên gọi là họ Tịch. Năm Vua Chiêu-Vương nhà Chu thứ 15, Tịch-Đàm bói-tùng Tuấn-Thước dâng triều Vua Chu. Vua hỏi về việc cũ nước Tấn, Tịch-Đàm không đáp được. Vua rằng : Tịch-Đàm quên tổ !

(2) Thuyết-Linh ( 說 玲 ) là loại Tiểu-Thuyết.

chức Sử-Quán, có bổn - phận dự soạn bảng thi Hội thi Đình, nên kính viết bài này đề gọi là có.

Hoặc có người nói rằng :

« Việc chép Lục và việc viết Tựa, có phải đều là hiểu danh chăng » ?

Xin trả lời rằng :

« Không phải ! Không phải ! Không phải là vị danh, chính là muốn lưu sự thực vậy ».

Sau này, ai muốn biết tại sao mà chép Lục này, sao chẳng trở lại mà xét việc trời với người có liên-hệ ru ?

Nếu Tương-Công không cho lời tôi là viễn-vông, xin đặt bài này xuống cuối hàng Tựa, cũng không đến nỗi nhảm.

Ngày Trung-Thu (1), năm Quý-Ty, niên - hiệu Thành-Thái (成泰) thứ năm (1893).

Quang-Lộc TỰ-Khanh, sung Quốc-Tử-Quán Toàn-Tu, kiêm biện Khâm-Thiên-Giám sự vụ. Cờ-Hoan Song-An Văn-Phong, Nguyễn-Trung-Quán (阮中貴), Nhất-Chi viết ở Đông-Hiên tòa Tu-Thư Quốc-Tử-Giám.

---

(1) Trung thu (中秋) là ngày rằm tháng 8.

## TỰA

Các triều-đại mở khoa, không gì thịnh bằng khoa Tiến-sĩ, triều Vua ta chọn người, cũng không gì trọng bằng khoa Tiến-sĩ. Các viên dự khoa thi Tiến-sĩ, đang là kẻ sĩ áo vải ở nóc nhà tranh, vụt chốc Vua triệu vào thi trong sân Điện, được nói thỏa những điều muốn nói. Một khi đã được Vua cho trúng tuyển, thì ân vinh đủ cả : Nào là biễn tên vào bằng vàng, treo lên trên cửa Cung ; Nào là khắc tên vào bia đá, dựng trước nhà Thái-Học, trọng biết nhường nào ? Bởi vì long trọng như vậy, nên thực là khó sao cho xứng cái tên Tiến-sĩ đó. Nếu chỉ câu nệ vào Kinh-Sử, hoặc không thông với thời; chỉ theo sát về văn nghệ, hoặc không hợp với việc. Vậy các viên trúng khoa Tiến-sĩ, phải nên : Khi ra làm quan, thì nghĩ sao để lập nên công-nghiệp; khi lui ở nhà, thì nghĩ sao để lập lấy phẩm giá. Như thế mới khỏi phụ với cái danh đó.

Các khoa Tiến-sĩ triều Vua ta, tự trước chưa có Lục. Nay Long.Cương Cao.Chế-Đài xếp lại soạn thành tập, lại tường biễn cả sự tích các viên trúng tuyển, chép xong, chung cầu viết Tựa. Hàm ( 載 ) này hân hạnh được đeo tên vào hàng cuối Tựa. Duy tự xét học lực thô nông, không đủ xứng với tên vĩ đại đó, vừa e sợ, vừa phẩn khởi, nên viết bài này để ghi chút lòng cảm.

Lại thường nghe : Các vật đều tụ tập vào nơi ưa chuộng, như người chuộng của báu, thì vàng ngọc chứa đầy ruộng, người chuộng sách văn, tất khoa bằng hợp chặt nhà, Chế-Đài trước đã soạn cuốn Hương-Khoa-Lục, nay lại xếp soạn thành cuốn Hội-Khoa-Lục này, đủ biết

nhà tra chuộng sách văn của ông đến mức độ nào vậy.  
Hiện nay con trai trưởng ông là Bạt-Sa Xuân-Tiểu (春  
暹), đã liệt tên vào Lục trước, tất sẽ có hy vọng liệt  
tên vào tập này.

Ngày trung-cán (1) tháng năm, niên hiệu Thành-  
Thái (成泰) thứ sáu (1894).

Sắc tứ Đệ-Nhất-Giáp Tiến-sĩ Cập-Đê đệ tam danh,  
Quang-Lộ-Tự Thiệu-Khanh, lĩnh Hà-Nội Học-Chánh  
kiêm sung Đồng-Văn-Quán Mộng-Hải Vũ-Phạm-Hàm  
(武范端) Kinh từa.

---

(1) Trung cán (中浣) là từ ngày 11 đến ngày 20 trong  
tháng Trung-cán cũng như trung-tuần vậy.



## CÁC LỆ

1.— Vị đại-khoa nào gia thế trong bốn năm đời, hoặc trong ba đời, đều có người trúng chánh-bảng, thì nêu 4 chữ: Thế khoa và liên đăng (1).

Vị nào trong năm đời, hoặc ba đời, hoặc hai đời, gián cách có người trúng chánh-bảng, thì nêu 2 chữ: Thế khoa.

Vị nào có một đời trúng chánh-bảng, ngoài ra đều là Phó-Bảng, thì chỉ nêu mấy chữ: Mỗ mỗ đăng khoa (2).

2.— Vị nào gia-thế có người trong họ để tang nhau tự 5 tháng, 9 tháng đến một năm, mà đỗ tự Phó-Bảng trở lên, thì đều nêu những chữ: Đăng-Khoa, đồng đăng khoa (3).

3.— Vị nào trong họ có người để tang tự 5 tháng 9 tháng đến một năm, mà đỗ Cử-nhân, đều có ghi nơi cuối.

4.— Các vị khi dự thi, xuất thân do Cử-nhân, Giám sinh, Cống-sinh hay Tú-tài, đều có ghi nơi cuối.

5.— Vị nào trúng Cử-nhân khoa nào. Khi dự thi hiện là chức quan gì, hàm gì, đều có ghi nơi cuối.

---

(1) Thế Khoa (世科) là đời ông cha đã đỗ, đến con cháu lại đỗ. Liên đăng (連登) là đời trước đời sau đỗ liên tiếp, không gián đoạn.

(2) Mỗ Mỗ đăng khoa (某某登科) là người này, người này thi đỗ.

(3) Đăng khoa (登科) là thi đỗ, đồng đăng khoa (同登科) là cùng thi đỗ.

6. — Vị nào khi trúng tuyển hiện bao nhiêu tuổi, đều có ghi nơi cuối.

7. — Khoa nào mà trong một khoa thi, Đình mấy lần, và một người mà vào Đình đối mấy khoa, đều có chú rõ.

8. — Vị nào là Hương-Nguyên, Hội-Nguyên, Song-Nguyên hay Tam-Nguyên (4), đều có ghi nêu.

9. — Vị nào văn-chương sự-nghiệp rực rỡ, ai ai cũng biết, mà có thể xét kịp, thì cứ chép theo sự thực. Nếu chưa xét kịp được, thì lưu không.

10. — Vị nào sau khi sự-nghiệp đã định hẳn, là chức quan gì, hoặc cách, hoặc giáng, hoặc khai phục, hoặc truy thụ (2). Đều có chú rõ.

11. — Vị nào bước công danh hiện còn đang thời kỳ tiến triển, thì chỉ chú là : Hiện chức quan mỗ, hàm mỗ.

12. — Vị nào gia-thể và sự-nghiệp, mà biết đích xác, đều có chú rõ. Nếu vị nào chưa tường, thì lưu không, chớ xét sẽ biên tiếp.

13. — Trong tập này hiện chép 30 khoa, chia làm 3

---

(1) Hương-Nguyên (鄉元) là đồ đầu hàng Cử-Nhân khoa thi Hương. Hội-Nguyên (會元) là đồ đầu kỳ thi Hội. Song-Nguyên (雙元) là hai lần đồ đầu : Trúng Hương-Nguyên lại trúng Hội-Nguyên, hoặc trúng Hội-Nguyên lại trúng Đình-Nguyên. Tam-Nguyên (三元) là ba lần đồ đầu : Hương-Nguyên, Hội-Nguyên, Đình-Nguyên.

(2) Cách (革) là cách mất chức quan. Giáng (降) là chức quan giáng xuống mấy bậc. Khai phục (開復) là đã mất chức quan, sau lại được Vua gia ân cho lại chức quan. Truy thụ (追授) là sau khi chết, được Vua truy phong chức quan.

quyển : Quyển nhất, chép 11 khoa, tự niên hiệu Minh-Mệnh (明命) đến niên hiệu Thiệu-Trị (紹治).

Quyển nhị, chép 10 khoa, tự năm Mậu-thân (1848) đến năm Mậu-thìn (1868), niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

Quyển tam, chép 9 khoa, tự năm Kỷ-Tỵ (1869) niên hiệu Tự-Đức (嗣德) đến năm Nhâm-thìn (1892) niên hiệu Thành-Thái (成泰).

14. — Từ nay trở về sau, mỗi khi gặp khoa thi, sẽ theo các lệ trên mà ghi chép nối tiếp.

### Tổng số các Khoa :

Niên hiệu Minh-Mệnh (明命) 6 khoa (đều là khoa chính).

Niên hiệu Thiệu-Trị (紹治) 5 khoa (2 ân khoa, 3 chính khoa).

Niên hiệu Tự-Đức (嗣德) 16 khoa (2 Ân khoa, 12 Chính khoa, 1 Chế-khoa và 1 Nhā-Sĩ).

Niên hiệu Kiến-Phúc (建福) 1 Ân-Khoa,

Niên hiệu Thành-Thái (成泰) 2 khoa (đều là Chính-khoa).

Từ năm Nhâm-ngọ, niên hiệu Minh-Mệnh (明命) thứ ba (1822), đến năm Nhâm-thìn, niên hiệu Thành-Thái (成泰) thứ bốn (1892), Cộng 30 khoa : 5 Ân khoa, 23 Chính khoa, 1 Chế-khoa và 1 Nhā-Sĩ.

Gồm 506 viên trúng tuyển, trong đó 229 viên trúng Chánh-bảng : 11 viên trúng Nhất-Giáp, 43 viên trúng Nhị-Giáp, 175 viên trúng Tam-Giáp. Phó Bảng 277 viên.

Trong Chánh-bảng có 3 viên trúng Tam-Nguyên :

Vũ-Phạm-Hàm (武范謙) trúng Nhất-Giáp Thám-Hoa. Nguyễn-Khuyến (阮勳) và Trần-Bích-San (陳碧珊) trúng Nhị-Giáp (1).

Có 5 viên trúng Hội Đình song nguyên :

Nguyễn - Cửu - Trường (阮久長), Nguyễn-Ngọc (阮钰), Nguyễn-Khắc-Cần (阮克勤), Phạm-Thanh (范清) và Nguyễn-Đức-Quý (阮德貴). Năm viên này đều trúng Nhị-giáp.

Có 31 viên Hương-Nguyên trúng cách (23 viên dự Chánh-Bảng, và 7 viên dự Phò-Bảng).

Có 4 viên Hương-Nguyên lại trúng Đình-Nguyên :

Hoàng-Tể-Mỹ (黃濟美), Nguyễn-Hữu-Cơ (阮有機) Nguyễn-Hữu-Lập, (阮有立); Đỗ-Huy-Liêu (杜輝瑋). Bốn viên này đều trúng Nhị-Giáp.

Có 4 viên Hương-Nguyên lại trúng Hội-Nguyên :

Nguyễn-Văn-Giao (阮文交) trúng Nhất-Giáp Thám-Hoa, Lê-Khắc-Cẩn (黎克謹) trúng Nhị-Giáp, Phạm-Phú-Thứ (范富庶) và Hoàng-Hữu-Thường (黃有常) đều trúng Tam-Giáp (2).

Có 16 viên vừa Cống-Sinh, Tú-Tài và Giám-Sinh dự trúng :

Phan-Dưỡng-Hạo (潘養浩) trúng Nhất-Giáp Thám-Hoa. Nguyễn-Huy-Hựu (阮輝佑), Nguyễn-Cửu-Trường (阮久長) và Ngô-Đức-Bình (吳德平) đều trúng Nhị-

---

(1) Nhị-Giáp (二甲) là Hoàng-Giáp.

(2) Tam-Giáp (三甲) là Tiên-Sĩ.

Giáp. Vũ-Công-Độ (武功度), Nguyễn-Hoàng-Nghĩa (阮弘義), Lê-Thiện-Trị (黎善治), Nguyễn-Đức-Tuệ (阮德穗), Nguyễn-Xuân-Thọ (阮春壽), Nguyễn-Danh-Vọng (阮名望) và Nguyễn-Quý-Tân (阮貴新) đều trúng Tam-Giáp. Phạm-Xuân-Quế (范春桂), Lưu-Văn-Bình (劉文平), Hoàng-Dụng-Tân (黃用賓), Nguyễn-Phụ (阮輔) và Nguyễn-Thiện (阮諤) đều trúng Phó-Bảng.

Có 4 viên Tú-Tài đã làm công-chức dự trúng :

Huấn-Đạo Vũ-Huy-Dực (武輝翼) trúng Thám-Hoa. Bát-Phẩm chánh ngạch Vũ-Tuấn (武峻) trúng Tam-Giáp. Huấn-Đạo Trần-Nguyên-Hy (陳元憲) và Giáo-Thụ Bùi-Sĩ-Tuyển (裴士選) đều trúng Phó-Bảng.

Có 1 viên Tú-Tài chưa xuất chính dự trúng :

Phạm-Huy (范徽) trúng Nhị-Giáp Chẽ-Khoa.

Có 1 viên học-sinh sung Phủ-Cống dự trúng :

Phạm-Đức-Quý (范德貴) trúng Phó-Bảng.

Có 10 viên đã tuổi già (tự 50 tuổi trở lên) dự trúng :

Khiếu-Hữu-Sử (卞有文) 58 tuổi, trúng Phó-Bảng. Vũ-Tuấn (武峻) 55 tuổi, trúng Tam-Giáp. Phạm-Duy-Đón (范惟敦) 55 tuổi, trúng Nhị-Giáp. Vũ-Huy-Dực (武輝翼) 54 tuổi, trúng Nhất-Giáp. Nguyễn-Văn-Vĩ (阮文疊) 54 tuổi, trúng Phó-Bảng. Ngô-Trạch (吳澤) 54 tuổi, trúng Phó-Bảng. Nguyễn-Hoàng-Nghĩa (阮弘義) 51 tuổi, trúng Tam-Giáp. Trần-Nguyên-Hy (陳元憲) 52 tuổi, trúng Phó-Bảng. Bùi-Sĩ-Tuyển (裴士選) 52 tuổi, trúng Phó-Bảng. Dương-Thúc-Cáp (楊叔珩) 50 tuổi, trúng Tam-Giáp.

Có 1 viên trẻ tuổi (tự 20 tuổi trở lên) dự trúng :

Lê-Văn-Chân ((黎文真) 19 tuổi, trúng Tam-Giáp.

Có 1 nhà 3 đời trúng liền (tự Chánh Bằng trở xuống):

Cha là Hoàng-Xuân-Thụ (黃春曙) trúng Tam-Giáp thời Cổ-Lê, con là Hoàng-Tể-Mỹ (黃濟美) trúng Nhị-Giáp, cháu là Hoàng-Tướng-Hiệp (黃相協) trúng Tam-Giáp.

Có 2 Nhà 3 đời đỗ gián cách :

1— Ông Tổ là Lưu-Tiếp (劉睫) trúng Tam-Giáp thời Cổ-Lê, cháu là Lưu-Quī (劉揆) trúng Tam-Giáp.

2— Ông Tổ là Đinh-Văn-Phác (丁文樸) trúng Tam-Giáp, cháu nội là Đinh-Văn-Chất (丁文質) trúng Tam-Giáp.

Có 5 Nhà cha con đỗ liền :

1— Cha là Bùi-Dương-Lịch (裴揚瀝) trúng Tam-Giáp thời Cổ-Lê, con là Bùi-Thức-Kiên (裴式堅) trúng Nhị-Giáp.

2— Cha là Bùi-Đình-Bảo (裴廷保) trúng Tam-Giáp, con là Bùi-Uớc (裴約) trúng Tam-Giáp.

3— Cha là Phan-Tam-Tĩnh (潘三省) trúng Tam-Giáp, con là Phan-Trọng-Mưu (潘仲謀) trúng Tam-Giáp.

4— Cha là Nguyễn-Văn-Phú (阮文富) trúng Nhị-Giáp, con là Nguyễn-Kham (阮堪) trúng Tam-Giáp.

5— Cha là Nguyễn-Thượng-Phiên (阮尚額) trúng Nhị-Giáp khoa Nhā-Sī, con là Nguyễn-Thượng-Hiền (阮尚賢) trúng Nhị-Giáp.

Có 8 nhà cha con đỗ gián cách Chánh-Bằng Phó-Bằng:

1— Cha là Nguyễn-Văn-Dực (阮文昱) trúng Phó-

Bảng, con là Nguyễn-Văn-Thích (阮文適) trúng Tam-Giáp.

2— Cha là Đỗ-Huy-Uyển (杜輝琬) trúng Phó-Bảng, con là Đỗ-Huy-Liêu (杜輝璪) trúng Nhị-Giáp.

3— Cha là Phan-Đình-Tuyển (潘廷選) trúng Phó-Bảng, con là Phan-Đình-Vận (潘廷運) trúng Phó-Bảng và Phan-Đình-Phùng (潘廷逢) trúng Tam-Giáp.

4— Cha là Trần-Doãn-Đạt (陳尹達) trúng Phó-Bảng, con là Trần-Hy-Tăng (陳希曾) trúng Nhị-Giáp.

5— Cha là Phạm-Đăng-Nghị (范登議) trúng Nhị-Giáp, con là Phạm-Đăng-Giảng (范登講) trúng Phó-Bảng.

6— Cha là Vũ-Văn-Lý (武文理) trúng Tam-Giáp, con là Vũ-Văn-Báo (武文豹) trúng Phó-Bảng.

7— Cha là Nguyễn-Thái-Đề (阮泰梯) trúng Tam-Giáp, con là Nguyễn-Thái-Tuân (阮泰恂) trúng Phó-Bảng.

Có 1 nhà anh em cùng đỗ :

Anh là Hoàng-Đình-Chuyên (黃廷專) trúng Tam-Giáp, em là Hoàng-Đình-Tá (黃廷佐) trúng Nhị-Giáp.

Có 7 nhà anh em đỗ gián cách Chánh-Bảng và Phó-Bảng :

1— Anh là Phan-Văn-Nhã (潘文雅) trúng Phó-Bảng, em là Phan-Đình-Tuyển (潘廷選) trúng Phó-Bảng.

2— Anh là Nguyễn-Xuân-Bảng (阮春榜) trúng Phó-Bảng, em là Nguyễn-Xuân-Phan (阮春潘) trúng Tam-Giáp.

3— Anh là Nguyễn-Tường-Vĩnh (阮祥永) trúng Phó-Bảng, em là Nguyễn-Tường-Phổ (阮祥溥) trúng Tam-Giáp.

4— Anh là Lê-Đức (黎德) trúng Phó-Bảng, em là Lê-Tuấn (黎峻) trúng Nhị-Giáp.

5— Anh là Phạm-Thế-Hiến (范世顯) trúng Tam-Giáp, em là Phạm-Thế-Húc (范世頊) trúng Phó-Bảng.

6— Anh là Hoàng-Dụng-Tân (黄用賓) trúng Phó-Bảng, em là Hoàng-Văn-Đoài (黄文兌) trúng Tam-Giáp.

7— Anh là Phan-Đình-Phùng (潘廷逢) trúng Tam-Giáp, em là Phan-Đình-Vận (潘廷運) trúng Phó-Bảng.

Có 2 nhà anh em họ đồ đồng khoa :

1— Anh họ là Phan-Trọng-Mưu (潘仲謀) em họ là Phan-Huy-Nhuận (潘輝潤), cùng đồ Tam-Giáp khoa Kỷ-Mão (1879) niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

2— Anh họ là Bùi-Văn-Dị (裴文猷), em họ là Bùi-Văn-Quế (裴文桂), cùng trúng Phó-Bảng khoa Ất-Sửu. Đến năm Thành-Thái (成泰) thứ hai (1890), vì Văn-Dị nguyên trúng Chánh-trúng-cách, Vua gia ân cho là Tiến-Sĩ.

Có 1 nhà anh em họ cùng đồ :

Anh họ là Nguyễn-Đức-Đạt (阮德達) trúng Nhất-Giáp, em họ là Nguyễn-Đức-Quý (阮德貴) trúng Nhị-Giáp.

Có 2 nhà bác và cháu đồ gián cách Chánh Phó bảng :

1— Bác là Phan-Văn-Nhã (潘文雅) trúng Phó-Bảng, cháu là Phan-Đình-Vận (潘廷運) trúng Phó-Bảng, và Phan-Đình-Phùng (潘廷逢) trúng Tam-Giáp.

2— Bác là Tạ-Kim-Vực (謝金城) trúng Phó-Bảng, cháu là Tạ-Hàm (謝涵) trúng Tam-Giáp.



Có 3 nhà chú và cháu đều đỗ :

1— Chú là Nguy-Khắc-Tuần (魏克循) trúng Tam-Giáp, cháu là Nguy-Khắc-Đản (魏克懽) trúng Thám-Hoa.

2— Chú là Hoàng-Trọng-Nguyên (黃仲元) trúng Tam-Giáp, cháu là Hoàng-Trọng-Từ (黃仲辭) trúng Tam-Giáp.

3— Chú là Nguyễn-Văn-Giao (阮文交) trúng Nhất-Giáp, cháu là Nguyễn-Hữu-Lập (阮有立) trúng Nhị-Giáp.

Có 1 Trường, Thầy và học trò đỗ đồng khoa :

Thầy học là Phạm-Nhật-Tân (范日新), học trò là Trần-Văn-Hệ (陳文係) cùng trúng Tam-Giáp khoa Tân-Hội (1851) niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

• Có 5 Thôn người trong Thôn đỗ đồng khoa :

1— Thôn Kinh-Đôi, Hồ-Sĩ-Tuần (胡士馴) và Văn-Đức-Giai (文德佳), đều trúng Tam-Giáp khoa Giáp-Thìn (1844), niên hiệu Thiệu-Trị (紹治).

2— Thôn La-Hà, Phạm-Nhật-Tân (范日新) và Trần-Văn-Hệ (陳文係), đều trúng Tam-Giáp khoa Tân-Hội (1851) niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

3— Thôn Bích-La, Lê-Thụy (黎瑞) trúng Tam-Giáp, Lê-Đặng-Trinh (黎登貞) trúng Phó-Bảng, cùng khoa Ất-Hội (1875) niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

4— Thôn Đông-Thái, Phan-Trọng-Mưu (潘仲謀) và Phan-Huy-Nhuận (潘輝潤) cùng trúng Tam-Giáp khoa Kỹ-Mão (1879) niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

5— Thôn Hành-Thiện, Nguyễn-Ngọc-Liên (阮玉蓮) và Đặng-Hữu-Dương (鄧有揚) cùng trúng Tam-Giáp khoa Kỹ-Sửu (1889) niên hiệu Thành-Thái (成泰).

Có 1 Tổng người cùng Tổng đồ đồng khoa :

Tổng Nam-Kim, Nguyễn-Đức-Đạt (阮德达) và Nguyễn-Văn-Giao (阮文交) đều trúng Nhất-Giáp khoa (1853) niên hiệu Tự-Đức (嗣德).

Có 1 nhà cha con đồ liên tiếp khoa trước khoa sau :

Cha là Trần-Doãn-Đạt (陳尹達) trúng Phó-Bảng Nhâm-Tuất (1862) niên hiệu Tự-Đức (嗣德), con là Trần-Hy-Tăng (陳希曾) trúng Nhị-Giáp khoa Kỷ-Sửu (1877) (1).

Có 2 Thôn, người trong Thôn đồ liên tiếp khoa trước khoa sau :

1— Thôn Đông-Thái, Phan-Du (潘瑜) trúng Tam-Giáp khoa Ất-Hợi, (1875) niên hiệu Tự-Đức (嗣德), Phan-Tiến-Phùng (潘廷逢) trúng Tam-Giáp khoa Đinh-Sửu (1877), Phan-Trọng-Mưu (潘仲謀) và Phan-Huy-Nhuận (潘輝潤) đều trúng Tam-Giáp khoa Kỷ-Mão (1879).

2— Thôn Hành-Thiện, Nguyễn-Âu-Chuyên (阮歐顛) trúng Phó-Bảng ân khoa năm Giáp-Thân (1884) niên hiệu Kiến - Phúc (建福). Nguyễn - Ngọc - Liên (阮玉蓮) và Đặng-Hữu-Dương (鄧有揚) cùng trúng Tam-Giáp khoa Kỷ-Sửu (1889), niên hiệu Thành - Thái (成泰).

15— Trong Tập có 31 viên trúng Chánh-Bảng và Phó-Bảng, mà quan tới chức Chánh-Khanh (trừ những viên đã được cách và được giáng không kể):

(1) Có lẽ Ất-Sửu mới đúng là khoa sau.

**Thượng-Thư :**

Đặng-Đức-Địch (鄧德迪), Hoàng-Văn-Thu (黃文收), Đỗ-Đăng-Đệ (杜登第), Trần-Văn-Truân (陳文準), Ngụy-Khắc-Đản (魏克儼), Hà-Văn-Quan (何文閻), Nguyễn-Phiên (阮顛) và Dương-Khuê (楊珪).

**Tặng Thượng-Thư :**

Hà-Quyền (何權), Hoàng-Tể-Mỹ (黃濤美), Lâm-Chuân (林準), Đỗ-Quang (杜光), Nguyễn-Khắc-Cần (阮克勤) và Hoàng-Tướng-Hiệp (黃相協).

**Tông-Đốc :**

Phạm-Quī (范瓚), Đặng-Kim-Toán (鄧金算), Bùi-Ngọc-Quī (裴玉櫃), Nguyễn-Bá-Nghi (阮伯儀), Nguyễn-Văn-Phú (阮文富), Hoàng-Điều (黃耀), Vũ-Văn-Bảo (武文豹), và Đỗ-Huy-Điển (杜輝璵).

**Hiệp-Biện :**

Phan-Thanh-Giản (潘清簡), Phạm-Văn-Tường (范文祥), Lê-Bá-Thận (黎伯慎), Nguyễn-Chánh (阮政), Bùi-Văn-Dị (裴文僊) và Hoàng-Hữu-Thường (黃有常).

**Tặng Hiệp-Biện :**

Ngụy-Khắc-Tuân (魏克循), Lê-Tuân (黎峻), và Phạm-Phú-Thứ (范富庶).

16— Có 3 viên thăng tới Cung hàm :

Bùi-Tuân (裴峻), Đoàn-Văn-Bình (段文平) và Nguyễn-Thuật (阮述) đều hàm Thái-Tử-Thiếu-Bảo.

17— Có 4 viên thăng tới Điện hàm :

Đông-Các-Đại-Học-Sĩ : Trương-Quốc-Dụng (張國

用). Văn-Minh-Đại-Học-Sĩ : Trần - Tiên - Thành (陳踐誠), Nguyễn-Trọng-Hợp (阮仲合) và Phan - Đình - Bình (潘廷評).

Có 2 vị liệt vào hàng Tước

Văn-Minh-Đại-Học-Sĩ Phù-Quốc-Công Phan-Đình-Bình (潘廷評).

Văn-Minh-Đại-Học-Sĩ Vĩnh - Trung - Tử Nguyễn-Trọng-Hợp (阮仲合).

Các vị Hương-Nguyên dự trúng Chánh-Bảng :

Nhất-Giáp :

Phạm-Thanh (范清), Nguyễn-Văn-Giao (阮文交), và Vũ-Phạm-Hàm (武范誠).

Nhị-Giáp .

Hoàng-Tử-Mỹ (黃濟美), Nguyễn-Hữu-Cơ (阮有機), Nguyễn - Hữu - Lập (阮有立), Lê - Khắc - Cần (黎克勤), Trần-Bích-San (陳碧珊) và Đỗ-Huy-Liêu (杜輝璠).

Tam-Giáp :

Phan-Hữu-Tính (潘有性), Trần-Lê-Hiệu (陳黎倣), Nguyễn-Văn-Tùng (阮文松), Bùi-Tuấn (裴峻), Trần-Văn-Chánh (陳文正), Phạm-Phú-Thứ (范富庶), Đỗ - Phát (杜發), Trần-Văn-Chuẩn (陳文準), Nguyễn-Chánh (阮政), Nguyễn-Khuyến (阮勸)(1), Nguyễn-Kham (阮堪), Hoàng-

---

(1) Cụ Nguyễn-Khuyến tức cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ. Xét trong khoa Tân-mùi (1871) niên hiệu Tự-Đức thứ 24 chép trong Lục này thì Cụ trúng Nhị-Giáp. Và khoa ấy chỉ có một mình Cụ trúng Nhị-Giáp (không có Thám-hoa, Bảng-nhơn) là đứng đầu khoa, nên mới có danh hiệu Tam-nguyên. Như vậy liệt vào hàng Tam-Giáp có lẽ viết lầm chăng ?

Hữu-Thường (黃有常), Trần-Phát (陳發) và Chu-Mạnh-Trình (朱孟楨).

Phó-Bảng :

Lê-Vĩnh-Khanh (黎永卿), Đoàn-Văn-Bình (段文評), Nguyễn-Đình-Tuân (阮廷洵), Trần-Vỹ (陳瑋), Lê-Đăng-Trình (黎登楨), Phạm-Văn-Hành (范文衡), Nguyễn-Âu-Chuyên (阮歐顛), và Phạm-Thế-Húc (范世頊).

Tự đây trở lên, về khoa thi, thì kê tự khoa Nhâm-Thìn niên hiệu Thành-Thái (成泰) thứ bốn (1892) trở về trước, về quan tước, thì kê tự năm Thành-Thái (成泰) thứ sáu (1894) trở về trước. Sau này như có viên nào thăng chức, sẽ biên bổ tiếp.

---



國朝登科錄

QUỐC - TRIỀU ĐĂNG - KHOA LỤC

卷一

QUYỂN NHẤT

Tam Tuyên Tông - Đốc An - Xuân Nam

Long - Cương CAO - XUÂN - DỤC Tử - Phát

*biên - tập*

CAO - XUÂN - TIỂU

ĐẶNG - VĂN - THỤY

NGUYỄN - DUY - NHIẾP

cùng đính - chính

# KHOA NHÂM - NGỌ, NIÊN - HIỆU

MINH - MỆNH (明命) thứ ba (1822).

Lệ-định :

Quan trường : Đặt một viên Chủ-khảo, hai viên Tri-Cống-Cử, một viên Chánh-Đề-Điệu, và một viên Phó-Đề-Điệu.

Các viên Cống-Cử, Giám-sinh dự thi, làm văn viết quyền bằng mực đen. Các viên Thư-Lại theo đó viết đăng tả (1) ra quyền khác bằng son đỏ. Những quyền đó đều dùng thứ giấy quan-lệnh ấn hồng, hạn mỗi trang viết 8 dòng; mỗi dòng 20 cách (2).

Những quyền trúng, theo đúng kỳ ra bằng, vào thi Đình, rồi cho đỗ Tiến-Sĩ và Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-Thân có thứ bậc.

Những viên trúng tuyển đều được Vua ban : Mũ, áo, trâm, lụa màu, và được dự yến. Lại cấp cờ, biển, vinh qui.

Quan đọc quyền :

Trịnh-Hoài-Đức (鄭懷德)

Nguyễn-Hữu-Thận (阮有慎)

Nguyễn-Văn-Hung (阮文興)

Nguyễn-Huy-Trình (阮輝楨)

Khoa này chưa có lệ đặt quan duyệt quyền.

---

(1) Đăng tả (騰寫) là lời viết chữ phân minh, nét nào ra nét ấy, khác với lời viết thảo.

(2) Một chữ trên, một chữ dưới, cái khoảng trống ở nơi hai chữ đó, gọi là một cách.



Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

NGUYỄN Ý (阮懿)

Quán xã Văn-La, Huyện Thanh-Trì, tỉnh Sơn-Nam-Thượng (năm ấy, sau khi thi xong, đổi Sơn-Nam-Thượng-Trấn, gọi là Sơn-Nam-Trấn, nay thuộc tỉnh Hà-Nội. Dưới đây, có chỗ nào chép Sơn-Nam-Thượng, đều theo lệ này).

Sinh năm Bình-Thìn (1796), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Ty (1821).

Hàm Biên-Tu.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

LÊ-QUANG (黎光)

Quán xã Bình-Vọng, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Sơn-Nam-Thượng.

Là anh viên Cử-Nhân Thúc-Dịch.

Sinh năm Nhâm-Tuất (1802), 21 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Tân-Ty (1821).

Chức Tham-Biện tỉnh Bình-Định.

PHAN-HỮU-TÍNH (潘有性)

Hương-Nguyên

Quán Xã Quỳnh-Đôi, huyện Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Giáp-Ngọ (1774), 49 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Tân-Ty (1821).

Chức Lang Trung Bộ Binh.

HÀ-TÓN-QUYỀN (何宗權)

Sau đổi tên là Hà-Quyền.

Hội-Nguyên

Quán Xã Cát-Động, huyện Thanh-Oai, tỉnh Sơn-Nam-Thượng.

Sinh năm Mậu-Ngọ (1798), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Ty (1821).

Ông thiên tư thông minh linh lợi, nổi tiếng nhất thời bấy giờ! Chức Tham-Tri Bộ Lại, tể tướng Thượng-Thư Bộ Lễ.

Khi ông nhậm chức ở Kinh, được Vua rất mến trọng! Vua đặc cách cho bà cụ thân sinh ra ông được vào chiêm bái trước bệ rồng, ơn vinh khác thường!

Ông có soạn cuốn Mộng-Dương-Thi-Tập, và cuốn Tồn-Phủ-Thi-Văn-Tập, được đời lưu hành.

### ĐINH-VĂN-PHÁC (丁 文 樸)

Ba đời đỗ gián cách.

Quán Xã Kim-Khê, Huyện Chân-Lộc, tỉnh Nghệ-An.

Là ông Tờ viên Tam-Giáp Văn-Chất, và là con viên Cử-Nhân Văn-Phiên.

Sinh năm Canh-Tuất (1790), 33 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Tân-Ty (1821).

Sau bị tội, đục xóa tên trong bia Tiến-Sĩ.

### VŨ-ĐỨC-KHUÊ (武 德 奎)

Anh em đều đỗ

Quán Xã Hoa-Đường, huyện Đường-An, tỉnh Hải-Dương.

Là anh viên Tam-Giáp Công-Nho.

Sinh năm Quý-Sửu (1793), 30 tuổi,

Trúng Cử-Nhân khoa Tân Ty (1821).

Chức Tham-Tri Bộ Hộ. Giảng xướng chức Tư-Vụ.  
Sau được tặng chức Lang-Trung.

PHAN-BÁ-ĐẠT (潘伯達)

Quán Xã Việt-An Hạ, huyện La-Sơn, tỉnh Nghệ-An.  
(hạt này nay thuộc vào tỉnh Hà-Tĩnh. Dưới đây có chỗ nào chép huyện La-sơn, đều nên hiểu như vậy).

Là anh viên Cử-Nhân Đình-Ban.

Sinh năm Đinh-Mùi (1787), 36 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Kỷ-Mão (1819).

Chức Tổng-Đốc tỉnh Định-An, giảng xướng chức Viên  
Ngoại.

Ông có soạn bộ Ngũ-Kinh-Tinh-Lý-Tiết-Yếu, giữ bản.

TRẦN-LÊ-HIỆU (陳黎倣)

Hương-Nguyên

Quán xã Phú-Lý, huyện Đông-Sơn, tỉnh Thanh-Hoa  
(Nay đổi là tỉnh Thanh-Hóa. Dưới đây có chỗ nào chép  
Thanh-Hóa, đều cùng lệ này).

Sinh năm Ất-Ty (1785), 38 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Kỷ-Mão (1819).

Chức Lang-Trung, hưu trí.

---

## KHOA BÌNH - TUẤT

Niên-Hiệu MINH-MẠNH (明命) thứ bảy (1826)

Khoa này đổi lại phép thi, theo phép thời Lê : Lấy những năm Thìn, Tuất, Sửu và Mùi là khoa thi Hội :

Quan Duyệt quyền :

Hà-Quyền (何權)

Phan-Bá-Đạt (潘伯達)

Quan Đọc quyền :

Trần-Lợi-Trinh (陳利貞)

Hoàng-Kim-Hoán (黃金煥)

Phan-Huy-Đề (潘輝堤)

Lê-Đăng-Doanh (黎登瀛)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

HOÀNG-TẾ-MỸ (黃濬美)

Hương-Nguyễn.

Thế khoa, liên đẳng.

Quán xã Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Sơn-Tây.  
Nguyên trước quán Bắc-Kinh.

Là con viên Tam-Giáp thời Cở - Lê Xuân-Thư, và  
là thân phụ viên Tam-Giáp Trương-Hiệp.

Sinh năm Ất-Mão (1795), 32 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Ất-Dậu (1825).

Phụng mệnh sung chức Chánh-Sứ sang Sứ triều  
Đại-Thanh.

Chức Tham-Tri Bộ Binh, Tặng chức Thượng-Thư,

NGUYỄN-HUY-HỤU (阮輝佑)

Quán xã Xuân-Niêu, huyện Tứ-Kỳ, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Quý-Mão (1783), 44 tuổi.

Giám-sinh.

Chức Đốc-Học.

Sắc ban, Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

PHAN-THANH-GIẢN (潘清簡)

Quán xã An-Hòa, huyện Vĩnh-Bình, tỉnh Vĩnh-Thanh. (năm Minh-Mệnh (明命) thứ mười hai (1831) vì cũ tên Lăng, đổi là tỉnh Vĩnh-Long).

Sinh năm Bính-Thìn (1796), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Ông là người đỗ đại-khoa trước nhất của Nam-Kỳ. Lực học tinh thuần, tính hạnh chính trực! Từng đi Sứ sang nước Trung-Hoa (中華). Chức quan trải qua Thượng-Thư bộ Lễ, bộ Hình và bộ Hộ. Hàm Hiệp-Biện-Đại-Học-Sĩ, sung Cơ-Mật-Đại-Thần. Sung chức Sứ-Thần sang nước Đại-Pháp (大法). Lại sung chức Nam-Kỳ-Kinh-Lược-Đại-sứ. Sau vì bị bách phải giao 3 tỉnh An-Giang Hà-Tiên và Vĩnh-Long, ông bèn tuyệt thực chết! Bởi thế án nghĩ cướp hết quan tước, và đục xóa tên trong bia Tiến-Sĩ.

Đến năm Đồng-Khánh (同慶) thứ nhất (1886), lại được khai phục nguyên hàm.

Ông có soạn những tập Lương-Khé Thi-Văn-Tập.

CHU-VĂN-NGHỊ (朱文議)

Quán xã An-Phụ, huyện An-Phong, tỉnh Bắc-Ninh.

(tỉnh Bắc-Ninh nguyên trước thuộc Trấn Kinh-Bắc, đến năm thứ ba (1822), đổi là Trấn Bắc-Ninh. Chép vào Khoa-Lục bằng Bắc-Ninh là bắt đầu tự đây).

Là thân-phụ viên Cử-Nhân Văn-Giang.

Sinh năm Đinh-Mùi (1787), 40 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Kỹ-Mão (1819).

VŨ-TÔN-PHAN (武宗潘)

Quán Xã Tự-Tháp, huyện Thọ-Xương, Phủ Phụng-Thiên, Bắc-Thành (hạt này nay thuộc tỉnh Hà-nội. Dưới đây có chỗ nào chép đều nên hiểu như vậy). Nguyên trước là người Xã Hoa-Đường, huyện Đường-An.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 23 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Tham-Hiệp, giảng xướng chức Đốc-Học tỉnh Bắc-Ninh. Xin cáo về hưu. Khi hưu trí, ông dạy học, học trò nhiều người thành đạt !

TÔ-TRÂN (蘇珍)

Quán xã Hoa-Cầu (nay đổi là Xuân-Cầu), huyện Văn-Giang, tỉnh Bắc-Ninh.

Là thân-phụ viên Cử-nhân Đẳng.

Sinh năm Tân-Hợi (1791), 36 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Định-Tường, vì mất Thành, bị cách. Sau lại được khai phục thăng đến chức Hữu-Tham-Tri Bộ Lễ, sung Sĩ-Quán-Toàn-Tu. Sau về hưu-trí.

Nguyên ngày Thành Định-Tường bị mất, ông trốn

lũ nơi dân gian. Đến khi từ biệt tỉnh Định-Tường đi, có diễn ra bài thơ 8 chữ: Thự Lý Định Tường Tuần Phủ Tô Trán (著理定祥巡撫蘇珍) đề lưu làm kỷ-niệm.

Thơ rằng :

欲	罷	不	能	者	羽	廳
分	田	分	土	不	分	王
家	應	有	足	何	須	豕
禮	不	求	豐	只	用	羊
違	得	衆	人	推	幸	出
操	存	一	手	自	無	當
魚	遊	草	下	禾	邊	穩
玉	軫	移	車	茅	一	堂

Dục bãi bất năng, chứ vú dương,  
Phân điền, phân thổ, bất phân Vương.  
Gia ưng hữu thất hà tu thi,  
Lễ bất cầu phong chi dụng dương.  
Đạt đắc chứng nhân suy hạnh xuất,  
Thao tồn nhất thủ tự vô dương.  
Ngư du thảo hạ hòa biên ôn,  
Ngọc chần di xa tụy nhất đường.

Dịch nghĩa :

Muốn thôi không được, cánh cứ bay tung,  
Chia ruộng, chia đất, không chia Vua.  
Nhà đã có nếp cần gì lợn,  
Lễ chẳng cần to chỉ dùng dê.  
Suốt, được mọi người khen may thoát,  
Thao, còn một tay tự không đường !

Cả chữ này và chữ kia đều viết là  
Tư nghĩa tức về một mặt mà.

Diễn nghĩa văn vần :

Một nơi chữ này, chẳng cho trôi,  
Đến đến, nghĩa chữ này, chẳng cho trôi.  
Chữ này, chữ kia, đều là một chữ.  
Chữ này, chữ kia, đều là một chữ.  
Chữ này, chữ kia, đều là một chữ.  
Chữ này, chữ kia, đều là một chữ.  
Chữ này, chữ kia, đều là một chữ.  
Chữ này, chữ kia, đều là một chữ.

Hải nghĩa

Câu chữ nhất chữ chữ Tư

Độc hải bất năng chữ vi ngữ.

Theo sách và từ điển của nay, thì chữ hải 海  
trong câu chữ này 海 語, sau lại là chữ vọng 望  
chữ chữ (望) hay mất chữ vi 語 望, sau lại là  
chữ giả 假. Chữ chữ vọng 望, vào với chữ giả 假  
thì thành ra chữ Tư 語 假.

Không chỉ bốn chữ (độc hải bất năng) lại có chữ  
vấn vấn.

---

Ở Ba thư này, ngoài ý từ một nhà Dịch-Trung về nhà  
đạo giáo, ông Tô-Trân đã có làm hai lời-lạc, cũng ở câu thơ,  
mỗi câu là từ đang một chữ, có từ từ phải mất, mà thành  
3 chữ: Từ Lý Dịch-Trung Tuấn-Phi Tô-Trân, làm quyển chữ  
Tấn-Phi dịch Dịch-Trung Tô-Trân. Xem mỗi câu về cách từ  
tàng, chẳng khác gì một tay hoa-hi về hình dạng trong chữ, rất  
là cao thâm! Mà vẫn còn có nghĩa cách là khác. Lời thơ này thuộc  
nhà học thuật, phương-pháp như lời của về Ý nghĩa rất là vi  
mạo.



**Nghĩa chính :** Ý nói trước ông cũng vẫn muốn về nghỉ mà chưa được phép. Không phải là người tham quyền cố vị.

Câu thứ hai tả chữ *Lý* :

Phân điền phân thổ bất phân Vương.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ lý (里) chia làm đôi, thành ra chữ điền (田) và chữ thổ (土), hợp chữ điền (田) và chữ thổ (土) đã chia đó vào với chữ vương (王) để nguyên không chia, thì thành ra chữ *Lý* (理).

Sự phân chia ruộng đất là sự thường có ở nước nhà, đây chỉ sự mất thành.

**Nghĩa chính :** Ý nói: Tuy không may mất thành, ông được cách chức, song lúc nào cũng một dạ tôn Vua. Có ý trung nghĩa.

Câu thứ ba tả chữ *Định* :

Gia ung hữu thất hà tu thi.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ gia (家) bỏ chữ thi (豕) ở dưới đi, còn lại là nét dằng đầu (宀), đem chữ thất (疋) điền vào dưới dằng đầu đó, thì thành chữ *Định* (定).

**Nghĩa chính :** Ý nói nhà ông vốn là một nhà nề nếp, và không giàu có gì.

Câu thứ bốn tả chữ *Tường* :

Lễ bất cầu phong chỉ dụng dương.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ lễ (禮) bỏ chữ phong (豐) đi, còn lại là chữ kỳ (示), đem ghép

chữ dương ( 圭 ), vào với chữ kỳ ( 奇 ), thì thành chữ  
Trong ( 圭 ).

*Nghĩa chính:* Ý nói nay ông về nhà, tuy thanh đạm  
song vẫn đủ lễ nghi. Có vẻ thanh bạch.

Câu thứ năm tả chữ *Tuần*:

Đạt đặc chông nhân suy hạnh xuất.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ đạt ( 達 )  
đun chữ hạnh ( 幸 ), đi, còn lại là nét quai sước ( 辶 ),  
đem ba chữ nhân ( 人 人 人 ) điền vào trong quai sước  
( 辶 ), đó, thì thành chữ *Tuần* ( 逡 ).

*Nghĩa chính:* Ý nói ai ai cũng khen ông là người  
đạt, và may mà thoát nạn.

Câu thứ sáu tả chữ *Phủ*:

Thao tồn nhất thủ tự vô dương.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ thao ( 操 )  
bỏ bên phải đi, còn lại là nét thủ chống ( 扌 ), đem  
chữ vô ( 無 ), ghép vào với nét thủ chống ( 扌 ) đó, thì thành  
chữ *Phủ* ( 撫 ).

*Nghĩa chính:* Ý nói ta còn sống đây, thì sau này  
chưa biết ra thế nào? Chưa chắc đã ai đương nổi!  
Có hám chí khi hùng vĩ!

Câu thứ bảy tả chữ *Tố*:

Ngư du thảo hạ hòa biên ổn.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ ngư ( 魚 )  
đứng dưới nét thảo đầu ( 艹 ) và nằm bên chữ hòa  
( 和 ), tức là chữ *Tố* ( 鮒 ).

*Nghĩa chính:* Ý nói ông về vui thú điền viên, tiên

dao ngày tháng. Có vẽ tao nhã.

Câu thứ tám tả chữ *Trân*:

Ngọc chẵn di xa tụy nhất đường.

Theo cách tả tự dạng câu này, thì chữ ngọc (玉) đứng liền song hàng với chữ chẵn (𠄎), rồi dời bỏ chữ xa (𠄎) ở giữa đi, thì thành chữ *Trân* (珍).

*Nghĩa chính* : Ý nói nay ông về sum họp gia-đình.

NGUY-KHẮC-TUẦN (魏克循)

Thế khoa

Chú và cháu cùng đỗ

Quán xã Xuân-Viên, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Nghệ-An. (Hạt này nay thuộc tỉnh Hà-Lĩnh. Dưới đây có chỗ nào chép, đều nên hiểu như vậy).

Là chú viên Thám-Hoa Khắc-Đản, và là em viên Cử-Nhân Khắc-Thận, anh viên Cử-Nhân Khắc-Thành.

Sinh năm Kỷ-Mùi (1799) 28 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Tân-Ty (1821).

Chức quan trải qua Tuần-Phủ, Tổng-Đốc, dời sang Thượng-Thư bộ Hộ, được tặng hàm Hiệp-Biện-Đại-Học-Sĩ.

Ông nổi tiếng là người thanh liêm cần cán, rất được Vua thân mến! Khi ông vắng mệnh về giữ chức cũ (Sơn Hưng Tuyên Tổng-Đốc), vào chiêm bái, Hoàng-Thượng có ban khen bài thơ như sau :

趨 庭 述 職 展 升 忱  
保 障 還 期 勵 爾 欽

學	道	也	能	推	治	道
民	心	如	此	即	予	心
一	方	佇	見	甘	棠	化
三	閩	重	聽	麥	穗	音
溢	水	傘	山	無	限	興
更	將	雅	俗	寄	清	吟

Xu đình thuật chức triền dân thăm,  
Bào chương hoàn kỳ lệ nhĩ khâm.  
Học đạo dã năng suy trị đạo,  
Dẫn tâm như thủ tức dư tâm.  
Nhất phương trứ kiến Cam-Đường hóa,  
Tam khôn trùng thịnh Mạch-Tuệ âm.  
Lô thủy, Tân sơn, vô hạn hứng,  
Cánh tương nhá tục ký thanh ngâm.

Dịch nghĩa

Tới sân bày tỏ chức vụ đã dài lòng son,  
Về sự giữ gìn che chở cho nước còn mong người  
cố gắng thêm.  
Đem đạo học có thể suy ra đạo trị,  
Lòng dẫn như thể tức là lòng ta.  
Một phương sẽ thấy hóa Cam - Đường (1),

---

(1) Thiệu-Bá, tên là Quán-Thích làm Tướng nhà Chu, đi tuyên đức hóa nơi dân gian, có khi ngồi dưới gốc cây Cam - Đường. Dân rất kính mến ông, sau khi ông qua đời, dân không nhổ chặt cây cam đường ấy, có làm bài thơ Cam-đường để kỷ-niệm. Thơ rằng: « Tề-phê Cam-đường, vật tiến vật phật ». Nghĩa là ; « Rừng là cây cam-đường, chớ sên chớ chặt ».

Ba tỉnh (2) lại được nghe câu hát Mạch-Tuệ (3).  
Sông Lô, núi Tản, hứng thú khôn hàn,  
Lại đem tục nhĩ gửi vãn thơ.

Dịch thành thơ :

Tôi sơn bày chức tổ niềm đan,  
Giữ nước mong người vững sắt gang.  
Học đạo suy ra làm đạo trị,  
Lòng dân lòng trăm một tâm can.  
Một phương chờ thấy Cam-Đường hóa,  
Ba khôn thêm câu Mạch-Tuệ vang.  
Núi Tản, sông Lô, nhiều hứng thú,  
Lại đem thói nhĩ gửi ngâm đàn.

ĐẶNG-VĂN-KHẢI (鄧文啟)

Hội-nguyên

Quán xã Lộng-Đình, Huyện Văn-Giang, tỉnh Bắc-Ninh.

Là anh viên Cử-nhân Văn-Kham.

Sinh năm Giáp-Dần (1794), 33 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Lang-Trung, sung chức Phó-sứ sang Sứ triều Đại-Thanh. Vì mắc lỗi bị giáng. Sau khi chết được tặng chức Viên-Ngoại.

(2) Ba Tỉnh là tỉnh Sơn-Tây, Hưng-Hóa và Tuyên-Quang.

(3) Hậu-Hào : Trương-Kham làm quan Thái-Thứ hạt Ngự-Dương, khai khẩn hơn tám ngàn thửa ruộng cây lúa, khuyên dân cấy cấy, trở nên giàu có. Dân có làm bài hát để kỷ-niệm công ơn ông, hát rằng : « Tang vô phụ chi, mạch tuệ lưỡng kỳ, Trương-công vi chính, lạc bất khả tri ! ». Nghĩa là : « Cây dâu không cành phụ, cây lúa nảy hai bông, Trương-công làm chính-trị, vui vẻ nói khôn cùng ! ».

VŨ-THỜI-MÃN (武時敏)

Sau đổi tên là Đức-Mẫn (德敏)

Quán xã Hội-Thống, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Ất-Mão (1795), 32 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Bổ-Chánh, bị truất bỏ.

NGUYỄN-VĂN-THẮNG (阮文勝)

Quán xã An-Thái, huyện Vĩnh-Thuận, phủ Phụng-Thiên, Bắc-Thành.

Là thân phụ viên Cử-nhân Qui-Cầu.

Sinh năm Quý-Hợi (1803), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Tham-Hiệp, bị truất bỏ.

## KHOA KỶ - SỬ

Niên-hiệu MINH-MẠNH (明命) thứ mười (1829)

Định phân số đề chia ra Chánh và Phó Bảng, là bắt đầu từ đây.

Khoa này mới định phân số: Như hạng ưu là 10 phân hay 9 phân. Hạng ưu-thứ là 8 phân hoặc 7 phân. Hạng bình là 6 phân hoặc 5 phân. Hạng bình-thứ là 4 phân hoặc 3 phân. Hạng thứ là 2 phân hoặc 1 phân. Hạng liệt là không đủ 1 phân.

Viên nào thông 3 kỳ được 10 phân trở lên được là Chánh-Bảng. Viên nào thông 3 kỳ được 9 phân trở xuống đến 4 phân, hay là thông 2 kỳ được 10 phân trở lên, thì là Phó-Bảng.

### Quan Duyệt Quyền :

Nguy-Khắc-Tuần (魏克循)  
Vũ-Phan (武璠)

### Quan Đọc Quyền :

Lê-Đăng-Doanh (黎登瀛)  
Phan-Huy-Đề (潘輝堤)  
Lê-Văn-Đức (黎文德)  
Hà-Quyền (何權)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

NGUYỄN-ĐĂNG-HUÂN (阮登勳)

Thi Hương thi Hội đều trúng Á-Nguyên (thứ nhì).

Quán Xã Hương-Ngãi, huyện Thạch-Thất, tỉnh Sơn-Tây.

Sinh năm Ất-Sử (1805), 25 tuổi,

Trúng Cử-Nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Bắt đầu bổ chức Tri-phủ Phủ Điện-Bàn, làm việc quan thanh liêm công bằng, rất được lòng dân, nên được thăng lĩnh chức Lang-Trung.

Sau khi ông qua đời, dân Phủ Điện-Bàn phụ tên ông vào Văn-Từ hàng Phủ, được hưởng tế theo Tiên-Thánh Tiên-Hiền.

Ông thọ 34 tuổi. Vì sinh thời ông rất thanh bạch, nên sau khi qua đời, được Vua truy ban thưởng đề nêu tiêu biểu, và bắt quan địa phương phải thường đến thăm hỏi hai cụ thân sinh ra ông.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

BÙI-NGỌC-QUỖ (裴玉櫃)

Quán xã Hải-Thiên, huyện Tiên-Lữ, tỉnh Sơn-Nam (Hạt này nay thuộc tỉnh Hưng-yên. Dưới đây có chỗ nào chép đều như vậy).

Sinh năm Bính-Thìn (1796), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Tổng-Đốc tỉnh Bình-Phú. Có vàng mệnh đi Sứ sang triều Đại-Thanh.

Có soạn tập Yên-Đài-Anh-Thoại, và Hải-Phái-Thi-Văn.

PHẠM-THẾ-HIỀN (范世顯)

Anh em đều đỗ.

Quán xã Luyễn-Khuyết, huyện Đông-Quan, tỉnh Nam-Định (tỉnh Nam-Định nguyên trước là tỉnh Sơn-Nam-Hạ, tự năm Minh-Mệnh thứ ba (1822), đổi là Nam-Định-Trấn.



Chép vào Khoa-Lục bằng Nam-Định là bắt đầu tự đây).

Là anh viên Phó-bảng Thế-Húc.

Sinh năm Quý-Hợi (1803), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Tổng-Đốc. Sung chức Tham-Tán quân thứ. Bị truất bỏ. Sau được phục hàm Thị-Độc.

NGUYỄN-TÔN (阮 傑)

Sau đổi tên là Trữ (佇)

Quán xã Bình-Vọng, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Sơn-Nam (Hạt này nay thuộc tỉnh Hà-Nội).

Là con viên Cử-nhân Đờ.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Án-Sát. Được lỗi.

TRƯƠNG-QUỐC-DỤNG (張 國 用)

Quán xã Phong-Phú, huyện Thạch-Hà, tỉnh Nghệ-An (Hạt này nay thuộc tỉnh Hà-Tĩnh. Dưới đây có chỗ nào chép, đều theo như vậy).

Là thân phụ viên Cử-nhân Hoan.

Sinh năm Đinh-Ty (1797), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Thượng-Thư bộ Hình. Sung chức Hiệp-Thống, quân bị hãm, ông tử tiết! Được tặng hàm Đông-Các-Đại-Học-Sĩ.

Ông rất tinh về lý-học! Nhà soạn Lịch trước đã

mất truyền, ông lại truyền cho. Khi tại chức, chưa từng một lúc nào tay rời quyển sách. Ông có soạn cuốn Thoái-Thực-Ký-Văn-Tập, được đời lưu hành.

PHẠM-THẾ-LỊCH ( 范世歷 )

Sau đời tên là Trung ( 忠 )

Quán xã Quần-Mông, huyện Cao-Thủy, tỉnh Nam-Định.

Sinh năm Tân-Hợi (1791), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Tổng Đốc tỉnh Bắc-Ninh. Bị truất bỏ.

NGÔ-THẾ-VINH ( 吳世榮 )

Quán xã Bái-Dương, huyện Nam-Chân, tỉnh Nam-Định.

Sinh năm Quý-Hợi (1803), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Lang-Trung bộ Lễ, vì can việc trường thi, bị cách chức. Sau khi đã tước hết quan chức, về nhà dạy học, học trò nhiều người thành đạt!

Sau Vua vời vào thi phú lại, được dự hạng trúng, lại được phục Tiến-sĩ và cho về.

Ông có soạn cuốn Dương-Đình-Thi-Văn-Tập, và Trúc-Đường-Phú-Tập, được đời lưu-hành.

PHẠM-QUÍ ( 范瓚 )

Quán xã Kim-Đôi, huyện Võ-Giang, tỉnh Bắc-Ninh,

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 25 tuổi,

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Tổng-Đốc tỉnh Phú-Bình.

TRẦN-HUY-PHÁC (陳輝模)

Hội-Nguyên

Quán xã Đông-Lũy, huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An (nay thuộc huyện An-Thành).

Là ông tổ viên Cử-nhân Huy-Chiêu.

Sinh năm Đinh-Ty (1797), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Ty (1821).

Quan đến chức BỐ-Chánh, vì lời nói được cách chức. Xin hiệu lực đi việc Tân-Gia.Ba bằng đường bề, công việc thất bại. Sau khi qua đời, được truy bổ chức Chủ-sự bộ Lễ.

Phó - Bảng :

PHẠM-VĂN-HỢP (范文合)

Quán xã Minh-Tảo, huyện Từ-Liêm, tỉnh Sơn-Tây.

Sinh năm Ất-Mão (1795), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

DƯƠNG-ĐĂNG-DỤNG (揚登用)

Quán xã Ý-La, huyện Từ-Liêm, tỉnh Sơn-Tây.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Ngự-Sử. Bị truất bỏ.

PHAN-VĂN-NHÃ (潘文雅)

Anh em bác cháu đều đỗ.

Quán xã An-Đông, huyện La-Sơn, tỉnh Nghệ-An.

Là bác viên Phó-bảng Đình-Vận. Anh viên Phó-bảng Đình-Tuyền và viên Cử-nhân Văn-Phong. Bác viên Tam-giáp Đình-Phùng, và viên Cử-nhân Văn-Dur; Cử-nhân Đình-Thuật. Ông chủ viên Cử-nhân Văn-Du.

Sinh năm Bính-Dần (1806), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Hồng-Lô, sung Toàn-Tu, cáo hưu.

NGUYỄN-THƯỜNG (阮 璿)

Quán xã Minh-Lương (sau đổi là Trung-Lương), huyện Thiên-Lộc (sau đổi là Can-Lộc), tỉnh Nghệ-An. (Hạt này nay thuộc tỉnh Hà-Tĩnh, dưới đây, có chỗ nào chép đều như vậy).

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Đồng-Phủ, giảng xuống chức Bát-phẩm bộ Hình. Sau cáo về hưu, dạy học, học trò nhiều người thành-đạt!

TRẦN-NGỌC-DAO (陳 玉 瑤)

Quán xã Mậu-Tài, huyện Phú-Vinh, Phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Kỷ-Mùi (1799), 31 tuổi.

---

## KHOA NHÂM - THÌN

Niên-hiệu MINH-MẠNH (明命) thứ mười ba (1832)

Quan Duyệt Quyền :

Nguyễn-Công-Hoán (阮公煥)

Phan-Thế-Hiền (潘世顯)

Quan đọc quyền :

Phan-Huy-Đề (潘輝堤)

Lê-Văn-Đức (黎文德)

Trương-Đặng-Quế (張登桂)

Đỗ-Khắc-Thư (杜克舒)

Khoa này đòi Trấn ra làm Xứ.

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

PHAN - TRƯỚC (潘傳)

Quán xã Phù-Ứng, huyện Đường-Hào, xứ Hải-Dương.

Là anh viên Cử-nhân Khắc-Nhan.

Sinh năm Giáp-Dần (1794), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Mão (1831).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Thuận-Khánh.

PHẠM-SĨ-ÁI (范士愛)

Quán xã Trung - Lập, huyện Đường - Hào, xứ Hải-Dương.

• Sinh năm Bính-Thìn (1796), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Biện-lý bộ Binh.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ . Xuất-Thân :

NGUYỄN-VĂN-LÝ (阮文理)

Quán xã Đông-Tác, huyện Thọ-Xương, tỉnh Hà-nội  
(huyện Thọ-Xương nguyên thuộc Phủ Thuận-Thiên,  
Bắc-Thành. Đến đây mới đặt có tên Hà-Nội).

Là thân phụ viên Cử-nhân Hữu-Quy.

Sinh năm Ất-Mão (1795) 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân Khoa Ất-Dậu (1825).

Chức An-Sát, giảng xuống chức Đốc-Học, sau về  
hưu trí.

Ông có soạn cuốn Đông-Khê.Thi-Văn-Tập.

ĐỖ-TÔN-QUANG (杜宗光)

Sau đổi tên là Đỗ-Quang.

Hội-Nguyên.

Quán xã Hoa-Điểm, huyện Gia-Lộc, xứ Hải-Dương.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1822).

Chức Hộ-Đốc Ninh - Thái, được tặng hàm Thượng-  
thư.

Ông nổi tiếng là quan thanh liêm cần cán, rất được  
Vua chú trọng!

PHẠM-BÁ-THIỀU (范伯迢)

Quán xã Kim-Đôi, huyện Võ-Giang, tỉnh Bắc-Ninh.

Là thân phụ viên Cử-nhân Bá-Đệ.

Sinh năm Quý-Sửu (1793), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Hàm Thái-Bộc-Tự-Khanh.

VŨ-CÔNG-ĐỘ (武功度)

Quán xã Vị-Hoàng, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định.  
Sinh năm Ất-sửu (1805), 28 tuổi.

Tú-tài, Giám-sinh.

Hàm Thái-Bộc, lĩnh chức BỐ-Chánh tỉnh Thái-nguyên.

NGUYỄN-TÁN (阮儼)

Quán xã Tiên-Điền, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Nghệ-An.  
Nhà ở xã Cẩm-Chương, huyện Đông-Ngân, tỉnh Bắc-Ninh.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1831).

Chức Viên-ngoại, bị miễn.

PHẠM-GIA-CHUYÊN (范嘉璠)

Quán xã Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội  
(huyện Từ-Liêm nguyên thuộc tỉnh Sơn-Tây, đến năm  
này đổi thuộc về Hà-Nội).

Sinh năm Tân-Hợi (1791), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Mão (1831).

Chức Tư-Nghiệp trường Quốc-Tử-Giám.

Phó-Bảng :

NGUYỄN-MẬU-TRẠCH (阮茂擇)

Quán-xã Như-Lân, huyện Văn-Giang, tỉnh Bắc-Ninh

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Mão (1831).

Chức Đồng-Phủ. Được cách chức.

**TRẦN-VĂN-SÂM (陳文澧)**

Sau đổi tên là Chức (著)

Quán xã Hạ-Thái, huyện Thanh-Từ, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Bình-Thìn (1796), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Mão (1831).

Chức Phủ-Doãn Phủ Thừa-Thiên, được giảng.

**NGUYỄN-BÁ-NGHI (阮伯儀)**

Quán xã Thời-Phố (sau đổi là Lạc-Phố), Huyện Mộ-Hoa (sau đổi là Mộ-Đức), tỉnh Quảng-Nghĩa.

Sinh năm Đinh-Mão (1807), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Mão (1831).

Chức Tổng-Đốc ba tỉnh Sơn, Hưng, Tuyên.

Hiệu là Sư-Phần-Tử. Đời rất thán-phục ông về môn văn-học và chánh-sự! Ông có soạn cuốn Sư-Phần-Thi-Văn-Tập.



## KHOA ÁT - MÙI

Niên-hiệu MINH - MẠNH (明命) thứ mười sáu (1835)

Khoa Hội này đổi định ba kỳ và thi Điện, đầu bài văn-sách khỏi phải sao chép.

Quan duyệt quyền :

Bùi-Ngọc-Quĩ (裴玉櫃)

Phạm-Sĩ-Ái (范士愛)

Quan đọc quyền :

Trương-Đăng-Quế (張登桂)

Phan-Bá-Đạt (潘伯達)

Phan-Thanh-Giản (潘清簡)

Hà-Quyền (何權)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-sĩ - Xuất-thân :

NGUYỄN-HỮU-CƠ (阮有機)

Hương-Nguyên

Quán xã Tổng-Xá-Hạ, huyện Giáp-Sơn, tỉnh Hải-Dương (khoa này đổi xứ làm tỉnh).

Sinh năm Giáp-tý (1804), 32 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên năm Giáp-Ngọ (1834).

Chức Tổng-Đốc Hà-An, được truất bỏ. Sau được phục hàm Kiểm-thảo, giữ chức Ban - Biện - Tỉnh. Vụ tỉnh Hải-Dương.

PHẠM-VĂN-HUY (范文輝)

Quán huyện Tổng-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa. Nhà ở xã

Thiên-Lộc, huyện Hương-thủy, Phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Thị-Lang, sung Sứ-Quán-Tổng-tài.

BẠCH-ĐÔNG-ÔN (白冬温)

Quán xã Lạc-tràng, huyện Kim-Bảng; tỉnh Hà-Nội.  
(Huyện Duy-Tiên, và Kim-Bảng trong Phủ Lý-Nhân,  
nguyên là thuộc Trấn Sơn-Nam, đến năm Minh-Mệnh  
thứ mười ba (1832) đổi thuộc về tỉnh Hà-Nội. Dưới  
đây, phủ Thường-tín và Phủ Ứng-Hòa cũng vậy).

Sinh năm Tân-Mùi (1811). 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Lang-Trung. Khi về hưu dưỡng, suốt ngày  
chỉ mượn chén rượu làm vui, ông rất êm đềm lạt lẽo,  
không say đắm mùi đời. Người bầy giờ ví ông như  
Đào-Tĩnh-Tiết (tức Đào-Tiêm) !

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-thân :

LƯU-QUỖ (劉揆)

Thế-Khoa

Ba đời đỗ gián cách.

Quán xã Nguyệt-Áng, huyện Thanh-Tri, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Mão (1831).

Là cháu gọi viên Tam-Giáp khoa Nhâm-thìn niên  
hiệu Cảnh-Hưng thời Cố-Lê Tiệp bằng ông. Cháu gọi viên

Tam-giáp khoa Ất-mùi Đinh bằng bạc.

Hàm Thị-Giảng-Học-Sĩ.

NGUYỄN-THỐ (阮措)

Quán xã Hoảng-Đạo, huyện Hoảng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa.

Sinh năm Quý-Sửu (1793), 43 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-Dậu (1825).

NGUYỄN-HOẢNG-NGHĨA (阮弘義)

Quán-xã Hoàng-Hà, huyện Thạch-Hà, phủ Hà-Hoa (sau đổi là Hà-thanh), tỉnh Hà-tĩnh. (Phủ Hà-Hoa nguyên thuộc tỉnh Nghệ-An. Năm Minh-Mệnh (明命) thứ 13 (1832) đổi đặt tỉnh Hà-tĩnh, là bắt đầu tự đây).

Sinh năm Ất-Ty (1785), 51 tuổi.

Giám-Sinh.

Chức Tri-Phủ.

BÙI-ĐÌNH-BẢO (裴廷保)

Sau đổi tên là Phan (璠)

Thế-khoa. Nhị thế liên đăng.

Quán xã An-Đông, huyện La-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là thân-phụ viên Tam-giáp Ước và viên Cử-nhân Trí.

Sinh năm Đinh-Mão (1807), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Tri-Phủ.

HOÀNG-VĂN-THU (黃文收)

Hội-Nguyên

Quán xã Thiên-Tùy, huyện Quảng-Điền, phủ Thừa-Thiên.

Là thân phụ viên Cử-nhân Văn-Đễ.

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức trải qua Viện và Các, thăng Thượng-Thư bộ Hộ.

NGUYỄN-ĐỨC-HOAN (阮德權)

Quán xã An-Thư, huyện Hải-Lăng, tỉnh Quảng-Trị.

Là thân phụ viên Cử-nhân Di.

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1828).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Khánh-Hòa, bị truất bỏ.

LÊ-VĂN-CHÂN (黎文真)

Quán xã Trà-Lam, huyện Phù-Nghĩa, tỉnh Bình-Định

Sinh năm Đinh-Sửu (1817), 19 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Hưng-Yên, mắc lỗi.

NGUYỄN-THẾ-TRỊ (阮世治)

Quán xã Hương-Liệu, huyện Đăng-Xương, tỉnh Quảng-Trị.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khóa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Ân-Sát.

Phó.Bảng :

VŨ.NGỌC.GIÁ (武玉價)

Sau đổi tên là Văn-Bản (文本)

Quán xã Việt-An-Hạ, huyện La-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là ông Tô viên Cử-nhân Văn-Thiện.

Sinh năm Ất-Mão (1795), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Hàm Tu-Soạn, được tặng Chức.Tác.

ĐINH-VĂN.MINH (丁文銘)

Quán xã Điều-Hòa, huyện Kiến-Hung, tỉnh Định-tường.

Sinh năm Bính-Dần (1806), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Tuần-phủ tỉnh Hưng-Yên.

---

# KHOA MẬU - TUẤT

Niên-hiệu MINH-MỆNH (明命) thứ mười chín (1838)

Quan Duyệt quyền :

Nguyễn.Văn.Lý (阮文理)

Đỗ.Quang (杜光)

Quan đọc quyền :

Trương.Đăng.Quế (張登桂)

Hà.Duy.Phiên (何惟藩)

Sắc ban Đệ-Nhị.Giáp Tiến.sĩ-Xuất.thân :

NGUYỄN-CỬU-TRƯỜNG (阮久長)

Song Nguyên,

Quán Gia-Miêu ngoại-trang, huyện Tống-Son, tỉnh Thanh-Hóa. Nhà ở xã Hoàng-Công, huyện Lệ-Thủy, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Đinh-Mão (1807), 32 tuổi.

Giám-Sinh.

Quan trải qua Nội.Các, thăng chức Tuần-Phủ tỉnh Biên-Hòa.

Ông thường gán nơi Cẩm Điện, nên được Vua đặc biệt biết rõ. Khi đi nhậm chức, Vua có ban khen bài thơ rằng :

黃	閣	曾	簪	筆
青	藩	又	建	旌
春	風	揚	惠	澤

甘	雨	潤	編	氓
報	國	真	忘	病
臨	民	要	自	清
惟	期	安	社	辱
早	晚	復	登	流

Hoàng các tăng trâm bút,

Thanh phiên hựu kiến tinh.

Xuân phong dương huệ trạch,

Cam vũ nhuận biên manh.

Báo quốc chân vong bệnh,

Lâm dân yếu tự thanh.

Duy kỳ an nhảm tịch,

Tảo văn phục đăng doanh.

Dịch nghĩa :

Nhà người đã từng cài bút tòng sự nơi Nội-các.

Nay lại dựng cờ nhận chức chốn Thanh-phiên.

Sao cho được ân trạch khắp dân như luồng gió xuân  
hòa-thuận ;

Và như trận mưa ngọt tưới khắp mọi phương dân.

Sự giúp nước nên quên bệnh.

Coi việc dân, mình nên thanh bạch.

Duy mong người được mạnh giỏi yên nơi chốn chiếu.

Rồi sớm muộn cũng sẽ lại được trở về Kinh-đô.

Dịch thành văn vần :

Nơi Hoàng-các đã từng tòng sự (1),

(1) Hoàng-Các là nơi Tướng-Phủ.

*Thanh-phiền nay lại giữ lá cờ (1).  
Gió xuân én huệ xa đưa,  
Thấm nhuần dân chúng móc mưa khắp miền.  
Lòng báo quốc lãng quên bệnh tật.  
Phép trị dân cần nhất chữ thanh (2).  
Mong sao chấn chiếu yên lành,  
Chóng chầy rồi lại vượt duềnh ngoại chi.*

PHẠM-VĂN-NGHỊ ( 范文誥 )

Cha con đều đỗ.

Quán xã Tam-Đặng, huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định.

Là thân phụ viên Phó-bảng Đặng-Giang, và các viên Cử-nhân : Đặng-Hân, Đặng-Hải, Đặng-Phả.

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Hàm Thị-Độc-Học-Sĩ, sung chức Hải-Phòng-Sứ tỉnh Nam-Định.

Ông là người khảng khái, có thao lược tướng tài, rất được các bậc thân sĩ (3) thành Nam suy tôn ! Sau khi về ở động Hoa-Lư, thường được ơn Vua ban cho tiền bạc và thuốc men. Học trò ông nhiều người thành đạt !

---

(1) Thanh-Phiên là Tỉnh-Đường, dinh quan Tuần-Phủ, Tổng-Độc.

(2) Thanh là thanh khiết, trong sạch.

(3) Thân tức Tàn-thân ( 縉紳 ) là các bậc quan viên và thượng lưu. Sĩ là sĩ-tử ( 士子 ) các sinh viên.



Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ xuất thân :

ĐINH-VIỆT-THẬN (丁曰慎)

Quán xã Thanh.Liêu, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 25 tuổi.

Trước đỗ khoa Đinh-Dậu (1837) vào hạng gia ân lấy trúng, đợi đến khoa thi Hội này được dự trúng mới thành mệnh Cử-nhân. Chức Tri-Phủ, can lỗi. Sau nhờ ơn Vua được tha để cho hiệu lực.

Ông đọc sách qua một lượt là nhớ ! Làm văn, cất bút là viết xong bài ngay, không cần phải chép thảo trước, mà ý tứ rất là mới lạ ! Phần nhiều không theo lối lối thời văn. Những văn ông làm xong là bỏ qua, không lưu lại bài nào.

Khi làm quan trong Kinh, người ta muốn thử tài ông, bèn giao cho một quyển Tự-Điền, bảo ông đọc kỹ đi. Ông nhận sách, ngày hôm sau lập tức trả lại liền, mặc sức cho muốn hỏi câu nào trong Tự-Điền đó, ông đều nhớ và đáp rành mạch. Ai cũng lấy làm kỳ !

PHẠM-CHÂN (范真)

Quán xã Cảnh-Dương, huyện Bình-Chính, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Giáp-Tý (1804), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Ân-Sát tỉnh Thanh-Hóa. Can lỗi. Xin hiệu lực, chết tận tiết ! Được tặng nguyên hàm,

NGUYỄN-VĂN-TÙNG (阮文松)

Hương Nguyên

Quán xã Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Nhâm-thân (1812), 27 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Tri-Phủ.

LÊ-DUY-TRUNG (黎惟忠)

Quán xã Thượng-Phúc, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Ất-Mão (1795), 44 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Đốc-Học.

TRẦN-THỜI-MÃN (陳時敏)

Sau đổi tên là Tiến-Thành (踐誠)

Quán xã Minh-Hương, huyện Hương-Trà, Phủ Thừa-Thiên.

Là thân-phụ viên Giải-nguyên Tiến-Hàm.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Hàm Văn-Minh-Điện-Đại-Học.Sĩ, sung chức Phụ-Chánh-đại-thần, xin nghỉ dã hạn về, bị nạn giặc giết ! Ông là người ôn hòa vui vẻ, có lượng dung người ! Ai cũng phục độ lượng của ông.

HOÀNG-TRỌNG-TỪ (黃仲嗣)

Thế khoa

Chú và cháu đều đỗ,

Quán xã Nguyệt-Biêu, huyện Hương-Thủy, Phủ Thừa-Thiên.

Là cháu gọi viên Tam-giáp Trọng-Nguyên bằng chú.

Sinh năm Canh-ngọ (1810), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Ân-Sát tỉnh Quảng-Nam.

LÊ-THIỆN-TRỊ (黎善治)

Quán xã Long-Phúc, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam.

Sinh năm Bình-Thìn (1796), 43 tuổi.

Giám-Sinh.

Chức Tuần-phủ, được giáng, sau được khai phục hàm Biện-Tu.

DOÃN-KHUÊ (尹奎)

Quán xã Ngoại-Lãng, huyện Thư-Tri, tỉnh Nam-Định.

Là em viên Cử-nhân lĩnh chức Tri-Dũng-Tương tên là Uẩn, và là thân-phụ viên Cử-nhân Chi.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Hàm Quang-Lộc-Tự-Khanh, sung chức Doanh-Điền-Sứ tỉnh Nam-Định.

Phó-Bảng :

NGUYỄN - TƯỜNG - VĨNH (阮祥永)

Anh em đều đỗ.

Quán xã Cẩm - Phố, huyện Duyên - Phúc, tỉnh

**Quảng-Nam.**

Là anh viên Tam-giáp Tường-Phổ.

Sinh năm Kỷ-Mùi (1799), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Định-Tường.

**TA - KIM - VỰC** (謝金域)

Bác và cháu đều đỗ.

Quán xã La-Hà, huyện Bình-Chính, tỉnh Quảng-Bình.

Là anh các viên Cử-nhân Kim-Pha và Ngọc-Khue.

Thân phụ các viên Cử-nhân Ngọc-Đường, Kim-Bảng.

Bác viên Tam-giáp Hàm.

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Bổ-Chánh tỉnh Hải-Dương, bị truất bỏ.

**DƯƠNG-CÔNG-BÌNH** (楊功平)

Quán xã La-Nội, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Đồng-Phủ, mắc lỗi.

**NGUYỄN-HỮU-ĐỘ** (阮有度)

Quán xã Nguyệt-Viên, huyện Hoảng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Bổ-Chánh tỉnh Bình-Định, bị giáng.

LÊ - THỨC - ĐÓN (黎叔惇)

Quán xã Phú-Nhuận, huyện Đồng-Sơn, tỉnh Bình-Định.

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Bổ-Chánh tỉnh Thanh-Hóa, bị truất bỏ.

DIỆP-XUÂN-HUYÊN (葉春楹)

Quán xã Phúc-Tô, huyện Thọ-Xương, Tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Mậu-Thìn (1808), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Tý (1828).

Chức Ngự-Sứ.

NGUYỄN-VĂN-DỤC (阮文昱)

Cha và con đều đỗ.

Quán xã Chiên-Đàn, huyện Hà-Đông, tỉnh Quảng-Nam.

Sinh năm Đinh-Mão (1807), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Là thân-phụ viên Tam-giáp Thích.

Ông học lực thuần thực, tính-hạnh chính trực, là một người gương mẫu cho làng nho đất Nam-Châu!

Quan trải qua chức Tế-Tửu, lĩnh chức Đốc-Học tỉnh Quảng-Nam, chuyên sung chức Giáo-Đạo trường Dục-Đức-Đường. Sau khi qua đời, tặng chức Tham-tri,

PHAN QUANG NHIÊN (潘光遠)

Tên cũ là Đạt (達).

Quán xã An-Bồng, huyện La-Son, tỉnh Hà-Tĩnh.  
Là thân phụ các viên Cử-nhan Quang-Tuyên và  
Quang-Cư.

Sinh năm Nhâm-Tuất (1802), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhan khoa Đinh-Dân (1837).

Hàm Thị-Độc.

NGUYỄN-VĂN-SIÊU (阮文超)

Quán xã Dũng-Thọ, huyện Thọ-Xương, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Bình-Thin (1796), 43 tuổi.

Trúng Cử-nhan khoa Ất-Dậu (1825).

Chức Ân-Sát tỉnh Hưng-Yên, giảng xuống Thị-Độc.

Ông ở trong viện Hàn-Lâm, nổi tiếng là hay chữ,  
Học trò nhiều người thành đạt. Có soạn cuốn Phương-  
Đình Thi-Văn-Tập, được đời lưu-hành.

NGUYỄN-XUÂN-BÀNG (阮春榜)

Anh và em đều đỗ.

Quán xã Xuân-My, huyện Minh-Linh, tỉnh Quảng-Trị.

Là anh viên Tam-giáp Phiên.

Sinh năm Nhâm-Thân (1812), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhan khoa Giáp-Ngọ (1834).

Chức Phủ-Doãn Phủ Thừa-Thiên.

(Khoa này nguyên trúng cách thứ hai tên là Dương-

Đức-Thành, quán xã Khắc-Niệm, huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh, vì chỗ cung-khai tam đại trong quyền có khai giả-mạo, nên bị truất và nghĩ tội đờ).

---

## KHOA TÂN - SỬU

Niên-hiệu THIẾU - TRỊ (紹治) thứ nhất (1841).

Quan duyệt quyền :

Vũ-Phạm-Khải (武范啟)

Nguyễn-Cửu-Trường (元久長)

Quan đọc quyền :

Trương-Đáng-Quế (張登桂)

Phan-Thanh-Giản (潘清簡)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ-Xuất-thân :

NGUYỄN-NGỌC (阮益)

Song-Nguyên.

Quán xã Đông-Hải, huyện Chân-Lộc, tỉnh Nghệ-An.

Là em các viên Cử-nhân Thuyên và Lâm.

Sinh năm Ất-Hợi (1815), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834).

Hàm Tu-Soạn, vì can sự thay đổi trong trường thi, được lỗi. Sau được khai phục hàm Điền-Ba.

NGÔ - THẠC (吳碩)

Thi Đình và thi Hội đều trúng Ấ-Nguyên (thứ nhì).

Quán xã Tả-Thanh-Oai, Huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tri-Phủ, mắc lỗi.



Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ Xuất-thân :

LÊ-ĐỨC (黎德)

Quán xã Sa-Lung, huyện Minh-Linh, tỉnh Quảng-Trị.

Sinh năm Nhâm-Thàn (1812), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Tuần-Phủ tỉnh An-Giang.

BÙI-TUẤN (裴俊)

Hương-Nguyên

Quán-xã Liên-Bạt, huyện Sơn-Lãng, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Mậu-Thìn (1808), 34 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tổng-Đốc Ninh-Thái. Sau khi qua đời, được tặng hàm Thái-Tử-Thiếu-Bảo.

TRẦN VĨ (陳璿)

Quán xã Thượng-Cát, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội.

Là em viên Cử-nhân Can.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Hàm Thi-Giảng, lĩnh chức Đốc-Học.

ĐÀO-DANH-VĂN (陶名聞)

Quán xã Tiên-Hương, huyện Tiên-Lữ, tỉnh Hưng-Yên (huyện Tiên-Lữ nguyên thuộc Trấn Sơn-Nam-Hạ, năm Minh-Mệnh thứ mười ba (1832) có đặt tên tỉnh Hưng-Yên. Chép vào Khoa-Lục bằng Hưng-Yên, là bắt đầu tự đây).

Là thạc sĩ viện Cử-nhan Đai-Ly Đại.  
 Sinh năm Giáp-Tý 1894, 38 tuổi.  
 Trung Cử-nhan Khoa Canh-Tý 1940.  
 Công Hòa-noc unit Nghệ-An.

VŨ VĂN LŨY ( 武 文 璣 )

Cha và con đều đỗ.

Quan xã Văn-Từ, huyện Nam-Xương, tỉnh Hà-Nội.  
 Là thạc sĩ viện Cử-nhan Văn-Đạo và Cử-nhan  
 Văn-Từ.

Sinh năm Ấp-Tý 1899, 38 tuổi.  
 Trung Cử-nhan Khoa Canh-Tý 1940.  
 Công Hòa-noc trong Quân-Tên-Giam.

NGUYỄN LÃ THẾ ( 阮 在 世 )

Quan xã Thuận-Dương, huyện Lễ-Dương, tỉnh Quảng-Nam.

Sinh năm Nhâm-Thân 1892, 31 tuổi.  
 Quan Sinh.  
 Công Hòa-noc.

ĐINH VĂN PHAN ( 丁 文 蕃 )

Quan xã Văn-Thành, huyện Văn-Tiên, tỉnh Nam-Định.  
 Sinh năm Nhâm-Tuất 1892, 41 tuổi.  
 Trung Cử-nhan Khoa Canh-Tý 1940.  
 Công Hòa-noc.

HỒ VĂN TRU ( 胡 文 柱 )

Quan xã Văn-Sum, huyện Bắc-Trạch, tỉnh Quảng-Binh.

Sinh năm Ất.Hợi (1815), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tri-Phủ.

NGUYỄN.XUÂN.THỌ (阮春壽)

Quán xã Đan-Duệ, huyện Minh-Linh, tỉnh Quảng-Trị.

Sinh năm Mậu.Thìn (1808), 34 tuổi.

Giám-Sinh.

Phó-Bảng :

(Chưa tương tuổi các viên Phó-Bảng đây).

VŨ.TÁ-AN (武佐安)

Quán xã Thổ-Khối, huyện Gia-Lam, tỉnh Bắc-Ninh.

Thi Hội được 3 phần.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1840).

Chức Đồng-Tri-Phủ.

VŨ.NGUYỄN-DOANH (武元營)

Quán xã Thanh-Viên, huyện Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-an.

Là anh viên Cử-nhân Xuân-Vinh.

Hai kỳ Hội cộng 10 phần, và một kỳ bất cập.

Khoa Đinh-Dậu, niên hiệu Minh-Mạnh (明命) đỗ vào loại gia ân lấy. Đến khoa Canh-Tý lại trúng, mới thành mệnh Cử-nhân.

Chức An.Sát tỉnh Gia-Định.

ĐỖ.HUY.UYÊN (杜輝琬)

Cha và con đều đỗ.

Quán xã La-Ngan, huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định.

Là thân phụ viên Nhị-giáp Huy-Liêu.

Con trai viên Cử-nhân Huy-Cảnh.

Ba kỳ Hội cộng được 12 phần, vì bài văn kim có một câu khiếm nhã, nên giáng xuống Phó-bảng.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Biện-Lý. Cáo hồi hưu.

Ông nổi tiếng hay chữ. Là bậc danh-vọng đất Nam-Thành.

PHẠM.XUÂN-QUẾ (范春桂)

Quán xã Lũ-Phong, huyện Bình-Chính, tỉnh Quảng-Bình.

Ba kỳ Hội cộng được 11 phần, vì trong bài có một câu thiếu cần thận, nên giáng xuống Phó-Bảng.

Tú-Tài, Cống-Cử.

Chức Lang-Trung.

## ÂN-KHÓA NĂM NHÂM-DÀN

Niên-hiệu THIỆU-TRỊ (紹治) thứ hai (1842)

Quan duyệt quyền :

Trương-Quốc-Dụng (張國用)

Nguyễn-Cửu-Trường (阮久長)

Quan đọc quyền :

Nguyễn-Trung-Mậu (阮忠懋)

Lâm-Duy-Nghĩa (林惟義)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-sĩ xuất-thân :

HOÀNG-ĐÌNH-TÁ (黃廷佐)

Anh và em đều đỗ.

Quán xã Linh-Đường, huyện Thanh-Tri, tỉnh Hà-Nội.

Là em viên Tam-giáp Đình-Chuyên.

Sinh năm Bính-Tý (1816), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tri-Phủ.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ xuất-thân :

PHAN-ĐÌNH-DƯƠNG (潘廷揚)

Quán xã Trang-Liệt, huyện Đông-Ngan, tỉnh Bắc-Ninh.

Sinh năm Ất-Sửu (1805), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Ty-Nghiệp trường Quốc-Tử-Giám.

PHAN-NHẬT-TỈNH (潘日省)

Vua đòi tên cho là Tam-Tỉnh bằng bút son.

Thế khoa. Hai đời đỗ liền.

Hội - Nguyên

Quán xã An-Đông, huyện La-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là thân phụ viên Tam-giáp Trọng Mưu, và các viên Cử-nhân Cát-Tư, Trọng - Nghị. Bác viên Tam - giáp Huy-Nhuận.

Sinh năm Bính-Tý (1816), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức Tổng-Đốc tỉnh Hải-Dương, giảng xuống Hồng-Lô, sung chức Hiệp - Lý tỉnh Hải - Phòng. Tặng chức Bổ-Chánh.

Ông mất cận-thị, mà có chí nhớ rất bền ! Khi làm quan, chưa từng lúc nào tay dờn quyền sách. Năm Tự-Đức thứ sáu (1853), Vua ban Dụ sát hạch quan văn để bỏ vào trường Quốc-Tử-Giám. Các viên dự hạch, trong Kinh thi có các viên Bảng-Nhơn, Thám-Hoa, Tiến-Sĩ và Phó-Bảng, quan ngoài thi có 4 viên Án-Sát, cả thầy cộng 37 viên. Khi ấy ông hiện là chức Án-Sát tỉnh Bình-Thuận, cũng vào dự hạch tại Điện Khâm-Văn. Vua ban đầu bài, hỏi về mục kinh sử một thiên cực dài ! rất là bao rộng mênh-mông và cực cao sâu ! Thế mà ông đều nhớ rõ hết thầy. Quyền ông dự vào ưu hạng, trúng thứ nhất, được bỏ chức Tế-Tửu.

PHAN - HỮU - TỬ (潘有慈)

Quán xã Phù-An, huyện Phú-Vinh, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Ất-Hợi (1815), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Ân-Sát tỉnh Hà-Tiên.

NGUYỄN-DANH-VỌNG (阮名望)

Quán xã Hoàng-Mai, huyện An-Dũng, tỉnh Bắc-Ninh.

Sinh năm Giáp-Dần (1794), 49 tuổi.

Giám-Sinh.

Chức Tế-Tửu.

NGÔ-KHẮC-KIỆM (吳克儉)

Quán Phường Lộc-Điền thượng, huyện Bình-Chính,  
tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Kỷ-Mùi (1799), 44 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Ân-Sát, bị truất bỏ.

NGUYỄN-DUY-CẦN (阮推勤)

Sau đổi tên là Huân (勳)

Quán xã Lý-Hòa, huyện Bồ-Trạch, tỉnh Quảng-Bình.

Là thân phụ viên Cử-nhân Duy-Miến.

Sinh năm Đinh-Sửu (1817), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Hàm Thị-Độc-Học-sĩ, sung chức Giáo-tập Trường  
Tôn-Học-Đường.

NGUYỄN-TƯỜNG-PHỒ (阮祥溥)

Anh em đều đỗ.

Quán xã Cầm-Phổ, huyện Duyên-Phúc, tỉnh Quảng-Nam.

Là em viên Phó-bảng Tường-Vĩnh.

Sinh năm Đinh-Mão (1807), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức Tri-Phủ, giảng xuống bỏ chức Giáo-Thụ.  
Quyền chức Đốc-học.

Ông là người có chí tiết, không a.dua, ông không thiết gì sự thăng quan tiến chức, chỉ lấy câu thơ chén rượu làm vui. Người bấy giờ ví ông với Đào-Bành-Trạch !

TRẦN.VĂN-CHÁNH (陳文正)

Hương-Nguyên

Quán xã Lân-Thiều, huyện Bồng-Son, tỉnh Bình-Định.

Là em viên Cử-nhân Văn-Quang.

Sinh năm Tân-Tý (1821), 22 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Canh-tý (1840).

Chức Tri-Phủ, bị truất miễn, sau được khai phục hàm Biên-Tu.

NGUYỄN.QUÍ-TÂN (阮貴新)

Quán xã Thượng-Cốc, huyện Gia-Lộc, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 29 tuổi.

Giám-sinh.

Chức Tri-Phủ, bị truất miễn.

NGUYỄN.VĂN-DUY (阮文推)

Quán xã Đường-Long, huyện Phong-Điền, phủ Thừa-Thiên.



Sinh năm Kỷ-Ty (1809), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức Thị-Lang, đi quân thứ tỉnh Gia-Định, tử tiết.

Tặng chức Tham-Tri.

Dân xã lập miếu thờ ông và ông anh là Tri-Phuong, cùng cháu gọi ông bằng chú là viên Phò-Mã. Gọi là miếu Tam-Trung (ba vị trung thần).

NGUYỄN-VĂN-TỐ (阮文倣)

Quán xã Xuân-Dục, huyện Đường-Hào, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Án-sát (nhất thuyết là Bồ-chánh) tỉnh Tuyên-Quang, vì can lỗi, phải đục xóa tên trong bia Tiến-sĩ.

TRƯƠNG-ĐĂNG-TRINH (張登楨)

Quán xã Mỹ-Khe Tây, huyện Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Nghĩa.

Là cháu gọi viên Cử-nhân Đăng-Quế bằng chú.

Sinh năm Nhâm-Thân (1812), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Hàm Hàn-Lâm-Biên-Tu.

Phó - Bảng :

(Chưa tường tuổi các viên Phó - Bảng này).

NGUYỄN-TẮT-TỐ (阮必倣)

Quán xã Đại-Điền, huyện Thanh-Hà, tỉnh Hải-Dương.

Trúng Cử-nhân khoa Tân.Sửu (1841).

Chức Thị-Giảng-Học.sĩ (nhất thuyết là chức Ân.Sát).  
Được lối.

NGUYỄN-ĐỨC-LÂN (阮德鄰)

Nhất thuyết tên là Đức-Tiến (德濟)

Quán xã Phù-Lưu, huyện Đông-Ngàn, tỉnh Bắc-Ninh.

Trúng Cử-nhân khoa Tân.Sửu (1841).

Chức Chủ.sự bộ Hình, Cáo về.

DƯƠNG-PHÚC-VỊNH (楊福詠)

Sau đổi tên là Dương-Vịnh (楊詠)

Quán xã Hiền-Lương, huyện Phong-Điền, phủ Thừa-Thiên.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-sửu (1841).

Chức Tuần-phủ tỉnh Ninh-Bình.

ĐỖ-ĐĂNG-ĐỆ (杜登第)

Quán xã Châu-Sa, huyện Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Ngãi.

Là ông nội viên Cử-nhân Đỗ-Quán.

Trúng Cử-nhân khoa Tân.Sửu (1841).

Chức Thượng-Thư bộ Lễ. Hưu trí.

LÊ-THẾ-QUAN (黎世冠)

Quán xã Bái-Giao, huyện Đông-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Đồng-Phủ,

LÊ . ĐỨC (黎德)

Anh em đều đỗ.

Quán xã Hà-Trung, huyện Kỳ-Anh, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là anh viên Nhị-giáp Lê-Tuấn. Em viên Cử-nhân  
Lê-Doãn. Bác viên Cử-nhân Nhất-Hoàn.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Hàm Kiểm-Thảo.

(Khoa này Nguyễn-Kim-Hoán (阮金煥) Quán xã  
Xuân-Lôi, huyện Vũ-Giang, thi Hội trúng thứ bảy, chưa  
kịp vào thi Đình, bỗng bị bệnh chết).

---

## ÂN - KHOA NĂM QUÍ - MÃO

Niên hiệu THIÊU-TRỊ (紹治) thứ ba (1843)

Quan duyệt quyền :

Phạm-Thế-Hiền (范世顯)

Hoàng-Tế-Mỹ (黃濬美)

Quan đọc quyền :

Trương-Đăng-Quế (張登桂)

Phan-Trọng-Đạt (潘仲達)

Sắc ban Đệ-Nhất-Giáp Tiến-sĩ-Cập-Đệ Đệ tam danh  
(tức là Thám-Hoa) :

MAI - ANH - TUẤN (枚英俊)

Nguyên tên là Thế - Tuấn (世潛). Vua cho tên là Anh-Tuấn.

Quán xã Thạch-Giản, huyện Nga-Son, tỉnh Thanh-Hóa.

Sinh năm Ất-Hợi (1815), 29 tuổi.

Nguyên khoa Đinh-Dậu, niên hiệu Minh-Mệnh, trúng vào hạng gia án lấy, đến khoa Canh-Tý (1840) lại trúng, mới thành mệnh Cử-nhân.

Ông là người khảng-khái, dám nói thẳng ! Năm Tự-Đức thứ bốn (1851), thăng hàm Thị-Độc-Học-sĩ, vào làm quan trong Các. Nhân việc triều-đình định phái quan viên hộ tống các quan võ triều Đại-Thanh (大清) tị nạn là lũ tên Ngô-Hội-Lân về nước, ông tâu xin đình chỉ việc đó. Ông lại tâu xin việc canh phòng biên thù ở tỉnh Lạng-Son nên xếp làm một. Vì hai việc này là trái ngược chỉ nhà Vua,

nên được giao triều-dinh nghị tội. Phái đi quản-thứ tỉnh Lạng-Sơn hiệu lực. Sau đổi sang chức Ân-sát tỉnh ấy. Sau khi tử tiết! được tặng chức Bổ-Chánh.

(Triều Vua ta có người dự trúng Đệ-Nhất-Giáp là bắt đầu tự đây).

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-BÁ-NHA (阮伯迓)

Quán xã Hoàng-Đạo, huyện Hoảng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa.

Là con viên Cử-nhân Thận-Tuyền.

Sinh năm Nhâm-Ngọ (1822), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức Tri-Phủ. Mắc lỗi.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-tiến-sĩ-xuất-thân :

PHẠM-PHÚ-THỨ (范富恕)

Vâng mệnh Vua đổi ra chữ Thứ (庶)

Hương-Nguyên, Hội-Nguyên.

Quán xã Đông-Ba (sau đổi là Đông-Dur), huyện Duyên-Phúc, tỉnh Quảng-Nam.

Là em viên Cử-nhân Tân-Hồng, chủ viên Cử-nhân Phú-Lâm.

Sinh năm Canh-Thìn (1820), 24 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Nhâm-Dần (1842).

Quan trải qua chức Thượng-Thư bộ Hộ, chức Tổng-Đốc Hải-an, sung chức Thương-Chánh-Đại-Thần, Giảng

xuống chức Tham-Tri bộ Binh. Sau khi trăm tuổi, được tặng hàm Hiệp-Biên-Đại-Học-sĩ.

Ông có đại tài về cả văn-chương và chính-trị. Là một vị quan có danh-vọng thời bấy giờ. Có soạn cuốn Giá-Viên-Thi-Văn-Tập, được đời lưu hành.

NGUYỄN-PHIÊN (阮藩)

Anh và em đều đỗ đại khoa.

Quán xã Xuân-Mỹ, huyện Minh-Linh, tỉnh Quảng-Trị.

Là em viên Phó-bảng Xuân-Bảng.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tri-Phủ.

VŨ-VĂN-TUẤN (武文俊)

Quán xã Bát-Tràng, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh

Sinh năm Bính-Dần (1806), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Chức Án-sát tỉnh Hưng-Hóa. Cùng với Phan-Huy-Vịnh (潘輝泳) vâng mệnh sang Sứ nước Trung-Hoa (中華). Khi sứ sự xong, trở về, được Vua ban mừng bảy bài thơ. Bài thứ nhất rằng :

鵬	搏	九	萬	程
南	溟	有	時	徙
魚	躍	三	千	里
孟	諸	有	時	止

吾 人 經 歲 別  
故 國 有 時 底  
不 有 昔 行 邁  
安 得 今 歡 喜

Bằng đoàn cứu vạn trình,  
Nam minh hữu thời ti.  
Còn được tam thiên lý,  
Mạnh-Chư hữu thời chi.  
Ngô nhân kinh tuế biệt,  
Cố quốc hữu thời đề.  
Bất hữu tích hành mại,  
An đắc kim hoan hi.

Dịch nghĩa :

Chim bằng bay xa chín vạn độ đường,  
Có khi dời biển Nam-Minh.  
Cá còn nhảy cao ba ngàn dặm,  
Có khi nghỉ ở sông Mạnh-Chư.  
Người ta tuy cách biệt hàng năm,  
Có khi về tới nước nhà.  
Nếu năm xưa không có sự đi xa vất vả,  
Nay sao được mừng vui.

Dịch thành văn vần :

Chín muôn độ cánh bằng bay liêng,  
Cũng có khi dời đến biển Nam.  
Cá còn vượt nhảy ba ngàn,  
Mạnh-Chư có lúc thư nhân nghỉ ngơi.  
Người ta tạm một thời xa vắng,

*Cũng có khi về thẳng nước nhà.  
Nếu không vất vả đi xa,  
Ngày nay đâu được vinh-hoa vui vầy.*

**ĐỖ-PHÁT** (杜發)

Hương-Nguyên

Quán xã Quần-Anh, huyện Chân-Ninh, tỉnh Nam-Định.

Là thân phụ viên Giải-nguyên Bình-Thành.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 31 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tế-Tử sung chức Doanh-Điền-Sứ. Được giáng chức. Hưu trí. Được phục hàm Hồng-Lô-Tự-Khanh, rồi thăng chức Thị-Lang. Song vẫn ở nhà.

**NGUYỄN - THANH - OAI** (阮青威)

Sau đổi tên là Nguyễn - Oai.

Quán xã Kế-Môn, huyện Phong-Điền, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Bính-Tý (1816), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tý (1840).

Chức Tổng-Độc Ninh-Thái, sung chức Thị-Sư-Đại-Thần. Bị cách chức. Sau được khai phục hàm Hồng-Lô-Tự-Khanh.

Phó-Bảng .

**ĐẶNG - VĂN - THÁI** (鄧文泰)

Quán xã Cao-Lao, huyện Bồ-Trạch, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 33 tuổi.



Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức Đồng-Tri-Phủ.

PHẠM-THẾ-HỨC (范世頊)

Anh và em đều đỗ.

Hương-Nguyên

Quán xã Luyễn-Khuyết, huyện Đông-Quan, tỉnh Nam-Định.

Là em viên Tam-giáp Thế-Hiền.

Sinh năm Kỷ-Ty (1809), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837).

Hàm Thị-Độc, sung Kinh-Duyên. Đồi sang chức Đốc-Học tỉnh Nam-Định.

---

## KHOA GIÁP - THÌN

Niên hiệu THIỆU-TRỊ (紹治) thứ bốn (1844)

Khoa này nghị định : Quyền nào trong nghị bất cập một phân, mà ngoài đời làm 3 phân, thì 3 phân ấy cũng không kể. Duy quyền nào trong nghị bất cập một phân, mà ngoài đời ra 4 phân trở lên, thì quan Chủ-Khảo và quan Tri-Cống-Cử phải tâu rõ, chờ chỉ Vua định đoạt.

Lại nghị Chuẩn : Những viên Giáo Thụ, Huấn-Đạo, xuất thân do Cử-nhân, Tú-tài hoặc Giám-Sinh, đều được dự thi Hội. Duy viên nào trước đã bỏ chức quan rồi, thì không được vào thi Hội.

Quan Duyệt quyền :

Hoàng-Thư (黃牧)

Nguyễn-Bá-Nghi (阮伯儀)

Quan đọc quyền :

Trương-Đặng-Quế (張登桂)

Hà-Duy-Phiên (何維藩)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-sĩ xuất thân :

NGUYỄN-VĂN-CHƯƠNG (阮文章)

Sau đời tên là Nguyễn-Lập (阮立)

Quán xã Vĩnh-Hòa, huyện Đăng-Xương, tỉnh Quảng-Trị.

Sinh năm Nhâm-Thìn (1812), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1811).

Chức Án-Sát tỉnh Hải-Dương.

NGUYỄN-VĂN-PHÚ (阮文富)

Được Vua phê đổi tên là Tư-Giản bằng bút son.

Thế khoa, hai đời đỗ liền.

Quán xã Du-Lâm, huyện Đông-Ngàn, tỉnh Bắc-Ninh.

Là cháu ông Thượng, trúng Tam-Giáp khoa Giáp-Tuất, niên hiệu Cảnh-Hưng thời Cồ-Lê (1754). Thân phụ viên Tam-giáp Kham và các viên Cử-nhân Cơ và Cảnh. Con trai viên Cử-nhân Chi-Quản, cháu nội viên Cử-nhân Ân. Em viên Cử-nhân Ý. Anh viên Cử-nhân Ái.

Sinh năm Quý-Mùi (1823), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức quan trải qua Nội-Các, Đê-Chính, Tán-Lý quản-thứ Hải-An, sung Sứ-thần sang nước Trung-Hoa (中華). Thăng chức Thượng-Thư bộ Lại. Được giáng. Lại được khôi phục chức Tổng-Đốc Ninh-Thái. Về trí sự.

Ông có soạn cuốn Yên-Thiền-Thi-Tập và cuốn Thạch-Nông-Thi-Văn-Tập được đời lưu-hành.

Ông làm quan ở Viện Hàn-Lâm và Nội-các lâu năm, được Vua biết tài văn học của ông. Chữ ông viết lối khải rất tốt. Mỗi khi ứng đối, thường được Vua vừa ý.

Khi sung chức Phó-Sứ cùng với viên Chánh-sứ Lê-Tuấn sang sứ nước Trung-Hoa (中華), và khi sung chức Đê-Chánh, đều được Vua ban thơ khen.

Bài thơ Vua ban khi sung chức Đê-Chánh có câu rằng :

主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主
主	主	主	主	主	主	主

Long núi sông thủa thị tụng kinh.  
 Tích tụ nhà tiên bất tử thành.  
 Phật ưu dĩ huấn Già-Li sách.  
 Tư hội đương môn Lý-Tâm liệt.  
 Sơ tác tịch dụng tỳ mô nghi.  
 Niệm thể hưng công thâm định chuyết.  
 Chư linh hồng thủy vĩnh thanh qui.  
 Ngộ Quán hân sinh tư cảm duyệt.  
 Tha niệm nhược kỳ hà linh công.  
 Danh tự chiếu chương Thọ-Phong liệt.

Diễn nghĩa :

Phật người đã làm dự ban thị tụng (1).  
 ... năm khố nhọc, không cần nói đủ rõ.

(1) Đây là những vị đại-thần thường được thân cận  
 Vua.

Đã hiến kế sách Giã-Lỗ (1) để chia sẻ sự lo với ta.  
Nay nên theo công Lý-Tuần (2) mà trừ hại cho dân.  
Việc trị thủy, chỗ nên khơi, chỗ nên lấp, tùy nghi mà  
thi hành.  
Phải xét kỹ thể sông khúc động, khúc gãy, mà làm việc.  
Cốt sao cho nước lớn chảy thuận mãi mãi.  
Cho dân năm Quận nơi đó được yên là vui lòng.  
Một ngày kia có ghi công trị thủy, Tất là tên nhà người  
sẽ rục rở trong bia Thọ-Phong (3).

Dịch thành văn vần :

*Nhà người từng ở ban thị-tụng,  
Lâu năm đã rõ nhiều khổ tâm.  
Chia lo đã dâng sách Giã-Lỗ,  
Trừ hại nên sánh gương Lý-Tuần.  
Khơi, lấp, tùy nghi theo tiện lợi,  
Nhân thể dấy công xét mọi phần.  
Sao cho nước lớn tiêu thuận lối,  
Khiến dân năm Quận đều cảm ân.*

- 
- (1) Giã-Lỗ tên tự là Hữu-Hằng, quán hạt Cao-Bằng. Thời Vua Thuận-Đế (順帝) nhà Nguyên (元), khi đê sông Hoàng-Hà vỡ, nước sông lan tràn khắp mấy hạt bị lụt hại. Quan Thừa Tướng Thoát-Thoát phong Lỗ chức Tổng-Binh-Phòng-Hà-Sứ để trị thủy. Giã-Lỗ thi hành công tác chỉ trong 8 tháng, nước sông lại rút chảy theo lối cũ.
- (2) Lý-Tuần, điển không tường. Duy có Quý-Tuần (季馴) tên chính là Phan-Ân-Xuyên, người thời Minh (明), có tài về khoa trị-thủy. Chữ Quý với chữ Lý, hơn kém nhau chỉ một nét phẩy nhỏ, hoặc giả khi chép có lộn chằng?
- (3) Thọ-phong là tên một Quận trong 5 Quận bị nước lụt.

*Bình hà ngày khác ghi công trạng,  
Tên họ rõ ràng bia đá vắn.*

**Hựu thờ :**

*Người đã dự vào ban thị-tụng,  
Nhọc bao năm nói cũng thêm thừa.  
Hiển muru Giả - Lễ chia lo,  
Hại trừ, nên học điển mô Lý-Tuần.  
Tùy phương tiện lập, thông, hai lẽ,  
Nhân thế sóng động, sủ, ra công.  
Mong sao cho thuận nước hồng,  
Năm Quận yên ổn tỏ lòng cảm vui.  
Vi ghi công ngược xuôi trị nước,  
Bia Thọ-Phong tỏ trước tên người.*

Sắc ban **Đệ-Tam-Giáp-Đồng-Tiến-sĩ-Xuất-thân :**

**NGUYỄN-DƯƠNG-HUY** (阮揚輝)

Quán xã Mỹ-Hòa, huyện Bình-Chánh, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Án-Sát.

**HỒ-SĨ-TUẦN** (胡士馴)

Người một làng đồ đồng khoa.

Quán xã Phú-Hậu, huyện Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Dậu (1837) vào hạng gia ân lấy thêm, đến khoa Canh-Tý (1840) lại trúng,

mới thành mệnh Cử-nhân.

Chức Tuần-Phủ tỉnh Quảng-Yên. Ông nổi tiếng là người thanh liêm giới tiết !

HOÀNG-CÔNG-THỊNH (黃公盛)

Hội-Nguyên

Quán xã La-Vân-Hạ, huyện Quảng-Điền, Phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Nhâm-Ngọ (1822), 23 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Án-sát tỉnh An-Giang.

BÙI-VĂN-PHAN (裴文璠)

Quán xã Thân-Thượng, huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định.

Sinh năm Mậu-Dần (1818), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Tri-Phủ.

TRẦN-HỮU-THỤY (陳有瑞)

Quán xã Nam-Phố, huyện Phú-Vinh, Phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Nhâm-Thân (1812), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức Tri-Phủ.

NGUYỄN-HỮU-TẠO (阮有造)

Quán xã Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội (nay thuộc tỉnh Hà-Đông).

Sinh năm Kỷ-Ty (1809), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-Sửu (1841).

Chức **Bổ-Học** tại Sơn-Tây, sau đó ông làm người  
biên sát. Về sau được thăng chức **Bổ-chánh** tỉnh Kỳ.

**VĂN-CHÍNH** ( 文 正 )

Sau đổi tên là **Khánh** ( 康 )

Người cùng làng ở đồng khoa.

Quan xã **Phù-Hình**, huyện **Quyển-Lưu**, tỉnh **Nghệ-An**.

Mất năm **Đinh-Mão** (1837), 38 tuổi.

Trung **Chánh-khoa** **Quy-Mão** (1837).

Trước ông đã từng mộ trai tráng đem theo việc quân  
tại tỉnh **Quảng-Bình**. Khi trở về, được thăng đến chức **Bổ-  
chánh** tỉnh **Phù-Yên**, sau sung chức **Tên-Lý** tỉnh **Hải-An**,  
tiếp đó được truy phong chức **Tiền-phê**.

Sinh bình ông nổi tiếng là một vị quan thanh liêm  
gọi tiết! Khi ông còn nhỏ đã sớm mồ côi cha! Loay loay  
ông thờ mẹ trọn lễ! Sau khi đỗ **Tiến-sĩ**, lại gặp tang mẹ!  
Ông đứng nhà gần mồ mẹ để ở, suốt 3 năm, lúc nào cũng  
tương đau thương như một ngày! Ai ai cũng ngợi khen  
ông là hiếu!

**NGUYỄN-CHÍNH** ( 元 正 )

Quan xã **Bình-Ngô**, huyện **Gia-Lâm**, tỉnh **Bắc-Ninh**.

Mất năm **Quý-Dậu** (1813), 32 tuổi.

Trung **Chánh-khoa** **Quý-Mão** (1813).

Chức **Bổ-Học** tỉnh **Hải-Dương**. Sau về hưu trí.

Phó-Bảng :

Chưa trông tuổi

**NGUYỄN-VĂN-AN** ( 元 文 安 )

Quan xã **Xuân-Tú**, huyện **Siêu-Lợi**, tỉnh **Bắc-Ninh**.



Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Đồng-Phủ.

NGUYỄN-PHẨM (阮品)

Quán xã Vạn-Tư, huyện Gia-Bình, tỉnh Bắc-Ninh.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Đốc-Học tỉnh Sơn-Tây, sau về hưu trí.

LÊ-VĂN-PHẢ (黎文譜)

Quán xã Đại-Lộc, huyện Xuân-Thủy, Phủ Thừa-Thiên.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Bổ-chánh tỉnh Cao-Bằng, giảng xuống chức Phó-quản-Đạo tỉnh Phú-An.

PHAN-ĐÌNH-TUYỀN (潘廷選)

Cha con anh em đều đỗ đại khoa.

Quán xã An-Đông, huyện La-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1843).

Là thân phụ viên Phó-bảng Đình-Vận ; viên Tiến-sĩ Đình-Phùng và viên Cử-nhân Đình-Thuật. Em viên Phó-bảng Văn-Nhã và viên Cử-nhân Văn-Phong. Bác viên Cử-nhân Văn-Dư.

Chức Phủ-Doãn Phủ Thừa-Thiên, đổi sung chức Tân-Lý miền Bắc. Lại thăng chức Hộ-Phủ Lạng Bình. Sau khi chết tuần tiết ! Tặng chức Tuần-Phủ.

VŨ - DIỆM (武燭)

Quán xã Lộng-Điền, huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Bổ-Chánh tỉnh Hải-Dương. Sau cáo bệnh, về hưu.

LÊ THIÊN (李天)

Quan xã Từ Sơn, huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên.  
Trung Cộng năm khoa Tân Sửu (1901).  
Chức Tu Phò. Sưu huân chương.

VŨ DUY THANE (武維謙)

Quan xã Đê An, huyện Chương Mỹ, tỉnh Quảng  
Nghĩa.

Là em ruột Cố nhân Duy Ninh.  
Trung Cộng năm khoa Tân Tý (1902).

NGUYỄN DUY TỬ (阮維子)

Quan xã Đê An, huyện Duyên Bình, tỉnh Quảng Nam.  
Trung Cộng năm khoa Tân Mão (1903).  
Bắt Tu Địch Hồ Sĩ Sung Hải Phòng. (Mức thuyết  
Phủ Địch). Sưu huân chương, cho làm học

LÊ THẾ TỬ (李世子)

Quan xã Ngọc Sơn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.  
Trung Cộng năm khoa Tân Sửu (1901).  
Chức Địch Địch.

PHẠM TÊN TRUNG (范廷中)

ĐẠI ĐẠO HỒ HỒ PHẠM (大導胡洪)

Quan xã Thừa Trị, huyện Phong Điền, phủ Thừa  
Thiên.

Trung Cộng năm khoa Nhâm Dần (1902).

Bắt Địch Địch Hồ Sĩ Sung Hải Phòng. (Mức thuyết  
Phủ Địch).

LÊ HỒNG THÁI (李榮泰)

Quan xã Hoàng Trung, huyện An Thành, tỉnh Nghệ An.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).  
Chức Tri-huyện.

LÊ-VĨNH-KHANH (黎永卿)

Hương-Nguyên

Quán xã Thịnh-Bình, huyện Hà-Đông, tỉnh Quảng-Nam.

Trúng Giải-nguyên khoa Quý-Mão (1843).  
Chức Tri-Phủ.

TRẦN-CÔNG-SOẠN (陳功撰)

Quán xã Điểm-Phù, huyện Quảng-Điền, Phủ Thừa-Thiên.

Là anh các viên Cử-nhân Thúc-Bình và Trần-Nhượng.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Tuần-phủ. Sau về hưu dưỡng.

HỒ-HẰNG-TÍNH (胡恒性)

Quán xã Phú-Mỹ, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam.

Là chú các viên Cử-nhân Hồ-Lộ và Hồ-Giác.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Lang-Trung, vì nói thời sự được cách chức, cho hiệu lực. Sau khi qua đời được truy phục hàm Điền-Tịch.

NGUYỄN-SĨ-ẤN (阮士印)

Quán xã Xuân-Lâm, huyện Nam-Đường (nay đổi là Nam-Đàn), tỉnh Nghệ-an.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Hàm Thị-Giảng.

**KHOA BINH - QU**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

QUẢN LÝ QUÂN SỰ

QUẢN LÝ QUÂN SỰ

QUẢN LÝ QUÂN SỰ

QUẢN LÝ QUÂN SỰ

QUẢN LÝ QUÂN SỰ

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ QUÂN SỰ

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tuyên-Phủ-Sứ tỉnh Phú-An.

TRỊNH-ĐÌNH-THÁI (鄭廷泰)

Sau đổi tên là Lý-Hanh (履亨)

Quán xã Định-Công, huyện Thanh-Tri, tỉnh Hà-Nội.

Là thân phụ các viên Cử-nhân Tiên-Sinh ; Đình-Kỳ.

Sinh năm Qnì-Mùi (1823), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Lạng-Sơn.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng Tiến-sĩ xuất thân :

HOÀNG-TRỌNG-NGUYỄN (黃仲元)

Sau đổi tên là Thiện-Trường (善長)

Thế - khoa

Chú và cháu cùng đỗ đại-khoa.

Quán xã Nguyệt-Biêu, huyện Hương-Thủy, phủ Thừa-Thiên.

Là chú viên Tiến-sĩ Trọng-Từ.

Sinh năm Canh - Ngọ (1810), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tham-Tri bộ Lễ.

NGUYỄN-ĐỨC-TU (阮德滋)

Quán xã An-Thư, huyện Hải-Lăng, tỉnh Quảng-Trị.

Sinh năm Ất-Hợi (1815), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Tri-Phủ.

**TRỊNH-XUÂN-THƯỜNG** (鄭春賞)

Quán xã Danh-Lâm, huyện Đông-Ngan, tỉnh Bắc-Ninh.

Là anh viên Cử-nhân Xuân-Mỹ.

Sinh năm Bính-Tý (1816), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1843).

Chức Án-sát tỉnh Sơn-Tây.

**VŨ-VĂN-HIỆU** (武文教)

Quán xã Kiên-Hạnh, huyện Tuy-Viễn, tỉnh Bình-Định.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-Ngọ (1846).

Chức Tri-Phủ.

Phó-bảng :

**TRƯƠNG - Ý** (張懿)

Quán Xã Thịnh-Hào, huyện Vĩnh-Thuận, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Kỷ-Mão (1819), 29 tuổi,

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Trưởng-Ấn, bị miễn, lại được phục hàm Cung-Phụng. Sau xin cáo hồi hưu.

**NGUYỄN-HUY-DAO** (阮輝瑤)

Quán xã Văn-Trạc, huyện Thanh-Hà, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Bính-Tý (1816), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Đốc-học tỉnh Hưng-Yên.

**HOÀNG-VĂN-HỌC** (黃文學)

Quán xã Phú-Phong, huyện Tuy-Viễn, tỉnh Bình-Định.

Sinh năm Đinh-Sửu (1817), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Biện-Lý bộ Công.

TRẦN-MẬU (陳懋)

Quán xã Văn-Thư, huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà-Tĩnh.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Chủ-sự bộ Lại.

Khoa này, Đặng-Huy-Trước, quán Phủ Thừa-Thiên, dự trong ba kỳ Hội, đã được vào hạng Chánh-trúng-cách. Theo thường lệ, sẽ được vào dự kỳ thi Đình, và ít nhất cũng sẽ đỗ Đồng-Tiến-sĩ, hay cùng lắm cũng đỗ Phó-Bảng. Duy vì xét trong bài văn-sách của ông có câu : Gia miêu chi hại (嘉苗之害). Bốn chữ này chỉ có nghĩa là : «Hại lúa tốt». Song viết như vậy là lỡ phạm vào tên làng Vua (tên Làng Vua là Làng Gia-Miêu), thiếu sự kính cẩn ! Bởi thế không những bị hỏng mà còn bị truất mất cả chân Cử-nhân.

CHUNG





# QUỐC - TRIỀU BẰNG - KHOA - LỤC

QUYỂN NHÌ

# QUỐC-TRIỀU ĐĂNG-KHOA-LỤC

## QUYỂN NHÌ

### ÂN-KHOA NĂM MẬU-THÂN

Niên hiệu TỰ-ĐỨC (副德) thứ nhất (1848)

Khoa này mới định lệ : Trong ba kỳ Hội, viên nào được tự 7 phân đến 14 phân là trúng-cách. Viên nào chỉ được 4 phân đến 6 phân, thì trúng Phó-Bảng.

Quan duyệt quyền :

Đỗ-Quang (杜光)

Vũ-Phạm-Khải (武范啟)

Quan đọc quyền

Trương-Đăng-Quế (張登桂)

Lâm-Duy-Nghĩa (林惟義)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-KHẮC-CẦN (阮克勤)

Sau đổi tên là Lệ (勵)

Song nguyên

Quán xã Trung-Hà, huyện An-Lạc, tỉnh Sơn-Tây.

Sinh năm Đinh-Sửu (1817), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-Dần (1842).

Chức Tuần-phủ tỉnh Hà-Nội. Đi quân-thứ Lạng-sơn Cao-Bằng. Sau khi chết tuân tiết ! Được tặng chức Thượng-Thư.

BÙI-THỨC-KIÊN (裴式堅)

Thế Khoa

Hai đời đỗ liền

Quán xã An-Đông, huyện La-Son, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là con trai viên Hoàng-Giáp thời Cổ-Lê, Dương-Lich.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1840).

Quan trải qua những chức : Đốc-học tỉnh Bình-Định ; Phủ Thừa-Thiên ; Biện lý Bộ Lễ ; Tuần-phủ tỉnh Hưng-yên ; Tham-tri bộ Lại, bộ Lễ và bộ Binh ; Thượng-thư bộ Lễ ; Lại ra nhậm chức Tổng Đốc Hà-Ninh. Song vì không giữ được Thành, bị cách. Sau được phục hàm Thị-lang, và được biên lại tên trong bia Tiến-sĩ (khi bị cách đã đục tên đi). Hưởng thọ 80 tuổi.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-ĐĂNG-HÀNH (阮登衍)

Quán xã Phù-Chánh, huyện Lệ-Thủy, tỉnh Quảng-Bình.

Là con trai viên Cử-nhân Đăng-Giai.

Sinh năm Quý-Mùi (1823), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Bổ-chánh, đi quân-thứ miền Bắc, chết tuần tiết !

NGUYỄN-HÌNH (阮馨)

Quán xã Văn-Giáp, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-Nội (nay thuộc tỉnh Hà-Đông).

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chưa kịp ra làm quan.

**ĐẶNG-TRẦN-CHUYÊN** (鄧陳顥)

Quán xã Ngọc-Than, huyện An-Son, tỉnh Sơn-Tây.

Sinh năm Mậu-Dần (1818), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Tổng-Đốc tỉnh Định-An.

**ĐỖ-THỨC-TĨNH** (杜叔靜)

Tên cũ là Như-Chương (如璋)

Quán xã La-Châu, huyện Hòa-Vinh, tỉnh Quảng-Nam.

Sinh năm Mậu-Dần (1818), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Bố-Chánh tỉnh Khánh-Hòa. Ông làm quan nổi tiếng thuần-lương, đổi sang chức Biện-Lý Bộ Binh. Khi xứ Nam-kỳ có việc binh, ông xin đi, liền thăng chức Tuần-Phủ tỉnh Định-Trường. Chết tại chức !

**LÊ-HỮU-LÊ** (黎有棟)

Quán xã Cồ-Hiền, huyện Phong-Lộc, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Đinh-Hợi (1827), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Ngự-Sử.

**VŨ-XUÂN-XÁN** (武春璇)

Quán xã Hòa-Luật, huyện Lệ-Thủy, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Tân-Ty (1821), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Hàm Thái-Thường-Tự Thiếu-Khanh. Tham-Biện Các Vụ. Sau khi qua đời, được truy phong chức Thị-Lang.

Phó-Bảng :

LÊ-BÁ-THẬN (黎伯慎)

Tên cũ là Tân-Hồng (賓鴻)

Quán xã Dương - Xuân, huyện Hương - Thủy, Phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Nhâm-Ngọ (1822), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Hàm Hiệp-Biện-Đại-Học-Sĩ, lĩnh chức Thượng-thư Bộ Lễ. Bị giáng. Sau lại được khai phục nguyên hàm.

NGUYỄN-ĐỨC-TÂN (阮德新)

Quán xã Canh-Nậu, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-Tây

Sinh năm Bính-Tý (1816), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

TRẦN-NGUYỄN-HÝ (陳元暹)

Huấn - Đạo

Quán xã Dục-Vật, huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà-Tĩnh.

Sinh năm Đinh-Ty (1797), 52 tuổi.

Đậu Tú-tài, khi ông 40 tuổi, được xét bỏ Huấn-Đạo. Chức Tư-Nghiệp.

TRẦN-NGỌC-DIỀU (陳玉珧)

Quán xã Di-Loan, huyện Bình-Chánh, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Nhâm-Thán (1812), 37 tuổi,  
Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).  
Hàm Trước-Tác.

LÊ-ĐÌNH-THỨC (黎廷績)

Quán xã Thanh-La, huyện Thanh-Chương, tỉnh  
Nghệ-An.

Sinh năm Mậu-Dần (1818), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Lang-Trung, sung chức Bang-Biện tỉnh Thái-  
Nguyên. Chết về việc quân !

BÙI-SĨ-TUYỀN (裴士選)

Giáo.Thụ

Quán xã Hà-Xá, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Mậu-Ngọ (1798), 51 tuổi.

Trúng Tú-tài, khi ông 40 tuổi được xét bổ Giáo-  
Thụ.

Hàm Hồng-Lô.

HỒ-SĨ-ĐĨNH (胡士錠)

Quán xã Nộn-Hồ, huyện Nam-Đường, tỉnh Nghệ-An.

Là thân phụ viên Cử-nhân Sĩ-Bích.

Sinh năm Canh-Thìn (1820), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Ngự-Sứ.

ĐẶNG-NGỌC-CẦU (鄧玉球)

Sau đổi tên là Phác. (璞)

Quán xã Đặng-xá, huyện Thượng-Nguyên, tỉnh

Nam-Định.

Sinh năm Ất-Dậu (1825), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Bố.chánh tỉnh Tuyên-Quang, bị cách. Theo đi quân.thứ tỉnh Thái.nguyên đề hiệu lực chuộc tội. Chết về việc quân !

ĐOÀN-VĂN-BÌNH (段文評)

Hương-Nguyên

Quán xã Hạ-Lang, huyện Quảng Điền, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Giáp-Thân (1824), 25 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Bình-Ngọ (1846).

Hiện hàm Hiệp-Biện-Đại-Học-Sĩ, thêm hàm Thái-Tử-Thiếu-Bảo, lĩnh chức Thượng-thư Bộ Lại. Sung Kinh-Duyên giảng quan.

ĐẶNG-KIM-TOÁN (鄧金算)

Sau đổi tên là Đặng-Toán (鄧算)

Quán xã Hành-Thiện, huyện Cao-Thủy, tỉnh Nam-Định.

Sinh năm Giáp-Tuất (1814), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Tuần-phủ tỉnh Lạng-Son, vì không giữ Thành bị cách, cho hiệu lực. Sau được phục chức Thị-Lang, liền thăng chức Tuần-phủ tỉnh Ninh-Bình. Lại thăng chức Thự-Tổng-Đốc Hà-Tĩnh Nghệ-An. Song chưa kịp tới nhậm chức, ông đã qua đời !

LÊ-HUY-THÁI (黎輝采)

Quán xã Cồ-Am, huyện Vĩnh-Bảo, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Quý-Dậu (1813), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tri-Phủ.

ĐINH-GIA-HỘI (丁嘉會)

Quán xã Ngô-Xá, huyện Duy-Tiên, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-Mão (1843).

Chức Tri-phủ.

LÊ-VĂN-VỊNH (黎文詠)

Quán xã Cánh-Mông, huyện Chương-Nghĩa, tỉnh  
Quảng-Nghĩa,

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tri-Huyện.

PHẠM-QUÍ-ĐỨC (范貴德)

Quán xã Càn-Phán, huyện Quỳnh-Côi, tỉnh Nam-  
Định.

Sinh năm Quý-Hợi (1803), 46 tuổi.

Học sinh, Phủ-Cống. Ở trong trường Quốc-Tử-Giám  
học tập.

Chức Ty-Nghiệp trường Quốc-Tử-Giám. Sau đổi  
sang chức Toàn-Tu.



## KHOA KỶ - DẬU

Niên-hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ hai (1849).

Quan duyệt quyền :

Vũ-Tuấn (武 濬)

Mai-Anh-Tuấn (北 英俊)

Quan đọc quyền :

Phan-Thanh-Giản (潘 清簡)

Trương-Quốc-Dung (張 國用)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-sĩ-xuất-thân :

ĐỖ-DUY-ĐỀ (杜 惟堤)

Quán xã Hương-Cáp, huyện Thu-Tri, tỉnh Nam-Định

Sinh năm Đinh-Sửu (1817), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Hàm Thị-Giảng, Học-Sĩ.

LÊ-ĐÌNH-DUYÊN (黎 廷延)

Hội-Nguyên

Quán xã Nhân-Mục (tên cũ là xã Hạ-Đình), huyện Thanh-Tri, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Giáp-Thân (1824), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Ty-Nghiệp, lĩnh chức Đốc-Học tỉnh Hà-Nội.

Học trò ông nhiều người thành đạt !

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ-xuất-thân ;

CHEN-HUY-CÔN (陳輝琨)

Quán xã Nam-Bản (nay đổi là Vụ-Bản), huyện  
Nam-Định.

Sinh năm Nhâm-Tý (1816), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Học-sĩ.

NGUYỄN-THÁI-ĐỀ (阮基梯)

Cha con đều đỗ.

Quán xã An-Tử, huyện Lương-Sơn, tỉnh Nghệ-An.

Là thân phụ viên Phó-bảng Thái-Tuân, và viên Cử-nhân Thái-Thực.

Sinh năm Quý-Hợi (1803), 47 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Ông nguyên trúng Cử-nhân khoa Giáp-Ngọ (1834), song khoa ấy vì việc quan trường phê thay đổi bị phát giác, nên bị truất ! Về nhà dạy học, học trò theo học rất đông ! Đến khoa Mậu-Thân mới được dự thi, lại trúng Cử-nhân.

Hàm Thị-Độc. Học trò ông nhiều người thành lập !

PHAN-SĨ-THỰC (潘仕倣)

Quán xã Vũ-Liệt, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An.

Là thân-phụ các viên Cử-nhân Tỉnh-Kham và Sĩ-Ngạc. Anh viên Cử-nhân Sĩ-Kiều.

Sinh năm Nhâm-Ngọ (1822), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Học-Chánh tỉnh Nghệ-An, rất nhiều học trò

tin phục theo học ! Đồi về trong Bộ, thăng luôn đến chức Thi-Lang bộ Lại, Sung chức Sứ-Thần sang Trung-Hoa (中華). Khi về nước, lĩnh chức Tuần-Phủ tỉnh Quảng-Trị, giảng xướng chức Viên-Ngoại và bắt phải về. Sau được khôi phục, thăng đến Quang-Lộc-Tự-Khanh, lĩnh chức Đốc-Học tỉnh Nghệ-An. Ông nổi tiếng là người thanh liêm giới tiết !

PHẠM-QUANG-MÃN (范光滿)

Quán xã Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội.  
Sinh năm Đinh-Sửu (1817), 33 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Qui-Mão (1843).  
Chức Tri-Phủ.

NGUYỄN-THÀNH-DOÃN (阮成允)

Quán xã Đồng-Môn, huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà-Tĩnh.  
Sinh năm Đinh-Mão (1807), 43 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Qui-Mão (1843).

HOÀNG-ĐÌNH-CHUYÊN (黃廷專)

Anh em đều đỗ đại khoa.

Quán xã Linh-Đường, huyện Thanh-Trị, tỉnh Hà-Nội.  
Là anh viên Hoàng-giáp Đình-Tá.  
Sinh năm Nhâm-Thân (1812), 38 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).  
Chức Ân-sát tỉnh Tuyên-Quang, giảng xướng chức Đốc-Học.

NGÔ-TÙNG-NHO (吳從儒)

Quán xã Thuận-Nghĩa, huyện Tuy-Viễn, tỉnh Bình-

Sinh

Sinh năm Quý-Dần (1912), 47 tuổi

Trung Cơ-nhân khoa Bình-Ngo (1947).

Cadre Trại-quân, được thăng hàm Tru-Bảng-Học-Sĩ.

PHAM-TÂN-CHINH ( 潘 文 珍 )

Quan xã Hương-Giới, huyện Phú-Sơn, tỉnh Quảng-Nam.

Sinh năm Nhâm-Thân (1912), 58 tuổi

Trung Cơ-nhân khoa Bình-Ngo (1948).

Cadre Trại-Phủ, về hưu ở rừng.

NGUYỄN-BẢN-ĐỨC ( 阮 文 德 )

Quan xã Cảnh-Dương, huyện Bình-Chánh, tỉnh Quảng-Nam.

Sinh năm Bính-Dần (1906), 44 tuổi

Trung Cơ-nhân khoa Bình-Ngo (1948).

Cadre Bức-Học tỉnh Vĩnh-Long

CHU-DUY-TÂN ( 周 維 新 )

Quan xã Vĩnh-Lạc, tổng Phụng-Xà, huyện Thạch-Thất, tỉnh Sơn-Tây.

Sinh năm Ấp-Dậu (1925), 25 tuổi.

Trung Cơ-nhân khoa Mậu-Thân (1948).

Cadre Trại-Phủ, bị cách. Sau được phục hàm Biên-Tu.

Phó-Bảng :  
Chưa trưởng tuổi

NGUYỄN-VĂN-HỘI (阮文會)

Quán xã Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Tri-Phủ.

LÊ-ĐỨC-HỢP (黎德洽)

Quán xã Bàn-Thạch, huyện Lôi-Dương, tỉnh Thanh-Hóa.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Tri-Phủ.

ĐỖ-KHẢI (杜愷)

Quán xã Bằng-Trình, huyện Thụy-Nguyên, tỉnh Thanh-Hóa.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Tri-huyện.

TRỊNH-HUY-QUỲNH (鄭輝瓊)

Quán xã Trung-Bộ, huyện Mỹ-Lương, tỉnh Sơn-Tây.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

PHẠM-TUYỀN (范選)

Quán xã Đông-Đồ, huyện Kim-Anh, tỉnh Bắc-Ninh.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Ngự-Sứ.

NGUYỄN-NGẠN (阮彦)

Sau đổi tên là Tuấn-Khanh (俊卿)

Quán xã Áng-Ngũ, huyện Gia-Viễn, tỉnh Ninh-Bình.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Đốc-Học.

NGÔ-QUANG-DIỆU (吳光耀)

Quán xã Vọng-Nguyệt, huyện Yên-Phong, tỉnh Bắc-Ninh.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

VŨ-ĐĂNG-XUÂN (武登春)

Sau đổi tên là Tiến.Thượng (進尚)

Quán xã Phô.Thị, huyện Lễ-Dương, tỉnh Quảng-Nam.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Án-Sát tỉnh Hà-Nội. Sung chức Tán-Tương quán-thứ. Sau khi tử tiết ! Tặng hàm Thị-Giảng-Học-Sĩ.

NGUYỄN-TUYỂN (阮諶)

Quán xã Côn-Tri, huyện Yên-Mô, tỉnh Ninh-Bình.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Án-Sát tỉnh Hải-Dương. Sau hồi hưu.

LÊ-ĐỨC-NHUẬN (黎德潤)

Sau đổi tên là Vịnh (泳)

Quán xã Phù-Quang, huyện Hoảng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Tri-huyện, bị cách. Sau được phục hàm Kiểm-Thảo.

ĐẶNG-ĐỨC-ĐỊCH (鄧德迪)

Quán xã Hành-Thiện, huyện Giao-Thủy, tỉnh Nam-

**Định.**

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thân (1848).

Chức Tuần-Phủ Nam-Ngãi, thăng chức Thượng-thư Bộ Lễ. Sau khi về hưu ông dạy học.

**BÙLTHỐ** (裴 措)

Quán xã Phú-Phong. huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Lĩnh chức Ân-Sát, đổi sang hàm Thị-Độc-Học-Sĩ, lĩnh chức Đốc-Học. Sau về hưu trí.

---

## KHOA TÂN - HỢI

Niên-hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ bốn (1851).

Khoa này lại trở lại lệ thi 4 kỳ (thi Hương cũng cùng lệ): Kỳ đệ nhất thi bài Chế và bài Kinh-nghĩa. Kỳ đệ nhị hỏi bài Văn-sách. Kỳ đệ tam thi bài Chiếu, bài Biếu và bài Luận. Kỳ đệ tứ thi một bài Thơ và một bài Phú. Những viên trúng đủ 4 kỳ đều được vào thi Điện, hỏi một bài văn-sách. Viên nào được tự 4 phần trở lên thì đỗ Giáp-Bình (tự Tiến-sĩ trở lên). Viên nào tự 3 phần trở xuống thì trúng Phó-Bình.

Quan duyệt quyển :

Tô-Trần (吳珍)

Nguyễn-Cẩm-Trường (阮文長)

Quan đọc quyển :

Bình-Văn-Hòa (鄧文和)

Hoàng-Tên (黃文)

Sắc ban Bộ-Nhập-Giáp Tiến-Sĩ-Cấp-Bộ đệ nhị danh  
(Sông-Nhơn) :

PHAM-THÀNH (范成)

Hương-Nguyên

Quan sử Trương-Vũ huyện Hải-Lạc, tỉnh Thanh-Hoa

Là con trai viên Cử-nhân Phó, anh viên Cử-nhân Bành.

Sinh năm Tân-Tý (1811) 31 tuổi.



Trúng Giải-nguyên khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Tham-Tri Bộ Hộ.

Ông văn học cao rộng, nên được vua thân mến !  
Chữ ông viết tốt về lối ngay ngắn.

Sắc ban Đệ-Nhất-Giáp Tiến-Sĩ-Cập-Đệ đệ tam danh  
(Thám-Hoa) :

HOÀNG-XUÂN-HỢP (黃春洽)

Quán xã Dũng-Thọ, huyện Thọ-Xương, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Ất-Dậu (1825), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Thị-Giảng-Học-Sĩ Viện Tập-Hiền.

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ-xuất-thân :

LÊ-HỮU-THANH (黎有聲)

Quán xã Thượng-Tầm, huyện Thanh-quan, tỉnh  
Nam-Định.

Sinh năm Ất-Hợi (1815), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tuất (1850).

Khi ông đi học nổi tiếng thần-đồng !

Chức Tuần-phủ tỉnh Ninh-Bình, bị miễn.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-NGUYỄN-THÀNH (阮元城)

Quán xã Đô-Lương, huyện Lương-Sơn, tỉnh Nghệ-An.

Là con trai viên Cử-nhân Hữu-Tổ, Em viên Cử-nhân Nguyễn-Điền.

Sinh năm Ất-Dậu (1825), 27 tuổi.

Trung Cử nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Hàm Hồng Lô Tự Thiếu-Khanh, sung chức Tham-Biện Nội-Các. Xin cáo về. Nhân gặp khi trong nước có việc, ông mộ binh. Nhưng sau ông lại hồi tỉnh, nên được khôi nghị tội.

THÂN-TRỌNG-TIỆT (申仲節)

Hội-Nguyên

Quan xã An-Lỗ, huyện Phong-Điền, phủ Thừa-Thiên.

La em viên Cử nhân Trọng-Nhiếp. Thân phụ các viên Cử nhân Trọng-Điền, Trọng-Khoai và Trọng-Lâm.

Sinh năm Mậu-Tý (1828), 24 tuổi.

Trung Cử nhân khoa Canh-Tuất (1850).

Chức Thị Giảng viên Táp-Hiền.

NGUYỄN-TRẦN-TRÂM (阮安審)

Sau đổi tên là Lâm (霖)

Quan xã Dương-Nỗ, huyện Phú-Vinh, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Kỷ-Sinh (1829), 28 tuổi.

Trung Cử nhân khoa Đinh-Mùi (1847).

Chức Tham-Tri bộ Lại.

NGUYỄN-QUỐC-THANG (阮國璋)

Nguyên tên cũ là Chương (章)

Quan xã Lạc-Điền, huyện Sinh-Chánh, tỉnh Quảng-Binh.

La con trai viên Cử nhân Quốc-Hoan. Em viên Cử nhân Quốc-Viện.

Sinh năm Nhâm-Ngọ (1822), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngọ (1846).

Chức Tri-Phủ.

HOÀNG VĂN TUYỀN (黃文選)

Quán xã Mỹ-Lợi, huyện Phú-Lộc, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Giáp-Thân (1824), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tuất (1850).

Chức Tổng-Đốc Bình-Phủ, đổi sang chức Thượng-Thư Bộ Công, giảng xuống chức Biện-Lý Bộ Binh. Sau được truy phục chức Tả-Thị-Lang Bộ Binh.

PHẠM-NHẬT-TÂN (范日新)

Thầy và học trò đỗ đồng khoa

Quán xã La-Hà, huyện Minh-Chánh, tỉnh Quảng-Bình.

Là thầy dạy học viên Tiến-sĩ Văn-Hệ.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Trưởng-Ấn.

TRẦN-VĂN-HỆ (陳文係)

Học trò và thầy đỗ đồng khoa.

Quán xã La-Hà, huyện Minh-Chánh, tỉnh Quảng-Bình.

Là thân phụ viên Cử-nhân Hữu-Bình. Học trò viên Tiến-sĩ Nhật-Tân.

Sinh năm Mậu-Tý (1828), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tuất (1850).

Chức Bổ-Chánh tỉnh Hà-Nội.

Phó-Bảng :

Chưa từng tuổi

LÊ-ĐÌNH-DAO (黎廷瑤)

Quán xã Bồ-Bản, huyện Đăng-Xương, tỉnh Quảng-Trị.

Là thân phụ viên Cử-nhân Đình-Tuân.

Trúng Cử-nhân năm Mậu-Thân (1848).

Chức Lang-Trung.

LÊ-ĐỨC-DĨNH (黎德穎)

Quán xã Quảng-Điền, huyện Đăng-Xương, tỉnh Quảng-Trị.

VŨ-TỬ-VĂN (武子文)

Tên cũ là Văn-Thọ (文壽)

Quán xã Nại-Cửu, huyện Đăng-Xương, tỉnh Quảng-Trị.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Quốc-Tử-Ty-Nghiệp ; Sĩ-Quán-Toản-Tu. Sau về hưu trí.

NGUYỄN-TRUNG-THÀNH (阮忠誠)

Quán xã Đường-Long, huyện Phong-Điền, phủ Thừa-Thiên.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Chức Quản-Đạo.

PHẠM-THANH-NHÃ ( 范清雅 )

Quán xã Mã-Châu, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam.

Là em viên Cử-nhân Thanh-Chân, Anh các viên Cử-nhân Thanh-Thục, Thanh-Nghiêm, Thân phụ viên Cử-nhân Cung-Lượng.

Trúng Cử-Nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tri-Huyện.

NGUYỄN-ĐÌNH-TUÂN ( 阮廷詢 )

Hương-Nguyên

Quán xã Phúc-Yên, huyện Quảng-Điền, phủ Thừa-Thiên.

Là chú viên Cử-nhân Dự.

Trúng Giải-Nguyên khoa Canh-Tuất (1850).

Chức Đốc-Học tỉnh Quảng-Ngãi.

NGUYỄN-THÁI ( 阮泰 )

Quán xã Thịnh-Lạc, huyện Nam-Đường, tỉnh Nghệ-An.

Ngay năm này ông lại trúng luôn Hoàng-Giáp Chế-Khoa.

Trúng Cử-nhân Khoa Đình-Mùi (1847).

Chức Án-sát tỉnh Hưng-Yên.

PHAN-ĐÌNH-THỰC ( 潘廷植 )

Quán xã Vũ-Liệt, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An.

Là con trai viên Cử-nhân Xuân-Lệ.

Trúng Cử-uhâm khoa Nhâm-dần (1842).

Chức Biện-Lý Bộ Hình, bị miễn chức.

VŨ-DUY-THANH ( 武 惟 清 )

Quán xã Kim-Bồng, huyện Yên-Khánh, tỉnh Ninh-Bình.

Ngay năm này ông lại trúng luôn Bảng-Nhơn Chế-Khoa.

Trúng Cử-nhân khoa Qui-Mão (1843).

ĐÀO-THẾ-TRINH ( 陶 世 禎 )

Quán xã Tĩnh-Xuyên, huyện Thư-Trì, tỉnh Nam-Định.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-Ngo (1846).

Chức Tri-Huyện.

---

## KHOA CÁT-SĨ (CHẾ-KHOA)

Niên-hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) Thứ bốn (1851)

Trước khi mở khoa Cát-Sĩ này, do quan trưởng Quốc-Tử-Giám và các quan đầu Ty các phương sát hạch : Những viên Cử-nhân Giám-sinh ở trong Giám học tập ; các viên Giáo-thụ Huấn-Đạo các hạt ; các viên Tiến-sĩ, Phó-Bảng, Cử-nhân, Tú-tài và học-sinh các làng, ai đã trúng hạch đều được dự thi.

Phép thi :

Kỳ đệ nhất — Thi 9 bài chế-nghĩa (5 bài hỏi về ngũ Kinh, và 4 bài hỏi về tứ thư, tức là chuyện), ai cũng phải làm ít nhất là 3 bài Kinh và 2 bài Chuyện. Nếu viết được nhiều hơn hoặc đủ cả 9 bài càng hay.

Kỳ đệ nhị — Một bài Phú luật ; 1 bài thơ thất-ngôn luật, và 1 bài Thơ ngũ-ngôn 8 vần.

Kỳ đệ tam — Một bài Chiếu, 1 bài Biểu, mỗi bài đều hạn tự 300 chữ trở lên, một bài Luận hạn 600 chữ trở lên.

Kỳ đệ tứ — Hỏi một thiên đại đoạn Văn-Sách, văn lý cực kỳ sâu rộng !

Viên nào trúng 4 kỳ, sẽ vào dự kỳ phúc-thi.

Khoa này là một khoa đặc biệt phi thường, đề đãi tài phi thường ! Phép thi so với khoa thi chính có điều nặng hơn ; ơn vinh so với Tiến-sĩ thường cũng thêm hậu hơn.

Sau khi lấy trúng, đức Hoàng-Thượng ban Sắc Dụ như sau :

Vàng mệnh trời dấy vạ nước, Hoàng-Đế ban sắc Du :

Khí thiêng trời đất, đời nào chẳng nảy anh tài ;  
nền thịnh nước nhà, sức giúp nhờ tay thạc-sĩ. Cho  
nên nhà Chu (周) rộng mở kỳ thi tam vật (1), nhà  
Hán (漢) tôn trọng các bậc tứ khoa (2). Xét nhận  
lối hay đời trước, đặt ra phép tắc ngày nay.

Ta then mình đức độ mỏng manh, nặng gánh cơ đồ  
to tát, kén người hiền không cứ cách nào (3), mong  
tiếp kiến dẫu đang khi ăn gọi (4); cầu kẻ sĩ như người  
khát nước, đương ân cần rộng mở lối đón mời. Vậy nay  
ngoài hai khoa thường lệ, đặt thêm ra một hội Chử-khoa.  
Thu vét anh tài, đầu đề lẫn đàn dê hồ; trang hoàng chính  
trị, muốn cho gặp hội rồng mây. Mừng được dịp có đường  
thăng tiến, ai còn cam mèn cỏ cơm rau ? tỏ dùng người  
không lối thiên tư, giá thực đáng ngựa vàng nhà ngọc (5).  
Thân tới cửa hiền hỏi bài hiến sách, những mong gây ích  
lợi công đồng; thay bỏ áo vải xem nước huy hoàng, đáng  
khen đã thuộc lầu Kinh thuật. Bời gai góc để hái hoa lan  
huệ, lấy bảy người đứng số với thiếu-dương; đổi vải xô  
mà dạng vẽ cân đai, đồ ba giáp ghi tên vào Thái-học. Xôn-

---

(1) Tam vật là : Thanh-liêm, siêng-cẩn và cẩn-thận.

(2) Tứ khoa là : Đức-hạnh, chánh-sự, văn-học và ngôn-ngữ.

(3) Vua Thang (湯) nhà Thương (商), cầu người hiền không nhất định căn cứ một phương pháp nào.

(4) Chu-Công (周公) nhà Chu (周), có khi một bữa cơm đang ăn mà 3 lần nhả miếng cơm đang nhai, có khi một lần gọi đầu mà 3 lần vuốt tóc đang gọi, để ra tiếp kiến người hiền.

(5) Ngựa vàng bởi chữ « kim mã môn », chỉ các bậc Hàn-Lâm. Nhà Ngọc bởi chữ « ngọc đường », chỉ các bậc quan tước.



xao cát-sĩ, tiếng thom lừng lẫy gần xa; rực-rỡ văn-phong, đời thịnh trượng bưng tốt đẹp!

Các người Cát-sĩ! Kính chịu ơn vinh, vững bền trung hiếu, học rộng để nên việc lớn, nên hiểu rằng có hoài bão có thi vi; chính hay bởi được người hiền, nên cố gắng về tâm tư về chí khí. Phải bảo tồn danh dự các người; chớ sao lãng mệnh từ của trẫm. Kính cần lắm thay!

Quan duyệt quyền :

Nguyễn - Bá - Nghi (阮伯儀)

Nguyễn-Cửu-Trường (阮久長)

Quan đọc quyền :

Trương-Đăng-Quế (張登桂)

Lâm-Duy-Tiếp (林惟浹)

Sắc ban Bác-Học-Hoành-Tài Đệ-Nhất-Giáp Cát-Sĩ  
cấp-đệ đệ nhị danh (Bảng-Nhơn) :

VŨ-DUY-THANH (武惟清)

Phó-Bảng

Quán xã Kim-Bồng, huyện Yên-Khánh, tỉnh Ninh-Bình.

Nguyên trúng Phó-bảng khoa Hội chánh.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 41 tuổi.

Trong các kỳ Hội cộng 13 phần.

Chức Tế-Tửu.

Sắc ban Bác-Học-Hoành-Tài Đệ-Nhất-Giáp-Cát-Sĩ-  
cấp-đệ đệ tam danh (Thám-hoa) :

VŨ-HUY-DỰC (武輝翼)

Hội-Nguyên

Huấn-đạo huyện Thanh-Ba.

Quán xã Quảng-Lãm, huyện Quế-Dương, tỉnh Bắc-Ninh.

Chân Tú-Tài được bổ. Trúng hạch.

Sinh năm Mậu-Ngọ (1798), 54 tuổi.

Trong các kỳ Hội cộng 24 phân.

Chức Tế-Tửu.

Sắc ban Bác-Học-Hoành-Tài Đệ-Nhi-Giáp-Cát-Sĩ-Xuất-thân (Hoàng-giáp) 2 tên :

PHẠM-HUY (范徽)

Tú - Tài

Quán xã Mỹ-Hòa, huyện Hương-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Chân Tú-tài chưa xuất chính, trúng hạch.

Sinh năm Tân-Mùi (1811), 41 tuổi.

Hàm Trục-Học-sĩ.

NGUYỄN-THÁI (阮泰)

Phó - Bạng

Quán xã Thịnh-Lạc, huyện Nam-Đường, tỉnh Nghệ-An.

Nguyễn trúng Phó-Bạng khoa Hội chính.

Sinh năm Kỷ-Mão (1819), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đìn-Mùi (1847).

Chức Ân-sát tỉnh Hưng-Yên.

Ông tự khi thi Hương đến khoa này gồm 6 khoa, trúng liên tiếp Tú-tài, Cử-nhân, Phó-Bạng, Hoàng-giáp, không rớt khoa nào. Ai cũng cho là kỳ !

Sắc ban Bác-Học-Hoành-Tài Đệ-Tam-Giáp Đồng.  
Tiến-sĩ.xuất.thân 3 tên :

NGUYỄN.BÁ.ĐÔN (阮伯惇)

Quán xã Văn,canh, huyện Từ.Liêm, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Nhâm-ngọ (1822), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1846).

Chức Tri-phủ, bị miễn chức.

TRẦN.HỮU.DỰC (陳有翼)

Quán xã Đăng-cao, huyện An-thành, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Tân-Tý (1821), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tuất (1850).

Chức Thị-Giảng viện Tập-Hiền.

TRẦN.HUY.TÍCH (陳輝積)

Quán xã Dũng-Thọ, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-Nội.

Là con trai viên Cử-nhân Văn-Vi.

Sinh năm Mậu-Tý (1828), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-Tuất (1850).

Chức Đốc-Học tỉnh Hải-dương, xin cáo lánh.

Ông về ở huyện Thanh-Liêm, thuộc Phủ-Lý-Nhân là nơi quê ngoại. Nhà rất nghèo, chỉ trơ mấy gian nhà rỗng, một mảnh áo thô, mà ông vẫn thảnh thơi vui vẻ ! Ông thường ngồi yên tĩnh một mình suốt ngày, như người si ! Chưa từng bao giờ nói đến chuyện thế-sự ; cũng không hề lúc nào nói đến chuyện văn-chương. Ở Thanh-Liêm hơn 30 năm, chưa từng bước chân đến thành thị ; cũng không hề đàm luận với

người ngoài. Cả đến con em trong nhà, cũng mặc kệ tự nhiên, không có thói thúc sự làm ăn sinh kế. Người ta ít khi được thấy mặt ông. Mãi đến khi ông tuổi già, mới thấy cùng một vài bạn văn nhân dong chơi cảnh sơn thủy, có vịnh một vài bài thơ tức cảnh, lời lẽ cực kỳ ngay ngắn ! Đủ rõ ông là người có chân tính vậy. Theo rồi sự ra làm quan, sự lui về nhà, sự nói, sự im của ông, không biết ông thuộc loại người nào ?

---

## KHOA QUI - SỬU

Niên - hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ sáu (1853).

Khoa này thi Đình xong lại qua một kỳ Phú.thí, dùng ba bài luận, thể văn kim.

Quan duyệt quyền :

Phạm-Thế.Hiến (范世顯)

Trần . Mẫn (陳敏)

Quan đọc quyền :

Lâm-Duy-Nghĩa (林惟義)

Nguy-Khắc-Tuần (魏克循)

Sắc ban Đệ-Nhất-Giáp-Tiến-Sĩ-Cấp-Đệ đệ-tam-danh  
2 tên (Thám.Hoa) :

NGUYỄN-ĐỨC-ĐẠT (阮德達)

Thế khoa.

Anh em họ đều đỗ đại khoa.

Quán xã Nam-đồng, tổng Trung-cần, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Giáp-Thân (1824), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đình-mùi (1847).

Là anh họ viên Tiến-sĩ Đức-Quy. Anh ruột viên Cử-nhân Đức-Huy. Con trai viên Cử-nhân Đức-Hiến. Chau gọi viên Cử-nhân Đức-Diệu bằng chú. Thân phụ viên Cử-nhân Đức-Đảng.

Bắt đầu bỏ vào Viện Tập-Hiến, kế thăng chức Cấp-Sự.

Trung. Ông xin cáo về phụng dưỡng song thân. Liên sung chức ĐỀ-Học tỉnh Nghệ-An. Sau gặp đại tang, ông về chịu tang, ở nhà dạy học, học trò bốn phương theo học rất đông! Quan tỉnh đem việc đó tâu vào triều-đình, nên lại lĩnh chức Quận-Học, rồi thăng Ân-sát tỉnh Thanh-Hóa, kế thăng Tuần-Phủ tỉnh Hưng-Yên. Năm Tự - Đức (嗣德) thứ hai mươi sáu (1863), tỉnh Hà-Nội và Nam-Định Ninh - Bình đều thất thủ! Duy tỉnh Hưng - Yên do ông đứng đầu, cũng liền ngay đấy, mà toàn vẹn không việc gì. Bởi thế được Vua thăng thưởng. Ông liền lấy sự trong mình có bệnh xin về. Khi hưu, ông rất diễm đạm, chỉ lấy sự soạn sách và dạy học làm vui, học trò đổ ập nhiều! Đủ cả Tiến - sĩ, Phó-bảng, Cử-nhân, Tú-tài. Sách ông soạn đã lưu hành có những tập: Nam - Sơn Song-Khóa ; Hồ-Dạng-Thi ; Vịnh-Sử-Thi ; Việt-Sử-Thặng-Bình; Càn-Kiệm-Vặng-Biên, và Khảo-Cổ-Úc Thuyết. Những tập chưa đưa in cũng còn nhiều, chờ sẽ biên tiếp.

NGUYỄN - VĂN - GIAO (阮文交)

Thế Khoa

Chú và cháu đều đỗ đại khoa.

Hội - Nguyên, Hương - Nguyên.

Quán xã Trung-cần, Tổng Trung-cần, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

Là chú viên Tiến-sĩ Hữu-lập. Em viên Cử-nhân Trọng Dục. Chú viên Cử-nhân Đức-Hậu.

Sinh năm Nhâm-thân (1812), 42 tuổi.

Nguyên trúng cử-nhân khoa Giáp ngo (1834). Song vì việc quan trường thay đổi phê chấm khoa ấy phát giác,

nên bị truất. Về nhà dạy học, học trò rất đông! Mãi đến khoa Canh.tuất (1850) mới được dự thi. Đến khoa Nhâm tý (1852) lại trúng Cử-nhân.

Chức Tham-Biện Nội-Các. Sau được tặng hàm Quang-Lộc.

Ông thủy chung làm quan ở viện Hàn-Lâm và Nội-các, nổi tiếng về văn học, được Vua rất mến! Có vâng mệnh soạn Sử-Luận-Tập và Thập-Tam-Kinh-Thành-Cú, rất được Vua khen thưởng! Ông có soạn tập Quất-Lâm-thi-văn lưu hành.

Sắc ban Đệ - Nhị - Giáp Tiến-sĩ xuất-thân :

LÊ - TUẤN (黎峻)

Sinh năm Mậu-dần (1818), 36 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Canh.tuất (1850).

Anh em đều đỗ đại khoa.

Quán xã Hà-trung, huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh.

Là em trai viên Phó-bảng Đức và viên Cử-nhân Doãn. Thân phụ viên Cử-nhân Nhất-Hoàn.

Quan trải các địa-phương và Bộ Viện, Sung chức Chánh-sứ sang Trung-Hoa (中華). Khi về nước, thăng chức Tham-Tri Bộ Hình, lần thăng đến Thượng-Thư. Sung chức Bắc-Kỳ-Thị-Sur-đại-thần, Sung chức Chánh-sứ qua Đại-Pháp. Sau khi qua đời, được tặng hàm Hiệp-Biện-Đại-học-sĩ.

Ông làm quan trải qua các chức trong triều ngoài quận, lại hai lần sung chức Chánh-sứ, ơn vinh không

ai sánh kịp ! Khoảng thời Tự-Đức, mỗi lần đi sứ, đều được Vua ban thơ khen. Bài thơ Vua ban khi ông đi sứ sang nhà Thanh (清) như sau :

桑	蓬	初	願	是	男	兒
崖	特	三	餘	飽	讀	詩
萬	里	壯	觀	留	姓	字
四	方	專	對	慎	言	辭
金	山	立	馬	風	聲	眼
肥	渚	催	船	水	濶	思
題	塔	乘	藉	兼	世	艷
歸	來	何	菜	殿	丹	墀

Tang bồng sơ nguyện thị nam nhi,  
Khởi đặc tam dư bảo độc thi.  
Vạn lý tráng quan lưu tính tự,  
Tứ phương chuyên đối thận ngôn từ.  
Kim-Sơn lập mã phong thanh nhớn,  
Phi-Chữ thôi thuyền thủy khoát ty.  
Đề tháp, thừa du, kiêm thế diệm,  
Quy lai hà sách hiến đan-tri ?

Dịch nghĩa :

Chí nguyện của con trai là sự tang bồng hồ thi.  
Có phải đâu là chỉ ngày ngày đọc thơ.

Nhà người đi sứ chuyển này, tên tuổi sẽ được nêu  
cao nơi xa muôn dặm.

Nhiệm-vụ Sứ-thần là phải tự ý tùy cơ ứng đối với



các nước bốn phương. Người phải cẩn thận lời nói.

Khi người dong ngựa trên đường bộ, tầm con mắt sẽ được ngắm vẻ phong - quang của núi Kim-Son.

Khi đi đường thủy thuyền qua sông Phì rộng mênh mông như biển, sẽ rộng thêm tư-tưởng.

Nhà người đã đổ đại-khoa, đề tên vào tháp nhận, nay lại cỡi xe Sứ-thần, thực là kiêm cả 2 sự đẹp nhất trên đời.

Khi xong công việc trở về triều, sẽ có kẻ sách hay gì hiển trăm trước thềm ngọc ?

Dịch thành văn vần :

*Tang bằng mới thỏa nguyện nam-nhi,  
Há những ba thừa (1) chỉ đọc thi.  
Tên họ vang đồn muốn dặm bước,  
Nói năng chuyên trách bốn phương đi.  
Kim-Son dưng ngựa ào cơn mát,  
Phì-Thủy buông thuyền rộng tứ suy.  
Đề-Tháp (2), cỡi xe (3), kiêm vẻ đẹp,  
Sách nào về hiển trước đan-trì (4) ?*

Hựu thề :

*Chí nam nhi tang bằng hồ thi,*

- 
- (1) Ba thừa : Đêm là thừa của ngày; mưa là thừa của tạnh; mùa đông là thừa của năm. Ba thừa là nói quanh năm.  
(2) Nhận-tháp là đồ Tiên-sĩ trở lên, để tên vào tháp nhận.  
(3) Cỡi xe là đi Sứ. Sứ-thần cỡi cỗ xe nhẹ.  
(4) Đan-trì là thêm nhà Vua.

Nào phải đâu ngày chỉ thơ ngâm,  
Lưu tên muốn dăm xa xăm,  
Bốn phương ứng đối nói năng liệu lời,  
Thấy Kim-Son thành thơ dùng ngựa,  
Qua sông Phì nghĩ tựa trùng dương  
Tháp, xe, đẹp cả đôi đường!  
Ngày về sẽ hiển những phương sách gì?

Khi ông lại phụng mệnh đi Sứ qua nước Pháp, đức  
Hoàng-Thượng có ban bài thơ và bài tự đề tiền tặng.  
Thơ như sau :

北	聘	西	浮	兩	度	劫
東	方	自	可	反	三	隅
男	兒	志	氣	當	如	是
家	室	情	懷	靡	所	須
人	物	補	遺	山	海	集
風	波	倍	蕝	洞	庭	湖
天	憐	忠	義	成	功	返
茂	展	獻	爲	贊	遠	圖

Bắc sinh tây phù lương độ cà,  
Đông phương tự khả phản tam ngu.  
Nam nhi chí khí đương như thị,  
Gia thất tinh hoài mỹ sở tu.  
Nhân vật bỏ di Sơn-Hải tập,  
Phong ba bội ti Động-Đình hồ.  
Thiên lân trung nghĩa thành công phản,  
Mậu triều dụ vi tán viên đồ.

Dịch nghĩa :

Nhà người đã từng dong-duổi phương Bắc và lênh-  
đênh phương Tây, đã hai lần khó nhọc !

Nay phụng mệnh đi Sứ phương Đông này, sẽ rút  
kinh nghiệm hai lần đi Sứ trước. Ví như người thợ mộc  
đóng cái bàn, sau khi đã vào khuôn mộng được một góc,  
thì ba góc kia sẽ cứ theo thể mà xong ngay.

Chí khí của kẻ nam nhi là xông pha muôn dặm về  
việc nước như vậy.

Còn về tình vợ con không cần nghĩ tới.

Người đi Sứ chuyến này, tên tuổi vẻ vang sẽ được  
ghi thêm vào tập Sơn-hải.

Và sóng gió mênh-mông mạnh gấp mấy hồ Động-  
đình.

Người có trung nghĩa thì thế nào cũng được trời  
thương giúp cho thành-công.

Khi trở về triều sẽ đem tài kinh luân mà giúp việc nước.

Dịch thành văn vần :

*Bắc qua Tây vượt hai lần,  
Tam ngu trả lại là phần đông phương.  
Nam nhi chí khí tự cường,  
Chút tình gia thất thói thường-nghĩ chi.  
Tập Sơn-Hải lại tên ghi,  
Trên đường sóng gió kém chi Động-Đình.  
Lòng trung trời giúp công thành,*

*Khi về hẳn có mưu lành giúp công.*

Hựu thề :

*Qua Bắc, Tây, hai phen khó nhọc,  
Khuôn một phương ba góc đều xong.*

*Nam Nhi chí khí vẫy vùng,  
Thất gia nhi nữ tình nùng đáng quên.  
Tập Sơn-Hải, ghi thêm tên họ,  
Mạnh gấp năm sóng gió Động-Đình.  
Trời thương trung nghĩa công thành,  
Ngày về sẽ giở kinh luân giúp đời.*

Chuyến đi Sứ này, ông mới đi đến tỉnh Gia-Định thì mắc bệnh, thở hơi cuối cùng! Khi đưa linh-cữu về qua Kinh, đức Hoàng-Thượng có ban tế, cuối bài văn tế có câu rằng :

朕特輟相知之情，為數言其數  
盡，以盡君臣始終之義。云。云。

Trẫm đặc chuyết tương tri chí tình, vì số ngôn, diện số trần, dĩ tận quân thần thủy chung chí nghĩa v.v...

Dịch nghĩa :

Nay trẫm vì tình tương tri, nên làm vài lời văn ; rót vài chén rượu kính viếng, đề trọn nghĩa Vua tôi chung thủy, v.v...

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ-xuất-thân :

ĐẶNG-VĂN-BẢNG (鄧文榜)

Quán xã Văn-Cốc (nay sáp vào xã Phúc-Thọ), huyện Bạch-Hạc, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Mậu-dần (1818), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tuất (1850).

Chức Ân-sát tỉnh Nghệ-an.

NGUYỄN-HỮU-ĐIỀN (阮有璣)

Quán xã Cẩm-hương, Tổng Đại-đồng, huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Hữu-Bích.

Sinh năm Ất-dậu (1825), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1846).

Chức Tri-Phủ phủ Bình-giang, sau khi chết tuấn tiết! Được tặng hàm Thi-Độc.

MAI-THẾ-QUI (枚世貴)

Sau đổi tên là Mai-Quy (枚貴)

Quán xã Phù-lưu, huyện Thiên-lộc (nay đổi là Can-Lộc), tỉnh Hà-Tĩnh.

Sinh năm Nhâm-ngọ (1822), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1852).

Nguyên ông đã trúng Giải-nguyên khoa trước, nhưng vì lỗi dấu chức cha, nên được cách. Sau lại trúng Cử-nhân.

Chức Tuần-phủ tỉnh Tuyên-quang, giảng xuống chức Án-sát.

NGUYỄN-TRUNG-ÁI (阮忠愛)

Quán xã Thụy-khuê, huyện An-sơn, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Ất-dậu (1825), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ, (lầm chăng? vì năm Nhâm-ngọ (1822), là năm ông chưa sinh. Có lẽ hoặc là Bình-ngọ (1846) hay Nhâm-tý (1852) chăng?)

Chức Tri-phủ.

Phó-Bảng :

VŨ-KHẮC-BÍ (武克贲)

Quán xã Việt-Yên, huyện La-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh.

Là con trai viên Cử-nhân Khắc-Kiểm.

Sinh năm Giáp-Thân (1824), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-Thân (1848).

Nguyên trong 3 kỳ Hội đã dự chánh-trúng-cách. Song vì bài văn «tam tỉnh phân hợp» trong kỳ Phú-Hạch ông viết trái chỉ Vua, nên được truất xuống Phó-Bảng.

Chức Phủ-Thừa Phủ Thừa-Thiên, vì tên Trưng và tên Trục nhân đi trông coi việc xây Lăng mà khởi loạn, cho nên ông bị cách. Sau được phục đến chức Đốc-Học tỉnh Nghệ-An.

PHẠM-ĐÌNH-TRẮC (范丁俸)

Quán xã Thanh-sơn, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Giáp-thân (1824), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tuất (1850).

Chức Tri-huyện.

HOÀNG-KIM-TÍCH (黄金錫)

Sau đổi tên là Hoàng-Diệu (黄耀)

Quán xã Xuân-đài, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam.

Là em trai viên Cử-nhân Kim-Giám. Anh các viên Cử-nhân Kim-Bảng và Kim-Vĩ.

Sinh năm Nhâm-thìn (1832), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thân (1848).

Chức Tham-Tri, lĩnh chức Tổng-Đốc Hà-Ninh, bị mất Thành chết tuấn tiết ! Được truy bổ.

LƯU-VĂN-BÌNH (劉文平)

Quán xã Cao-lao, huyện Bồ-chánh, tỉnh Quảng-bình.

Là thân phụ viên Cử-nhân Đức-Sùng. Tô phụ viên Cử-nhân Vĩnh-Kiến.

Sinh năm Nhâm-tuất (1802), 52 tuổi.

Trúng Tú-tài, học trường Quốc-tử-giám.

Chức Viên-Ngoại-Lang Bộ Hình.

TRẦN - KÝ (陳驥)

Quán xã Phú-lễ, huyện Quảng-diền, phủ Thừa-thiên.

Là con trai viên Cử-nhân Hữu-Bạch.

Sinh năm Bính-tuất (1826), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tuất (1850).

Chức Tu-Soạn Nội-Các.

Ông nổi tiếng hay chữ ! Có soạn tập Liễu - Trai - Nữ-Huấn.

TRẦN-DOÃN-THẮNG (陳允升)

Quán xã Thổ-bình, huyện Bình-chánh, tỉnh Quảng-bình.

Là thân phụ các viên Cử-nhân Tiến-ích và Trần-Tổn.

Sinh năm Giáp-thân (1824), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mùi (1847).

Chức Án-sát tỉnh Bình-thuận.

## KHOA BÌNH - THÌN

Niên-hiệu TỰ - ĐỨC (嗣德) thứ chín (1856)

Quan duyệt quyền :

Phạm-Quý (范貴)

Vũ-Duy-Ninh (武維寧)

Quan đọc quyền :

Trương-Đăng-Quế (張登桂)

Đặng-Văn-Thiêm (鄧文添)

Sắc ban Đệ-Nhất-Giáp Tiến-sĩ-Cấp-Đệ - đệ tam danh

(Thám - Hoa) :

NGUY-KHẮC-ĐẢN (魏克儉)

Huấn-Đạo huyện Can-Lộc

Thế Khoa

Chú cháu đều đỗ đại khoa

Quán xã Xuân-viên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an.

Là cháu gọi viên Tiến-sĩ Khắc-Tuần bằng chú. Con trai viên Cử-nhân Khắc-Thận. Cháu gọi viên Cử-nhân Khắc-Thành bằng chú thứ.

Sinh năm Đinh-sửu (1817), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-sửu (1841).

Chức Bổ-Chánh tỉnh Nghệ - an, 8 năm, liền thăng chức Tham-tri, lĩnh chức Thượng-thư Bộ Công.

Lời văn đối sách của ông rất xác đáng! Được Vua ban khen là :

鶴 立 鷄 羣



Hạc lập kê quần :

« Vi như chim hạc đứng giữa đàn gà » !

Sắc ban Đệ-tam-Giáp Đồng Tiến-sĩ xuất-thân :

ĐẶNG - XUÂN - BẢNG (鄧 春 榜)

Giáo-thụ phủ Ninh-giang.

Quán xã Hành-thiện, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định.

Là anh viên Cử-nhân Ngọc-Toản.

Sinh năm Mậu-tý (1828), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tuất (1850).

Chức Tuần-phủ tỉnh Hải-dương, vì mất Thành nên bị cách. Sau khởi phục hàm Quang-lộc-Tự Thiệu-Khanh, lĩnh chức Đốc-học tỉnh Nam-định.

Khi ông hồi hưu, suốt ngày nghiên-cứu những nghĩa ngữ, cho nên phát-minh được nhiều. Ông lại biết nhiều tên các vật, chia ra từng loại, biên chép thành tập. Thành Nam suy tôn là người biết rộng.

TRẦN - HUY - SAN (陳 輝 珊)

Quán xã Đột-lĩnh, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Bình-Tuất (1826), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Hàm Thị-độc. Năm Nhâm-Tuất (1862) ông mộ binh đi theo quân-thứ, chết tuần tiết !

NGÔ - VĂN - ĐỘ (吳 文 度)

Quán xã Nhật-chiều, huyện Bạch-hạc, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Mậu-dần (1818), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thân (1848).

Chức Án-sát, sung Tán-ly tỉnh Cao-Băng, chết ! Tặng hàm Quang-Lộc Tự-Khanh.

PHAN . HIỀN . ĐẠO (潘顯道)

Quán xã Dưỡng-diêm, huyện Kiến-Hưng, tỉnh Định-tường.

Sinh năm Canh-dần (1830), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mùi (1847).

Vì vương việc tội lỗi, phải đuc bỏ tên trong bia Tiên-sĩ.

PHAN - ĐÌNH - BÌNH (潘廷評)

Hội . Nguyên

Quán xã Phú-lương, huyện Quảng-diên, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Tân - mao (1831), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tuất (1850).

Ông được Vua đặc-biệt biết đến về văn-học và chính-sự ! Quan trải qua trong Nội-các đến Tuần-phủ Tổng-đốc. Năm đầu thời Đồng-Khánh (同慶) do hàm Văn-Minh-Điện Đại-Học-Sĩ được tấn phong tước Phù-Nghĩa Tử. Vì can triều nghị, bị mất hết hàm tước. Sau lại được phục nguyên hàm cũ, và truy phong tước Phù-Quốc-Công.

Phó - bảng :

TRẦN . THẾ . MỸ (陳世美)

Quán xã Dương-nỗ, huyện Phú-vinh, phủ Thừa-

**Thiên.**

Sinh năm Tân.Ty (1821), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm.Tý (1852).

Chức Ngự - Sử.

---

## KHOA NHÂM-TUẤT

Niên hiệu Tự-Đức (嗣德) thứ mười lăm (1862)

Khoa này cả chánh-trúng-cách và phó-trúng-cách đều vào thi Điện-thí, chấm xong lại qua 2 kỳ Phú.thí, 2 kỳ Phú.thí đều thi văn kim.

Quan duyệt quyền :

Phạm-Phú-Thứ (范富庶)

Hoàng-Thiện-Trường (黄善长)

Quan đọc quyền :

Trương-Quốc-Dung (张国用)

Phan-Huy-Vĩnh (潘辉泳)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ xuất thân :

NGUYỄN-HỮU-LẬP (阮有立)

Hương-Nguyên

Hàm Biên-Tu, lĩnh chức Huấn-Đạo huyện Can-Lộc.

Thế.khoa

Cháu và chú đều đỗ đại khoa.

Quán xã Trung-Cần, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An.

Là cháu gọi viên Thám-hoa Văn-Giao bằng chú.  
Con trai viên Cử-nhân Trọng-Dực. Em họ viên Cử-nhân Đức-Hậu.

Sinh năm Giáp-Thân (1824), 39 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Canh-Tuất (1850).

Quan trải qua Hàn - Lâm, Nội-các, sung chức Chánh Sứ sang triều Đại-Thanh, thăng chức Tham-tri Bộ Binh. Ông được Vua trọng về văn học.

LÊ - KHẮC - CẢN (黎克謹)

Vâng mệnh Vua đổi tên là Nghị (誼)

Hương- Nguyên, Hội-Nguyên.

Quán xã Hạnh - Thị, huyện An-Lão, tỉnh Hải-Dương.

Sinh năm Quý-Ty (1833), 30 tuổi.

Trúng Giải - nguyên khoa Ất-Mão (1855).

Quyền thi kỳ Phúc - hạch của ông được Vua phê nêu mấy dòng chữ son, trong có câu rằng:

其 文 簡 勁 圓 活， 確 係 有 學，  
與 第 一 名 相 為 伯 仲。

Kỳ văn giản kính viên hoạt, xác hệ hữu học, dũ đệ nhất danh tương vi bá trọng :

« Văn viết gọn gàng, mạnh mẽ, tròn trặn và lưu loát ! Đứng là người có học lực. So với tên trúng thứ nhất cũng xuýt xoát không hơn kém mấy ».

Lại được vua phê son vào bên nơi đề tên trong quyền như sau :

取 謹 甚 是。 爾 會 試 甚 高！ 爾  
第 二 場 表 題 朕 讀 之 嗚 咽  
不 能 徧 誦！ 爾 有 忠 義 之 言，  
諒 有 忠 義 之 心 以 圖 報 朕，  
故 獎 拔 之， 足 以 破 黃 有 財

兩 折 異 視 之 說 欽 此 !

Thủ cần thậm thi. Nhĩ Hội-thí thậm cao ! Nhĩ đệ nhị tràng Biều đề, trăm đọc chi minh yết bất năng biến tung ! Nhĩ hữu trung nghĩa chi ngôn, lượng hữu trung nghĩa chi tâm dĩ đồ báo trăm, cố tưởng bạt chi, túc dĩ phá Hoàng-Hữu-Tai lưỡng Kỳ dị thị chi thuyết. Khâm thủ :

«Lấy « Cần » đồ rất đáng ! Văn thi Hội của người rất cao ! Trăm đọc bài Biều của người trong kỳ đệ nhị, mà ghen-ngào không thể đọc trọn bài ! Người đã có những lời trung nghĩa, tất có lòng trung nghĩa đề báo đáp trăm, cho nên trăm thưởng cho nhà người đồ cao. Như vậy đủ phá cái thuyết của Hoàng-Hữu-Tai vẫn thường nói là : Coi Trung-Kỳ hơn Bắc-Kỳ. (Lê-Cần người Bắc-Kỳ). Kính đấy !

Ông làm quan trong viện Hàn-Lâm và Nội-Các, vì văn học cao rộng, rất được Vua mến ! Nhờ ơn Vua đổi sang chức Án-sát tỉnh Nam-Định, liền thăng chức Bộ-Chánh. Chết ở nơi làm quan.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ.xuất-thân :

TRẦN.VĂN.CHUẨN (陳文準)

Hương-Nguyên.

Quán xã La-Hà, huyện Minh-Chánh, tỉnh Quảng-Bình.

Là anh viên Cử-nhân Văn-Thức.

Sinh năm Bính-Thân (1836), 27 tuổi.

Trúng Giải-Nguyên khoa Tân-Dậu (1861).

Quan trải qua Bộ, Các và Viện. Sang chức Phó.sứ  
sang triều Đại.Thanh. Tuần-phủ tỉnh Hưng-Yên ; Bắc.kỳ  
phó-khâm-sai ; Thượng-thư Bộ Công ; Tổng-đốc An-Tĩnh.

NGUYỄN.CHÁNH (阮政)

Hàn-Lâm-Điền-Bà

Hương.Nguyên

Quán Thôn Tây, xã Phú.mỹ, huyện Bình-dương, tỉnh  
Gia-định.

Thi phụ vào trường Thừa-thiên.

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 29 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Mậu-ngọ (1858).

Quan trải qua Bộ và Các, sang chức Tổng-đốc An-  
Tĩnh. Gia hàm Thái.tử Thiếu.bảo, Lại . bộ Thượng-thư,  
sung chức Su.Bảo trường Dục-Đức và trường Chánh.Mông.  
Đổi sang chức Bắc.kỳ - Kinh-Lược-Sứ. Giảng xuống chức  
Sơn-Phòng tỉnh Hà-tĩnh, liền thăng Tổng-đốc An-tĩnh, đổi  
sang Thượng-thư Bộ Hình. Hiện hàm Hiệp-biện-đại-học-  
sĩ, lĩnh chức Tổng-đốc tỉnh Thanh.hóa,

KIỀU-LÂM (喬林)

Tên cũ là TÙNG (松)

Quán xã An-đại, huyện Chương-mỹ, tỉnh Quảng-nghĩa.

Sinh năm Ất.dậu (1825), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Chức Bang-biện Tĩnh-Man.

VŨ-HUY-HUYẾN (武輝烜)

Quán xã Đại-đồng, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Ất-mùi (1835), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-dậu (1861).

Chức Bổ-chánh tỉnh Thái-nguyên, bị cách.

Sau được phục hàm Hồng-Lô-tự Thiếu-khanh.

Phó.Bảng :

PHẠM-XUÂN-TRẠCH (范春澤)

Quán xã Cao-xán huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Nhâm-thìn (1832), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Chức Tri-huyện Thọ-xương, sung chức Bang-biện tỉnh Lạng-son, xin cáo về nhà để phụng dưỡng song thân đến trọn tuổi thọ. Sau lĩnh chức Phủ-Phong quyền Tri-phủ phủ Anh-son, liền thăng hàm Thị-giảng.

Ông thiên-tư rất thông-minh ! Nổi tiếng hay chữ.

NGUYỄN-DUY-TÂN (阮維新)

Sau đổi tên là Đình-Nhuận (廷潤)

Quán xã Xuân-lôi, huyện Võ-giang, tỉnh Bắc-ninh.

Sinh năm Canh-dần (1830), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thân (1848).

Chức Tổng-đốc Sơn-Hưng-Tuyên, vì mất thành, cải điếu xuống chức Thị-lang Bộ Lại. Hiện đã thăng chức Tham-tri.

TRẦN-DOÃN-ĐẠT (陳尹達)

Tên cũ là Đình-Khanh (廷鏗)

Cha và con đều đỗ đại-khoa.

Quán xã Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-dịnh.



Là thân-phụ viên Hoàng-giáp Hy-Tăng.

Sinh năm Nhâm-ngọ (1822), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm.tý (1852).

Chức Ân.sát.

PHẠM-HY-LƯỢNG (范熙亮)

Quán xã Nam-ngự, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu.tý (lầm chăng? vì năm Mậu.tý (1828) là năm ông chưa sinh).

Chức Biện-ly, sung Phó-sứ sang triều Đại-Thanh, thăng chức Bõ-chánh tỉnh Nghệ-an, vì can lỗi mất chức. Sau được khai phục sung chức Tán-tương, lĩnh chức Ân-sát tỉnh Ninh-bình, liền quyền chức Tuần-phủ.

HOÀNG-HỮU-TÀI (黄有财)

Quán xã Văn-cốc (nay thuộc vào hạt Phúc-thọ), huyện Bạch-hạc, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Mậu.tý (1828), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Chức Vũ-Học, theo đi quân-thứ bị giết! Được tặng hàm Thị-Giảng.

## KHOA ÁT-SỬU

Niên Hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ mười tám (1865)

Quan duyệt quyền :

Nguyễn-Uy (阮威)

Phan-Đình-Bình (潘廷評)

Quan đọc quyền :

Phan-Thanh-Giản (潘清簡)

Phạm-Phú-Thứ (范富庶)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ xuất-thân :

TRẦN-BÍCH-SAN (陳碧珊)

Vua cho tên là Hy-Tăng (希曾)

Cha và con đều đỗ đại-khoa.

Liên trúng Tam-nguyên,

Quán xã Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định.

Là con trai viên Phó-bảng Doãn-Đạt.

Sinh năm Mậu-tuất (1838), 28 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Giáp-tý (1864).

Quyền thi kỳ Phú-thí của ông. được Vua phê son như sau :

«Người tuổi trẻ mà liên trúng tam-nguyên, cũng là hiếm có! Đó là do tổ tiên nhà ngươi tích đức nên được hưởng phúc vậy. Sau này nếu ngươi đem tài kinh-tế ra giúp nước mà được thành-hiệu, là sự may cho nhà nước và khỏi phụ lòng trẫm đã cất nhắc. Nay đổi tên cho ngươi là Trần-Hy-Tăng, cũng là tỏ ý hàm-mộ tài

Lạn.Tương.Như đó (1). Làm người bầy tôi mà được như vậy, cũng đã đủ khỏi hồ thẹn. Người nên cố gắng lên và ghi nhớ lấy. Kính cần lắm đấy »!

Ông lừng tiếng hay chữ ! Và lại thanh liêm giới tiết, nên được Vua đặc-biệt biết tới.

Quan trải qua Bộ và Các trong triều. Khi lĩnh chức Tuần-phủ Hà-Nội, Vua triệu về Kinh đề sung chức司徒 thần qua nước Pháp. Song chưa kịp khởi hành ông đã qua đời ! Vua rất lấy làm thương tiếc, tặng hàm Tham.tri và ban lễ tế, lại ban bài thơ viếng như sau :

龍	編	鏡	向	風	城	回
召	對	猶	希	永	別	催
賈	議	少	年	難	久	用
漢	文	前	席	正	弘	開
三	元	聲	價	留	殘	竹
半	夜	風	霜	落	早	梅
空	憶	乘	槎	隨	博	望
幾	回	天	馬	自	西	來

**Long-Biên tài hướng Phượng-thành hồi,**

**Triệu đối do hi, vĩnh biệt thời !**

**Già - Nghị thiếu niên nan cứu dụng.**

(1) Lạn - Tương - Như tuổi trẻ tài cao, là Tướng nước Triệu thời Chiến - quốc. Vua nước Tấn tình-nguyên đổi Thành lấy viên ngọc Bích của Vua Triệu, Triệu sai Tương-Như đem ngọc sang Tấn trao đổi. Sau khi trao ngọc, thầy Vua Tấn có vẻ lật-lọng, Tương-Như bèn lập kế lấy lại được hòn ngọc trong tay Vua Tấn, và uy-hiệp Tấn-Thủy-Hoàng, nên mới được thoát thân một cách êm ái. Lại đem được ngọc về Triệu. Có chàng họ Tư-Mã, hâm mộ Lạn-Tương-Như, bèn tự đặt tên là Tư-Mã-Tương-Như. Bởi thế thời sau thường dùng hai chữ « mộ Lạn » để chỉ sự ái-mộ người hiền.

Hán-văn tiền tịch chính hoẵng khai.  
Tam-nguyên thanh giá lưu tàn trúc,  
Bán dạ phong sương lạc tảo mai !  
Không ước thừa xa tùy bác vọng,  
Kỳ hồi thiên mã tự tây lai.

Dịch nghĩa.

Nhà người vừa tự Thành Long-biên về tới Phượng-thành.

Trầm còn đang hi vọng triệu người vào triều bàn  
đổi, bỗng vĩnh biệt ngay !

Giả-Nghị tài cao nhưng mệnh yếu, khó được dùng  
lâu .

Vua Hán Văn-Đề chính đang mở rộng chiếc chiếu  
cầu hiền.

Thanh giá Tam-nguyên vẫn còn lưu nơi trúc tàn.

Gió sương lúc nửa đêm làm rụng bông hoa mai sớm !

Nay trông con thuyền Sứ - thần nơi Bắc - vọng mà  
tưởng nhớ hoài.

Mấy hồi con thiên mã tự phương Tây trở lại.

Dịch thành văn vần :

*Long - thành vừa hướng Phượng-thành về,*

*Vời hồi còn mong đã biệt-ly !*

*Giả-Nghị (2) khôn dùng không tuổi thọ,*

---

(2) Giả - Nghị tuổi trẻ thông-minh, học rộng tài cao, thời Vua Hán-Văn-Đề, có dâng Trị-An-Sách, nhưng không được Vua thi hành. Bỏ chức Thái-Phó đất Trường-Sa. Mới 33 tuổi, đã ra người thiên-cò !

*Hán - Văn mở chiếu trước thềm huê.  
Trúc tàn lưu giá Tam-nguyên lại,  
Mai rụng theo sương nửa giấc khuya !  
Vượt biển nhớ sông miền Bắc-Vọng,  
Ngựa trời mấy độ lại từ tề.*

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng Tiến-Sĩ xuất thân :

NGUYỄN - TUYÊN (阮 謹)

Dùng tên tự là Trọng-Hợp (仲 合)

Thế Khoa.

Quán xã Kim-lũ, huyện Thanh-tri, tỉnh Hà-Nội.

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 32 tuổi.

Trúng Cử - nhân khoa Mậu-Ngọ (1858).

Là thân phụ viên Cử-nhân Duy-Nhiếp.

Cháu năm đời viên Tiến-sĩ thời Cổ-Lê tước Quận.  
công tặng hàm Thái-phó Công-Thái.

Quan trải qua chức Tổng-đốc Định - An và Sơn-  
Hưng-Tuyên, Bắc - kỳ - Khâm - Sai quyền Kinh - Lược - Sử-  
Thượng-thư Bộ Lại và Bộ Binh, hàm Hiệp-Biện-Đại-Học-  
Sĩ. Hiện chức Phụ-chánh-đại-thần, hàm Văn-minh-điện  
Đại-Học-Sĩ, sung Cơ-mật-Viện-đại-thần ; Quốc - sử - quán  
Tổng-tài, kiêm quản Khâm - thiên - giám sự vụ. Phong  
tước Vĩnh-Trung-Tử.

Năm-Đồng Khánh (慶 同) thứ hai (1887), ông vàng  
mệnh Vua vờ vào Kinh, vượt biển mới đến cửa bể  
Hãn, thì Vua đã nằm mộng thấy Trọng-Hợp đến bến  
Đà. Khi vào chiêm bái Vua cho biết, và ban bài thơ  
như sau :

龍	城	千	里	遠
鳳	闕	九	重	通
昨	夜	精	神	會
今	朝	意	氣	同
帶	裘	羊	叔	子
紳	笏	晉	韓	公
臺	閣	文	章	富
邊	疆	品	望	崇
何	須	勞	肖	像
庶	叶	兆	飛	熊

Long thành thiên lý viễn,  
Phượng khuyết cửu trùng thông.  
Tạc dạ tinh thần hội,  
Kim triều ý khí đồng.  
Đới cửu Dương - Thúc - Tử,  
Thân hốt Tấn Hàn - Công.  
Đài các văn chương phú,  
Biên cương phạm vọng sùng.  
Hà tu lao tiểu tượng,  
Thứ hiệp triệu phi hùng.

Dịch nghĩa :

Thành Long-biên xa cách đây ngàn dặm đường.  
Nay đã tới chín lần cửa khuyết nơi Phượng-Thành.  
Đêm vừa rồi trăm năm mộng thấy nhà ngói, Vua  
tôi cùng hội hợp tinh thần.  
Buổi sớm nay gặp đây, Vua tôi cùng ý khí.

Cái dây đai, và tấm áo cừu của nhà người, có vẻ ung-  
dung phong độ như Dương-Thúc-Tử.

Cái dải mũ và tấm hốt của nhà người, có vẻ nghiêm trang  
đĩnh đạc như Tấn Hàn-Công.

Nhà người đã dỗi dào về văn-chương dài các

Nay ra nhậm chức chốn biên cương, lại thêm phần phẩm  
vọng.

Vậy thì cứ gì phải đồng bức tranh vẽ hình tượng,

Mới là đúng giấc mộng « con hùng bay ».

Dịch thành văn vần :

*Long - thành ngàn dặm xa xa,  
Chín lần Phụng - huyết nay đã đã thông.  
Tinh thần đêm trước tập-trung,  
Sớm nay chỉ khi hợp đồng không sai.  
Dương-Thúc-Tử nhẹ bào, đai (1),  
Tấn-Hàn giải, hốt, coi người nghiêm trang (2).  
Chứa chan dài các văn chương,  
Lại thêm phẩm vọng biên cương tôn sùng.  
Cần chi vẽ tượng (3) tốn công,*

---

(1) Dương-Thúc-Tử tức Dương-Hổ (羊祐) người có nhà  
lượng. Làm Tướng nước Tấn, cầm quân ra mặt trận, mà thường mặc áo  
lông cừu nhẹ, và thắt cái đai lông léo. Coi vẻ ung dung nho nhã !

(2) Hàn-Công tức Hàn-Kỳ (韓琦), người trọng hậu uy nghi.  
Làm quan thời Tống, lúc nào mũ hốt ông cũng ngay ngắn. Phong độ  
nghiêm trang !

(3) Vua Cao-Tông nằm mộng thấy người hiền tài, bèn vẽ hình tượng  
giao cho người đi tìm. Khi đèn cánh đồng Phó-nham, thầy Phó-Duyệt  
đang đắp đất, xét giồng hình vẽ, liền đón về trọng dụng.

*Ngõ hầu mới hiệp phi hùng điềm hay.*

Hựu - thê :

*Thành Thăng-long dậm ngàn xa tít,  
Nay đã vào Phụng khuyết Đế cung.*

*Tinh-thần đêm trước họp chung  
Buổi nay ý khí đã cùng cảm-thống.*

*Như Thúc-Tử áo lông, đai lỏng,  
Tựa Hàn-Công hốt bóng, mũ ngay.*

*Văn-chương giàu sẵn những ngày,  
Giữ yên bờ cõi lại tay đại tài.*

*Cứ đâu phải một hai hình giống,  
Mới phải là giặc mộng hùng bay.*

Cuối thiên lại có câu rằng :

誰 用 江 山 責  
賢 卿 信 匪 躬

**Thù dụng giang sơn trách,**

**Hiền khanh tín phi cung.**

Tạm dịch :

*Ấy ai gánh vác non sông,*

*Hiền-khanh là bậc phi cung (4) khác thường .*

Liên cho thăng hàm Văn-minh. Song ông dâng biểu xin từ, được Vua ưng chuẩn, vẫn nguyên hàm Hiệp-biên lĩnh Thượng-thư Bộ Lại. Sau đấy ông xin nghỉ giả hạn. Đến năm Thành.Thái thứ nhất (1889), Vua lại vời vào

---

(4) Phi cung là coi nhẹ thân mình. Người đem thân công hiến cho nước mà không nghĩ tới mình.



Kinh, và cho thăng chức như chức hiện nay.

**HOÀNG-TƯỚNG-HIỆP** (黃相協)

Ba đời đỗ liền.

Quán xã Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-nội.

Là con trai viên Hoàng-giáp Tế-mỹ. Châu viên Tiến-sĩ Xuân-Thự thời Cổ-Lê.

Sinh năm Bính-thân (1836), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1858).

Chức Tuần-phủ tỉnh Tuyên-quang, vì mất thành, lần lánh sang Long-Châu, rồi qua đời ở nơi đó. Tặng chức Thượng-thư Bộ Lễ.

Phó-Bảng:

**THÀNH-NGỌC-UẦN** (成玉蘊)

Quán xã Bạch-mai, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội.

Là thân-phụ viên Cử-nhân Ngọc-Quang.

Sinh năm Ất-mùi (1835), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Chức Toàn-Tu.

**LÃ-XUÂN-UY** (呂春威)

Quán xã Thượng-động (nay thuộc tỉnh Ninh-bình), huyện Phong-doanh, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Mậu-tuất (1838), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Chức Tuần-phủ tỉnh Lạng-son, vì mất thành, dời sang Trung-Hoa. Sau lại trở về quê hương, bị can về

việc trong làng ông có người nổi giặc, nên phải dầy ra đảo Côn-Cương, rồi qua đời ở nơi đó. Sau khi chết. được phục nguyên-hàm.

DƯƠNG-DANH-LẬP (揚名立)

Quán xã Khắc-niệm, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh.  
Là cháu gọi viên Cử-nhân Danh-Thành bằng bác.  
Sinh năm Kỷ-hợi (1839), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Chức Án-sát tỉnh Hà-tĩnh, bị can, triều-đình nghị tội. Nhân trong nước có loạn, ông trở về quê hương. Sau quyền chức Tuần-phủ Thái-nguyên. Cáo bệnh về hưu. Được thăng hàm Quang-lộc-tự-Khanh.

Hiện ông dạy học tại phố tỉnh Hà-nội, học trò theo học rất đông.

TRẦN-VĨ (陳緯)

Hương-Nguyên.

Quán xã Thọ-mai, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-An.

Là cháu nội viên Cử-nhân Dung. Con trai viên Cử-nhân Ái.

Sinh năm Canh-tý (1840), 26 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Tân-dậu (1861).

Chức Đốc-học tỉnh Quảng-nam, bị giáng, cho đi quân-thứ đề hiệu lục.

PHẠM-ĐĂNG-GIẢNG (范登講)

Cha con đều đỗ.

Quán xã Tam-dăng, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.

Là con trai viên Hoàng-giáp Nghị. Em các viên Cử-nhân Hàn, Phả, Hải.

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Chức Bổ-chánh tỉnh Thanh-hóa. Gặp đại-tang, về. Nhân trong hạt có loạn, ông sung chức Bang-biện tỉnh. Liền qua đời.

NGUYỄN-ĐỨC-KỶ (阮德祺)

Quán xã Đông-mẫu, huyện An-lạc, tỉnh Sơn-Tây.

Là thân phụ viên Cử-nhân Đức-Diễm.

Sinh năm Canh-dần (1830), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1858).

Chức Sử-quán Toàn-tu.

BÙI-VĂN-QUẾ (裴文桂)

Anh em họ đỗ đồng khoa.

Quán xã Châu-cầu, huyện Kim-bảng, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Đinh-dậu (1837), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Là anh họ viên Phó-bảng Văn-Dị. Thân-phụ viên Cử-nhân Văn-Thức (sau ông Thức trúng Tiến-sĩ), Chủ họ viên Cử-nhân Hương-Lập.

Quan trải qua chức Tham-tri Bộ Hộ, sang chức Tuần-phủ tỉnh Thuận-khánh. Cáo bệnh về hưu. Ông êm đềm vui vẻ gia đình, không có cầu cạnh.

VŨ-CHU (武桐)

Sau đổi tên là Vũ.Dác (武 楠)

Quán xã Ngọc-quan, huyện Lương-tài, tỉnh Bắc ninh.

Là cháu nội viên Cử-nhân Cầu.

Sinh năm Nhâm-dần (1842), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Ông tài học rất sâu rộng. Ứng hạch.

Được bạt bổ chức Bổ-chánh tỉnh Thái-nguyên.

BÙI-VĂN-DỊ (裴 文 祺)

Tên tự là Ân-Niên (殷 年). Sau dùng tên tự.

Anh em họ đồ đồng khoa.

Quán xã Châu-cầu, huyện Kim-bảng, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Sinh năm Nhâm-thìn (1832), 34 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Là anh họ viên Phó-bảng Văn-Quế. Bác họ viên Tiến-sĩ Văn-Thức. Thân phụ các viên Cử-nhân Hương-Thành, Hương-Lập.

Năm Thành-Thái (成 泰) thứ hai (1890), lấy sự kỳ thi Hội của ông dự hạng Chánh-trúng-cách, nên đặc ân cho phục Đồng-Tiến-Sĩ khoa này.

Quan trải qua Hàn-lâm ; Nội-các , Phó-đô-ngự-Sử, Chánh-sứ đi Trung-Hoa, Kinh-lược Phó-sứ , Lễ - Bộ Thượng-thư , Lại Bộ Thượng-thư ; Phụ-chánh-đại-thần. Hiện hàm Hiệp-biên Đại-học-sĩ, sung Phụ-đạo-đại-thần ; Quốc-sử-quán Phó-tổng-tài , kiêm quản Quốc-tử-giám.

Ông nổi tiếng hay chữ, được Vua rất mến. Có soạn những tập : Du-hiên-thi-thảo ; Vạn-lý-hành-ngâm và Tôn-yêm-thi-văn-tập, được đời lưu hành.

HÀ-VĂN-QUAN (何文關)

Quán xã Vĩnh-tuy. huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Mậu-tý (1828), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Chức Tham-Tri Bộ Binh, thăng Thượng-tổng-đốc Hải-An. Nhân gặp loạn dời vào tỉnh Gia-Định, rồi lại về Triều, thăng luôn đến chức Thượng-thư Bộ Công.

TRẦN-VĂN-HOÁN (陳文煥)

Quán xã Thanh-lương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Tân-sửu (1841), 25 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Giáp-tý (1864).

Chức Tri-huyện.

NGUYỄN-TÍCH (阮績)

Tên cũ là Thuần (純)

Quán xã Tuy-lộc, huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Quý-tý (1833), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-dậu (1861).

Chức Lang-trung, sung chức Tân-trương quân sự, bị giặc giết ở Hải-Ninh !

LÊ-LƯỢNG (黎亮)

Tên cũ là Minh (明)

Quán xã Thạch-bàn, huyện Phong-đăng, tỉnh Quảng-binh.

Sinh năm Tân-mão (1831), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1858).

Chức Bổ-chánh, bị giáng.

---

## KHOA NHÃ-SĨ

năm TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ mười tám (1865).

Các viên dự thi khoa này, toàn là những người văn học, do quan địa phương cử tri, được Vua ưng chuẩn tới Kinh sát hạch. Thi toàn bằng Văn-sách : Kỳ đệ nhất thi 7 đạo Văn-sách. 2 kỳ sau, mỗi kỳ 6 đạo. Các viên ứng hạch, có viên làm 3 đạo, có viên làm 4 đạo, hoặc 5 hoặc 6 đạo, không nhất luật. Sau lại qua 1 kỳ Phụ-thí, thi một bài Giải và 1 bài Thơ. Sau khi chấm xong, mới đặt tên khoa và định thứ tự. Về ân vinh cũng tựa như Tiến-sĩ. Duy lệ ban yến ; đi chơi quanh Phố, và thưởng hoa trong vườn Ngự-uyển, thầy đều đã vắng mệnh tỉnh giảm, và không dựng bia khắc tên. Các vị trúng tuyển, được ban mỗi vị một tấm kim-khánh. Vua ban 2 bài thơ tuyệt-cú cho quan trường và các viên Nhã-sĩ như sau :

每	懷	舟	楫	濟	川	資
盈	岳	猶	漸	夢	賁	遲
不	斬	千	金	沽	駿	骨
隄	宮	一	簪	衆	英	隨

Mỗi hoài chu tiếp tế xuyên ty,

Doanh phẩu do tâm mộng lái tri.

Bất ngạn thiên kim cô tuần cốt,

Ngôi cung nhất trúc chúng anh tùy.

Dịch nghĩa :

Những mong tài trèo lái vượt sông. Tuy đã đầy thương

vấn thẹn thùng mơ mộng chậm. Không tiếc bỏ ra ngàn vàng để mua bộ xương con thiên-lý-mã. Một khi đã dựng Ngõi-cung, có lẽ anh tài sẽ tới-tấp đến.

Dịch thành văn vần :

Mong tài trèo lái vượt qua sóng,  
Đầy phễu còn e chậm giấc mộng,  
Chẳng tiếc ngàn vàng mua xương tuấn (1),  
Ngõi cung (2) đã dựng tất hiền đông.

Bài thứ hai :

傳	霖	邨	雨	尚	屯	膏
韓	范	歌	穉	拊	醉	勞
拔	十	若	能	真	得	五
豈	無	楨	幹	盡	風	騷

**Phó lâm, Tuấn vú, thượng truân cao,  
Hàn, Phạm, ca hy phụ bễ lao.  
Bạt thập nhược năng chân đặc ngứ,  
Khởi vô trình cán tận phong tao.**

---

(1) Tuấn mã là con ngựa tốt. Quách Ngõi tâu với Vua nước Yên rằng : « Xưa có người bỏ ra ngàn vàng mua bộ xương con ngựa tuấn, kẻ đó chưa đầy một năm, mà được 3 người đem thiên-lý-mã lại bán cho ».

(2) Vua nước Yên thời Chiến-quốc, muốn cầu hiền để báo thù nước Tề, hỏi Quách-Ngõi. Quách-Ngõi tâu : « Nếu Vua muốn được hiền tài, xin bắt đầu hãy dùng Ngõi này trước ». Vua Chiêu-Vương bèn dựng đài cho Quách-Ngõi ở, phong quan chức, coi như bậc thầy. Quả nhiên lữ Nhạc-Nghị, Châu-Diên, nghe tiếng đồn, lũ lượt đến nước Yên.



Dịch nghĩa :

Mưa móc họ Phó, họ Tuấn, còn dầm dìa. Bài hát họ Hàn họ Phạm vẫn ít, chỉ võ đui nhớ tưởng hoài. Nay lấy 10 tên mà được 5 tên chân tài cũng đủ. Há không có tài an bang trị quốc, mà thấy toàn là văn chương ru !

Dịch thành văn vần :

Mưa dầm Tuấn, Phó (1) còn voi,  
Tiếng ca Hàn, Phạm (2), võ đui (3) càng mong.  
Lấy mười phỏng được năm dùng,  
Há duy tao nhẽ mà không cột giường,

Hựu thể :

Phó, Tuấn, mưa dội mỡ còn trôi,  
Hàn, Phạm, đương mong một võ đui.  
Mười vì được năm âu cũng bõ,  
Há không giường cột chỉ văn tài.

---

(1) Tuấn là Tuấn-Bá đời nhà Chu. Tuấn-Bá vàng mệnh Thiên-Tử đi úy lạo các nước chư-hầu, đi đền đâu đều ơn trạch đối đảo, dân tình mến phục, nên Kinh Thi có thơ rằng : « Bông bông thứ miêu, âm vũ cáo chi, tứ quốc hữu vương, Tuấn-Bá lạo chi ». Nghĩa là : « Lúa thứ đã xanh tốt mã mượt, lại được mưa dầm tưới thêm cho, bốn nước đã có Vua, lại được Tuấn-Bá đền úy lạo cho ».

Họ Phó là Phó-Duyệt. Người đại tài giúp Vua Cao-Tông. Vua Cao-Tông có nói : Bằng trời đại hạn, đúng người làm trận mưa.

(2) Họ Hàn là Hàn-Kỳ, họ Phạm là Phạm-Trọng-Yêm, hai bậc danh-thần thời Tống.

(3) Vua Hán-Văn-Đề thường võ đui tưởng nhớ Liêm-Pha và Lý-Mục, hai vị tướng tài.

Bài thơ này đức Dực-Tôn-Anh-Hoàng-Đề nói : Những bậc có đại-tài giúp Vua trị nước, để ân trạch thăm nhuần khắp dân gian như các ông Phó-Duyệt, Tuấn-Bá, Hàn-Kỳ và Phạm-Trọng-Yêm ngày xưa, thì hiện còn khan hiếm, những võ đui mong tưởng hoài ! Có ý đề khích lệ các quan và các viên đồ khoa Nhã-Sĩ này.

Quan duyệt quyền :

Nguyễn-Hữu-Lập (阮有立)

Đỗ-Đặng-Đệ (杜登第)

Quan đọc quyền :

Trần-Tiên-Thành (陳踐誠)

Phan-Thanh-Giản (潘清簡)

Sắc ban Đệ-Nhất-Giáp Tiến-Sĩ-Cấp-Đệ đệ-tam-danh

(Thâm - Hoa) :

ĐẶNG-VĂN-KIỀU (鄧文喬)

Quán xã Phát-nạo, huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Giáp-thân (1824), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1852).

Nguyên là hàm Thị-giảng, lĩnh chức Đốc-học tỉnh Quảng-nam. Được thăng hàm Thị-giảng-học-sĩ như Án-sát. Năm này do cử tri vào ứng hạch.

Chức Sĩ-quán Toàn-tu. Về môn lý học ông lại rất cao.

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ xuất-thân :

NGUYỄN - PHIÊN (阮 緝)

Huấn-Đạo lĩnh Giáo-thụ Phủ Quốc-oi.

Thế khoa. Hai đời đỗ liền tiếp.

Quán xã Liên-bạt, huyện Sơn-minh, tỉnh Hà nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Là thân phụ viên Hoàng-giáp Thượng-Hiền,

Sinh năm Kỷ-sửu (1829), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mùi (1847).

Quan trải qua Bộ và Các trong triều; các địa-phương ngoài. Hiện chức Tham-tri Bộ Hình. Thăng chức Thượng-thư.

NGUYỄN-VĂN-TRANG ( 阮文莊 )

Quán xã Hội-xuyên, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương.

Sinh năm Nhâm-thìn (1832), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Chức Án-sát tỉnh Nam-định.

PHẠM-DUY-ĐÔN ( 范惟敦 )

Quán xã Thanh-thủy, huyện Minh-chánh, tỉnh Quảng bình.

Sinh năm Kỷ-ty (1809), 55 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1858).

Chức Tri-phủ.

NGÔ-ĐỨC-BÌNH ( 吳德平 )

Quán xã Trảo-nha, huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Giáp-thân (1824), 42 tuổi.

Giám-sinh. Tú-Tài.

Chức Án-sát tỉnh Quảng-bình.

## KHOA MẬU-THÌN

Niên-hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ hai mươi mốt (1868).

Quan duyệt quyền :

Phan - Đình - Bình (潘廷評)

Vũ - Phạm - Khải (武范啟)

Quan đọc quyền :

Vũ - Trọng - Bình (武仲平)

Phan - Huy - Vĩnh (潘輝泳)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-Sĩ Xuất-Thân :

VŨ - NHỰ (武如)

Quán xã Kim-cô, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Canh-tý (1840), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-dậu (1861).

Chức Đốc-học tỉnh Hà-nội, học trò tin - ngưỡng theo học rất đông. Ông vì học rộng, ứng hạch đồ đầu, nên được bạt bỏ hàm Quang-lộc-tự-Khanh, sung Nội-các. Kế đó nhân vì Hà-nội có việc loạn, nên vắng mệnh sung chức Tỉnh - Thương tỉnh ấy, liền lĩnh chức Tuần-phủ. Sau lại trở về quan trong Kinh, thăng đến chức Tham-tri, sung Quốc-sứ Toàn-tu.

Khi ông trúng tuyền, sau khi dẫn vào bộ kiến, được Hoàng-thượng ban bài thơ như sau :

折 桂 蟾 宮 閱 幾 秋  
綠 袍 猶 著 舊 風 流

錯 兼 拜 謝 瓊 林 宴  
定 是 今 朝 又 教 頭

**Triết quế thiềm cung duyệt kỳ thâu.  
Lục bào do trước cựa phong lưu.  
Thác nghi bái tạ quỳnh lâm án.  
Định thị kim triều hựu sắc đầu**

Dịch thành văn vần :

*Bẻ quế cung thiềm (1) trái mấy thâu,  
Bào xanh (2) còn rõ nếp phong-lâu.  
Ngờ khi lạy tạ Quỳnh-Lâm yển (3),  
Sắc chỉ ngày nay lại đứng đầu.*

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-Thân :

BÙI . ƯỚC (裴約)

Giáo-thụ Phủ Tỉnh-gia.

Thế khoa. Hai đời đỗ liền tiếp.

Quán xã An-đồng, huyện La-sơn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Tiến-sĩ Đình-Bảo, Em trai viên Cử-nhân Chấn.

Sinh năm Canh-dần (1830), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1858).

---

(1) Cung thiềm là cung trăng. Bẻ cành quế trên cung trăng là nói :  
Người đi thi trúng tuyển.

(2) Thời cô, người khoa-mục mặc áo bào màu xanh.

(3) Các viên trúng Tiễn-sĩ trở lên, được Vua ban yển Quỳnh-lâm.

Hàm-thi-độc-học-sĩ, sung chức Quốc.sử Toàn.tu.

DƯƠNG.KHUE (楊珪)

Biên.Tu

Quán xã Vân-đình, huyện Sơn-minh, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Kỷ-hợi (1839), 30 tuổi.

Trùng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Quan trải qua chức Tổng-đốc tỉnh Nam-định và Ninh-binh. Hiện hàm Thượng-thư sung chức Tham-tá nha môn lực Bắc-kỳ.

Là anh viên Giải-nguyên Lâm. Cháu gọi viên Cử-nhân Quán là bác.

NGUYỄN.TÁI (阮再)

Học sinh trong trường Giám.

Quán xã Hương-khe, huyện Nông-cống, tỉnh Thanh-hóa.

Sinh năm Tân-mão (1831), 38 tuổi.

Trùng Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864).

Chức Án-sát tỉnh Nam-định, bị giáng, cho hiệu lực, phái đi Sơn-Phùng.

Phó-Bảng :

VŨ-DUY-TUÂN (武維洵)

Hội-Nguyên

Quán xã Lạc-tràng, huyện Kim-bảng, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Sinh năm Canh-tý (1840), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Ngự-sử, bị giáng. Được phục chức Tri-huyện huyện Cẩm-khê. Cáo về hưu.

NGUYỄN-HOAN (阮 璣)

Quán xã Xa-lang, huyện Hương-son, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Ất-mùi (1835), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Quan trải chức Tham-biện Nội-các, qua chức Tế-tử trường Quốc-tử. Hiện chức Hữu-thị-lang bộ Lễ.

NGUYỄN-THUẬT (阮 述)

Quán xã Hà-lam, huyện Lễ-dương, tỉnh Quảng-nam.

Là em trai viên Cử-nhân Tạo. Anh viên Cử-nhân Quỳnh. Thân phụ viên Cử-nhân Chức.

Sinh năm Nhâm-dần (1842), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đính-mão (1867).

Quan trải qua những chức : Thị-lang Nội-các, Chánh-sứ sang Trung - hoa, Giáo-đạo trường Dưỡng-thiện, Thượng-thư bộ Hộ, Thượng-thư Bộ lại, Tổng-đốc tỉnh Thanh-hóa. Hiện hàm Thái-tử Thiếu-bảo, Hiệp-biện-đại-học-sĩ, lĩnh chức Thượng-thư Bộ Binh, sung Giảng-quan Kinh-duyên.

Ông có soạn cuốn Mỗi-hoài-ngâm-thi-tập.

VŨ-VĂN-BÁO (武 文 豹)

Cha con đều đỗ.

Quán xã Vĩnh-tru, huyện Nam-xương, tỉnh Hà - nội (nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Là con trai viên Tiến-sĩ Văn-Lý. Anh viên Cử-nhân Văn-Nghị.

Sinh năm Tân-sửu (1841), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Quan trải qua những chức : Định-An Tổng-đốc ; Tam Tuyên Tổng-đốc ; Phó-Sứ qua nước Pháp. Sau về bản quán bị giết !

**KHUẤT-DUY-HÀI** (屈推諧)

Quán xã Thu-trai, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây.

Là anh viên Cử-nhân Duy-Nhận.

Sinh năm Quý-mùi (1823), 46 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1855).

Chức Đồng-phủ, bị cách. Sau được phục hàm Biên-tu.

**HOÀNG-DỤNG-TÂN** (黃用賓)

Giáo-Thụ

Anh em cùng đỗ

Quán xã Vạn-xuân, huyện Hương-trà, Phủ Thừa-thiên.

Là anh viên Tiến-sĩ Văn-Đoái. Con trai viên Cử-nhân Văn-Vĩ.

Sinh năm Mậu-tý (1828), 41 tuổi.

Chân Tú-tài ứng hạch được bổ.

Quyền chức Án-sát tỉnh Ninh-bình.

**TÔ-HUÂN** (蘇薰)

Quán xã Xuân-cầu, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh.



Sinh năm Bính-tuất (1826) 43 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1852).

Chức Phó-quản-đạo tỉnh Hà-tĩnh, vì không giữ thành, bị cách chức. Sau được phục đến chức Đốc-học tỉnh Hải-dương.

Là cháu nội viên Hương-cống thời CỐ-LÊ Tô-Hiền.

PHAN-ĐÌNH-VẬN (潘廷運)

Cha con, chú cháu, anh em đều đỗ.

Quán xã An-dồng, huyện La-sơn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Phó-bảng Đình-Tuyền. Em viên Cử-nhân Đình-Thuật, và viên Tiến-sĩ Đình-Phùng. Em họ viên Cử-nhân Văn-Dur. Chú viên Cử-nhân Văn-Du. Cháu gọi viên Cử-nhân Văn-Phong và viên Phó-bảng Văn-Nhã bằng chú.

Sinh năm Ất-ty (1845), 24 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Tri-Phủ phủ Xuân-trường, vì không giữ thành, bị cách, do Nội-các phái hiệu lực.

LÊ-KHÁNH-THIỆN (黎慶善)

Quán xã Cỗ-trai, huyện Minh-linh, tỉnh Quảng-trị.

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Trưởng-Ấn.

LÊ-DOÃN-THÀNH (黎允成)

Tên cũ là Tế (濟)

Quán xã Tiền-tiếp, huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Canh-dần (1830), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Án-Sát.

LÂM - CHUẨN (林準)

Sau đổi tên là Hoành (宏)

Quán xã Gia-bình, huyện Do-linh, tỉnh Quảng-trị.

Sinh năm Giáp-thân (1824), 45 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Tham-tri Bộ Công, sung việc Hải-Phòng của bề Thuận-an, chết tuấn tiết! Được truy phong chức Thượng-thư.

NGUYỄN-ĐÌNH-TỰU (阮廷就)

Quán xã Hội-an, huyện Hà-đông, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Mậu-tý (1828), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-dậu (1861).

Chức Tế-tử.

## CHUNG

# QUỐC - TRIỀU ĐĂNG - KHOA - LỤC

QUYỂN BA

# QUỐC-TRIỀU ĐĂNG-KHOA-LỤC

## QUYỂN TAM

### ÂN - KHOA NĂM KỶ - TỶ

Niên.hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ hai mươi hai (1869)

Quan duyệt quyền :

Lê-Lượng-Bạt (黎亮拔)

Nguyễn-Huy-Tế (阮輝濤)

Quan đọc quyền :

Phan-Huy-Vịnh (潘輝泳)

Phạm-Phú-Thứ (范富庶)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến Sĩ Xuất-thân :

NGUYỄN-QUANG-BÍCH (阮光碧)

Giáo-thụ Phủ Trường-Khánh.

Quán xã Trinh-phố, huyện Chân-định, tỉnh Nam-định.

Là em trai viên Cử-nhân Đức-Trạch.

Sinh năm Canh-dần (1830), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-dậu (1861).

Chức Tuần-Phủ tỉnh Hưng-hóa, vì mất Thành, liền sang Trung-Hoa. Sau trở về nước. Chết ở trong núi.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ Xuất-thân :

NGUYỄN-VĂN-ÁI (阮文愛)

Quán xã Thu-ích, huyện An-lạc, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Bình-thân (1836), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Trước do sự ông mộ dũng tráng, nên đã được thưởng hàm Tùng-thất-phẩm-Đội-trưởng. Sau dự thi Hương.

Chức Tán-lý quân-thứ miền Bắc. Mắc bệnh. Được tặng hàm Thị-giảng.

NGUYỄN-SĨ-PHẨM (阮士品)

Hội-Nguyên

Quán xã Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Tân-sửu (1841), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Hàm Hàn-lâm Biên-tu,

HOÀNG-VĂN-ĐOÀI (黃文兌)

Anh em cùng đỗ đại khoa.

Quán xã Vạn-xuân, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Là em trai viên Phó-bảng Dụng-Tân, con trai viên Cử-nhân Văn-Vĩ. Nguyên thưởng Tùng-cửu-phẩm.

Sinh năm Kỷ-Sửu (1829), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Chức Tri-phủ. Bị can.

LÊ-ĐẠI (黎玳)

Quán xã Phan-xá, huyện Phong-dăng, tỉnh Quảng-binh.

Là con trai viên Cử-nhân Trần.

Sinh năm Mậu-tuất (1838), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Bổ-chánh tỉnh Hà-tĩnh, nhân việc loạn bị giết! Tặng chức Tuần-Phủ.

Phó-Bảng :

TRẦN-ĐỨC-LẬP (陳德立)

Quán xã Hải-yến, huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên.

Sinh năm Mậu-tuất (1838), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Tri-Huyện huyện Hoảng-hóa.

ĐẶNG-HUY-XÁN (鄧輝燦)

Quán xã Bác-vọng, huyện Quảng-diên, phủ Thừa-thiên.

Là em trai viên Giải-nguyên Huy-Trứ.

Sinh năm Quý-ty (1833), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Chức Án-sát tỉnh Bình-định. Khi đi nhậm chức, dọc đường bị giặc giết!

NGUYỄN-VĂN-VĨ (阮文璽)

Quán xã Cao-đường, huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên.

Sinh năm Bính-tý (1816), 54 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

VŨ-DUY-VĨ (武維緯)

Quán xã Bài-nhiễm, huyện Duy-tiên, tỉnh Hà-nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Sinh năm Ất-vị (1835), 35 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa  
Giáp-tý.

Là em trai viên Cử-nhân Duy-Kỳ.

Chức Án-sát Quảng-bình. Khi sung việc trường thi  
trường Thừa-thiên, sau khi xong công tác, ông trở về  
chức cũ, mà không có tờ tâu báo cáo. Vì vậy được  
cách chức. Sau được khởi phục hàm Điền-Tịch.

---

## KHOA TÂN - MÙI

Niên-hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ hai mươi bốn (1871)

Quan duyệt quyền :

Nguyễn - Lâm (阮林)

Trần-Hy-Tăng (陳希曾)

Quan đọc quyền :

Lê - bá - Thận (黎伯慎)

Phan-Đình-Bình (潘廷評)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-Sĩ Xuất-thân :

NGUYỄN - KHUYẾN (阮勳)

Tên cũ là Thăng (滕)

Học-sinh trong trường Giám.

Thế-khoa. Tam-nguyên.

Quán xã Yên-dồ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà - nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Là thân phụ viên Phó-bảng Hoan. Châu bốn đời  
viên Tiến-sĩ Lê thời Cổ-Lê.

Sinh năm Ất-mùi (1835), 37 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Giáp-tý (1864).

Hàm Trực-học-sĩ, quyền sung chức Tổng-đốc Sơn  
Hưng-Tuyên. Xin cáo về nhà dạy học, được gia ân  
thăng hàm Tham-tri tại quán. Ông có soạn cuốn Quế-  
son-thi-tập.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-Xuất-thân :



NGUYỄN-KHAM (阮堪)

Giải-Nguyên

Thế khoa. Hai đời đỗ liền tiếp.

Trước ông đỗ liền tiếp 4 khoa Tú-tài, rồi kế tiếp trúng liền Giải-Nguyên, năm sau trúng Tiến-Sĩ. Thi cử chưa từng rớt khoa nào.

Quán xã Du-Lâm, huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh.

Là cháu năm đời viên Tiến-sĩ Công-Thường thời Cổ-Lê. Con trai viên Hoàng-giáp Tư-Giản. Cháu nội viên Cử-nhân Trí-Quần. Chắt nội viên Cử-nhân An. Cháu gọi các viên Cử-nhân Ý, Năng và Ái bằng bác. Anh ruột các viên Cử-nhân Cảnh và Cơ, Anh họ viên Cử-nhân Cần.

Sinh năm Giáp-Thìn (1844), 28 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Canh-ngọ (1870).

Quan trải qua chức Án-sát tỉnh Bình-định, và chức Tham-biện Nội-các.

NGUYỄN-XUÂN-ÔN (阮春溫)

Quán xã Văn-hiến, tổng Lương-điền, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Canh-dần (1830), 42 tuổi,

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Quan trải qua chức Án-sát tỉnh Bình-định và Quảng-ngãi, đôi sang chức Biện-lý Bộ Hình, phụng mệnh đi tra án ở tỉnh Quảng-bình. Nhân trong nước có việc, tự ý lánh đi. Như vậy cho là trái chỉ Vua, nên được giáng chức.

Sau đổi sang chức Học-chánh tỉnh Quảng-binh. Nhân trong nước có loạn, trở về quê quán tụ tập các bậc Thân hào (dịch khởi-nghĩa). Triều đình được tin, nên đốc thúc ông phải vào Kinh ngay. Sau chết về bệnh.

Khi ông chưa đỗ, nhà nghèo, không có sách học, ông viết chữ không tốt lại hay lăm lộn, cho nên lười việc sao chép, thường đến học nhờ nhà bạn, hoặc mượn sách về đọc, chỉ vài ngày là trả lại ngay. Có khi có người hỏi thử những vấn trong sách vừa mượn đó, ông đều thuộc lâu, đọc từng trang. Ông làm văn rất nhanh, đặt bút viết luôn một lượt là xong bài. Như soạn bài cho học trò, có khi một đầu bài ông soạn năm, sáu thẻ, bài nào cũng hay. Mà văn từ mỗi bài một khác, không hề giống nhau. Ông rất thông minh linh mẫn ! Tính lại hay làm văn gà. Phủ hạt ông hàng năm có kỳ thi văn thưởng các sĩ-tử, hẹn trong một ngày. Tới kỳ là ông theo các học trò vào vi, dựng cái lều to, ông ngồi giữa, cho chừng hơn mười tên học trò ngồi chung quanh. Sau khi lĩnh đầu bài, ông đọc luôn văn cho từng anh, mỗi anh mấy câu, bảo phải viết cho nhanh. Đọc cho anh này, lại đến anh khác, cứ lần lượt tiếp tục luôn, cho đến khi anh nào cũng đủ quyền. Người ta khen ông là người có kho sách trong bụng ! Ấy ông thông minh linh lợi đến như thế.

Phó . Bảng :

TRẦN-KHÁNH-TIẾN (陳慶濟)

Quán xã Phồ-minh, huyện Can-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Là thân-phụ viên Cử-nhân Khánh-Dũng.

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Quan trải qua những chức : Phó-sứ đi Trung-hoa; Quốc-tử-Tể-tửu; Tham-biện Nội-các; Thị-lang Bộ Lễ. Hiện hàm Tuần-phủ lĩnh chức Bổ-chánh tỉnh Nghệ-an.

NGUYỄN-XUÂN (阮椿)

Quán xã Động-hoàng, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 28 tuổi.

Trúng Cử-Nhân khoa Đinh-mão (1867).

Hàm Kiểm-thảo.

NGUYỄN-ĐỨC (阮德)

Quán xã La-chữ, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Kỷ-hợi (1839), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Chức Đồng-Tri-phủ.

LÊ-DOÃN-NHA (黎允迓)

Quán xã Trường-sơn, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Đinh-dậu (1837), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Sơn-phòng-sứ tỉnh Nghệ-an. Nhân trong nước có loạn, ông đem gia quyến đi biệt tích! Hiện không có tin tức.

TRẦN-VIỆT-THỌ (陳曰壽)

Quán xã Thâm-triều, huyện Đăng-xương, tỉnh

**Quảng-trị.**

Sinh năm Bình-thân (1836), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Đốc-đọc. Hưu trí.

Khoa này những viên đã đỗ thứ-trúng-cách trong kỳ Hội là : Nghiêm-Xuân-Phương, quán tỉnh Hà-nội, Hoàng-Văn-Vĩ, quán tỉnh Bình-định, Lương-Xuân-Huyền ; Nguyễn-Quang-Huy, đều quán tỉnh Nam-định, và viên đỗ vào hạng lấy thêm là Ngô-Ngọc-Trình quán tỉnh Nam-định, khi qua kỳ Phú-thi, đều bị rớt.

---

## KHOA ÁT-HỘI

Niên hiệu TU-ĐỨC (嗣德) thứ hai mươi tám (1875)

Quan duyệt quyền :

Trần-văn-Chuẩn (陳文準)

Bùi-văn-Dị (裴文撰)

Quan đọc quyền :

Nguyễn-văn-Tường (阮文祥)

Nguyễn-tư-Giản (阮思簡)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ Xuất-thân :

PHẠM-NHƯ-XƯƠNG (范如昌)

Văn-Tuyền Tư-Vụ.

Quán xã Ngân-thanh, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 32 tuổi,

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Quan trải qua Bộ, Viện, Các, thăng-chức Bổ-chánh tỉnh Phú-yên, xin cáo về. Nhân trong nước có loạn, bị các vị Thân-hào thúc bách (khởi nghĩa), nên được lỗi, mất chức. Sau được khởi phục hàm Điền-Tịch sung sở Tu-thư, phái theo giữ thư từ bộ Kinh-lược Thanh Nghệ. Quyền chức Tri-phủ Anh-sơn. Xin cáo về. Hiện do hàm Tư-vụ tòng sự tại viện Cơ-mật.

NGUYỄN-HỮU-CHÁNH (阮有政)

Quán xã Đông-hải, huyện Chân-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Hữu-Thân.

Sinh năm Kỷ-sửu (1829), 47 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-dậu (1873).

Chức Thương-biện tỉnh Nghệ-an. Đòi về triều, sung hàm Biên-tu Sứ-quán. Nhân trong nước có loạn, ông vào núi, rồi chết ở hạt Hà-tĩnh.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ.Xuất-Thân :

ĐINH-NHO-ĐIỀN (丁儒典)

Quán xã An-Ấp, huyện Hương-Sơn, tỉnh Nghệ-an (nay thuộc tỉnh Hà-tĩnh).

Là em trai viên Cử-nhân Nho-Quang.

Sinh năm Mậu-thân (1848), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Chức Biện-ly Bộ Hình.

ĐINH-VĂN-CHẤT (丁文質)

Thế khoa. Hai đời đỗ gián cách.

Quán xã Kim-kê, huyện Chân-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Văn-Phác.

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Chức Tri-Phủ phủ Nghĩa-hưng. Trở về bản quán. Nhân việc loạn liền vào núi, sau bị bắt và bị giết!

PHAN-DU (潘瑜)

Quán xã An-đồng, huyện La-sơn, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Quý-mão (1843), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Chức Đốc-học tỉnh Thanh-hóa.

HOÀNG-HỮU-THƯỜNG (黃有常)

Hương-Nguyên, Hội-Nguyên.

Quán xã Quảng-tế, huyện Hương-thủy, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Đinh-dậu (1837), 39 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Quý-Dậu (1873).

Quan trải qua Bộ, Viện, Các. Thăng hàm Hiệp-biện đại-học-sĩ, lĩnh chức Thượng-thư Bộ Binh. Chết tại nơi làm quan.

TỔNG-DUY-TÂN (宋維新)

Quán xã Đông-biện, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa.

Là thân phụ viên Cử-nhân Nhữ-Mai.

Sinh năm Đinh-dậu (1837), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Chức Sơn-phòng-sứ. Nhân loạn khởi-ngĩa nên can tội nặng.

LÊ-THỤY (黎瑞)

Quán xã Bích-la, huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị.

Sinh năm Nhâm-dần (1842), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Quan trải qua chức Tuần-phủ tỉnh Thanh-hóa, Hiện Tham.tri Bộ Hình.

VŨ-HỮU-LỢI (武有利)

Quán xã Dao-cù, huyện Nam-chân, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Bình-thân (1836), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Mưu đồ khởi nghĩa. Bị giết !

TRẦN-VĂN-DU (陳文瑛)

Cơ-mật Hành-tầu

Quán Thôn Tây, xã An-mỹ, huyện Hà-dông, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Nhâm-dần (1842), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (lầm chăng? Vì từ năm ông sinh đến năm này, chưa gặp năm Mậu-dần nào. Vậy hoặc ông đổ vào năm Mậu-thìn (1868) hay Bình-dần (1866) chăng) ?

Chức Sơn-phòng-sứ. Nhân việc loạn bị giết !

CAO-ĐĂNG-ĐỆ (高登第)

Quán xã Phúc-yên, huyện Quảng-diên, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Bổ-chánh tỉnh Phú-an, bị can. Về.

Phó-Bảng :

LÊ-ĐĂNG-TRINH (黎登貞)

Hương-Nguyên

Tên cũ là Lĩnh (嶺)



Quán xã Bích-la, huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị.

Sinh năm Canh-tuất (1850), 26 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Canh-ngọ (1870).

Hiện chức Tham-tri Bộ Binh, sung chức Thi-vệ Quản-lãnh.

HỒ-BÁ-ÔN (胡伯溫)

Quán xã Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an.

Là cháu nội viên Cử-nhân Hưng. Con trai viên Cử-nhân Tuyền.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Chức Án-sát tỉnh Nam-định, bị mất Thành, chết theo !  
Tặng hàm Quang-lộc-tự-Khanh.

ĐỖ-THIỆN-KẾ (杜善繼)

Quán xã Đông-biện, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa.

Là con trai viên Cử-nhân Thiện-Kiên.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-dậu (1873).

Chức Biện-ly Bộ Lễ.

PHẠM-XUÂN (范椿)

Quán xã Bạch-sam, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương.

Sinh năm Canh-tuất (1850), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tuất (1874).

Chức Ngự-sử.

ĐỖ - HUY. ĐIỀN (杜輝璣)

Quán xã Tây-mỗ, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Bính-thân (1836), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Chức Thị-lang lĩnh chức Tổng-đốc Định-ninh, rồi về bản quán. Hiện được hàm Thự-tuần-phủ theo Nha Kinh-lược chờ phái.

TẠ. THỨC-DĨNH (謝叔穎)

Quán xã Minh-hương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên,

Sinh năm Quý-mão (1843), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Quan trải qua Bộ, Các. Hiện chức Tham-tri Bộ Lại.

---

## KHOA ĐÌNH - SỬ

Niên-hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ ba mươi (1877)

Lệ thi năm này nghị thêm :

Viên nào trong 2 kỳ đệ-nhất đệ-nhi, gián hoặc 1 kỳ có phân, cũng được vào dự kỳ đệ tam.

Viên nào trong 3 kỳ, phải có 2 kỳ có phân, mới được vào dự kỳ đệ tứ.

Trong 4 kỳ cộng 8 phân trở lên là Chánh-trúng-cách. Cộng 7 phân trở xuống, và 3 kỳ 10 phân trở lên là Thứ-trúng-cách.

Thứ-trúng-cách không được vào dự kỳ Phú-thi.

Duy khoa này trong kỳ Hội số trúng ít quá, nên đặc cách gia ân cho 6 phân trở lên là Chánh-trúng-cách, 5 phân trở xuống là Thứ-trúng-cách, và đều cho vào dự kỳ thi Đình cả. Trong kỳ thi Đình, quyền nào 3 phân trở lên cho đỗ Giáp.bảng, quyền nào 2 phân trở xuống, cho đỗ Phó.bảng.

Quan duyệt quyền

Nguyễn-Hữu-Độ (阮有度)

Nguyễn.Thuật (阮述)

Quan đọc quyền :

Nguyễn-Văn-Tường (阮文祥)

Sắc ban Đệ-Tam.Giáp Đồng-Tiến-Sĩ Xuất-thân :

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG (潘廷逢)

Cha con, anh em, thù nhau đến đời.

Quán xã An-dông, huyện Lạc-khê, tỉnh Hà-tĩnh.

La con trai viên Phó-băng Bình-Truyền. Anh viên Phó-băng Đình-Vân, Cháu gọi viên Phó-băng Văn-Nhã bằng chú. Em trai viên Cử-nhân Bình-Thiết. Cháu viên Cử-nhân Văn-Du, Cháu gọi viên Cử-nhân Văn-Phong bằng chú. Em họ viên Cử-nhân Văn-Đr.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-tý (1876).

Nhân loan ông Hợp-quân khởi nghĩa, làm tranh trong rừng núi.

TRẦN-HỮU-KHÁC (陳有恪)

Hội-Nguyên

Tư-vụ Bộ Lễ

Quán xã Thạch-bình, huyện Quảng-diên, Phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Tân-hợi (1851), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-dậu (1873).

Chức Ngự-sử, bị cách. Sau được phục hàm Biên-tu. Hiện chức Giáo-thụ phủ Tiên-hung.

TRẦN-PHÁT (陳發)

Hương-Nguyên

Quán xã Xuân-my, huyện Minh-linh, tỉnh Quảng-trị.

Sinh năm Nhâm-tý (1852), 26 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Bình-tý (1876).

n Thị-giảng, sung chức Phán-khảo chấm thi trường

Hà-nam. Khi xong công tác trở về do đường thủy, bị chết đuối!

Được truy tặng hàm Thi-độc-học-sĩ.

NGUYỄN-TÀI-TUYỀN (阮才選)

Quán xã Đại-đồng, huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Đinh-dậu (1837), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1867).

Chức Tri-phủ, sung chức Sơn-phòng Tham-biện tỉnh Nghệ-an. Được truy bổ hàm Thi-độc.

Phó-Bảng :

NGUYỄN-QUANG (阮光)

Quán xã Lộc-long, huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình.

Là anh trai viên Cử-nhân Trường-Tiến.

Sinh năm Nhâm-dần (1842), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Chức Ty-nghiệp. Sau đổi sang chức Đốc-học.

PHẠM-VĂN-HÀNH (范文銜)

Hương-Nguyên

Quán xã Thuận-phúc, huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-nghia

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 31 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Bính-tý (1876).

Chưa kịp ra làm quan.

HOÀNG-CÔN (黃昆)

Quán xã Trung-bính, huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-binh.

Sinh năm Canh-tuất (1850), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-thìn (1868).

Hiện chức Phủ-thừa Phủ Thừa-thiên.

---

## KHOA KỶ - MÃO

Niên hiệu TỰ - ĐỨC (嗣德) thứ ba mươi hai (1879)

Quan duyệt quyền :

Nguyễn-Văn-Thận (阮文慎)

Bùi-Ấn-Niên (裴殷年)

Quan đọc quyền :

Phạm-Thận-Duyệt (范慎通)

Lê - Điều (黎調)

Sắc ban Đệ-nhi-Giáp Tiến-sĩ xuất-thân :

ĐỖ - HUY - LIÊU (杜輝璈)

Hương - nguyên

Điền - tịch

Cha con đều đỗ đại khoa

Quán xã La-ngạn, Huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.

Là con trai viên Phó-bảng Huy-Uyền, Cháu nội viên Cử-nhân Huy-Cảnh.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 36 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Đinh-mão (1867).

Kỳ Văn-sách ông trả lời rất xác đáng ! Được vua phê son rằng :

確有學，非蹈襲者所能。欽此！

(Xác hữu học. Phi đạo tập giả sở năng. Khâm thử) :

‘Thực có lực học đích đáng ! Không phải những hạng chỉ cóp nhặt có thể làm nổi. Kinh đấy !’

Khi ông giữ chức Tri-phủ phủ Lâm-thao, do sự cử  
tr 2 học rộng, vào Kinh ứng hạch, được dự hạng trúng,  
nên được thăng chức Biện-lý Bộ Hộ. Lại sang chức Tham-  
mưu Nội các.

Ông là người có khí khái cương nghị! Nhân có  
vực loạn bỏ quan về nhà. Lại xin lưu ở nhà luôn để  
phụng dưỡng đấng thân. Sau khi xong đại tang một  
ngày, ông không có bệnh tật gì, mà hóa ra người thiên  
cổ.

Sắc ban Đệ-tam-giáp Đồng Tiến-sĩ.xuất-thân :

PHAN-TRỌNG-MU (潘仲謀)

Thế khoa. Hai đời đỗ liên tiếp.

Quán xã Đông-thái, huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Tân-hợi (1851), 29 tuổi.

Trưng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Là con trai viên Tiến-sĩ Tam-Tĩnh. Anh họ viên Tiến-sĩ  
Huy-Nhuận. Em trai viên Cử-nhân Cát-Tuu. Anh viên  
Cử-nhân Trọng-Nghị.

Nhân có loạn, ông đi biệt tích.

VŨ-TUẤN (武竣)

Bát-phẩm chánh-ngạch tỉnh Quảng-ngãi.

Quán xã Hữu-can-lộc, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Ất-dậu (1825), 55 tuổi.

Chân Từ-tài sung Cống. Học-sinh trong trường Giám.

Tri-phủ phủ Thuận-thành.



NGUYỄN-DỰ (阮豫)

Quán xã Đông-ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Chức Tri-phủ. Sau thăng hàm Thị-độc.

Ông đỗ liền 2 khoa Tú-tài, rồi kế tiếp ngay đến đỗ Cử-nhân năm trước, năm sau đỗ Tiến-sĩ. Chưa từng rớt một khoa nào!

PHAN-HUY-NHUẬN (潘輝潤)

Thế khoa. Anh em họ đỗ đồng khoa.

Quán xã Đông-thái, huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Là em họ viên Tiến-sĩ Trọng-Mưu. Cháu gọi viên Tiến-sĩ Tam-Tĩnh bằng bác. Em họ các viên Cử-nhân Cát-Tu và Trọng-Nghị.

Hiện chức Thị-lang Bộ Công.

TRẦN-ĐÌNH-PHONG (陳廷楓)

Quán xã An-mã, huyện An-thành, Tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Hiện chức Tri-phủ phủ Thọ-xuân.

Thăng chức Đốc-học tỉnh Quảng-ngãi. Xin cáo.

Phó - Bảng :

NGÔ - TRẠCH (吳澤)

Quán xã Mỹ-dụ, huyện Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai của Hương-cống Huy-Huyền. Chủ viên  
Cử-nhân Hữu-Thôn

Sinh năm Nhâm-tuất (1826), 54 tuổi.

Trùng cử-nhân khoa Bình-tý (1876).

Hiện làm học tỉnh Thanh-hóa. Về bản quán.

TRẦN-HUY-LIÊN (陳輝連)

Quán xã Xuân-khê, huyện Nam-xương, tỉnh Hà-nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Sinh năm Giáp-ngọ (1834), 46 tuổi.

Trùng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Hiện hàm Thị-giảng. Về bản quán.

TRẦN-XUÂN-SẮC (陳春色)

Quán xã Đông-thành, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-dịnh.

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 33 tuổi.

Trùng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

TÔN-THẮT-THIỀM (孫室媪)

Hệ thứ chín.

Sinh năm Bình-thìn (1856), 24 tuổi.

Trùng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Hiện chức Ấn-sát tỉnh Quảng-nghia.

NGUYỄN-LÊ-KHÁNG (阮黎仗)

Quán xã Thạch-xá Thượng, huyện Lệ-thủy, tỉnh  
Quảng-binh.

Sinh năm Ất-tý (1845), 35 tuổi.

Trùng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Hiện chức Ngự-sử.

NGUYỄN-ĐÓN-TIỆT (阮敦節)

Quán xã Thọ-vực, huyện Hoảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

Sinh năm Bính-thân (1836), 44 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Hiện chức Tri-phủ. Cáo.

CAO-HUY-TUẤN (高輝珣)

Quán xã Phan-xá, huyện Chân-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Kỷ-dậu (1849), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-dậu (1873).

Chức Tri-huyện, bị giáng, sung hàm Biên.tu. Nhân việc loạn, liền bỏ quan đi vào hạt Hà-tĩnh. Sau chết ở một ngôi chùa trong núi.

NGUYỄN-DUY-HIỆU (阮惟毅)

Quán xã Thanh-hà, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Hàm Hồng-lô-tự-khanh. Nhân việc loạn, ông khởi nghĩa, nên can tội nặng.

(Khoa này viên đã đỗ Hội-nguyên là Hoàng-trọng Phủ, quán Phủ Thừa - thiên, và viên đã dự trúng-cách là Nguyễn-Hy-Kỹ, quán tỉnh Quảng-nam, đều bị cách mất Cử-nhân, giáng xuống Tú-tài. Viên đã dự trúng-cách là Trần-Danh-Phương, quán tỉnh Quảng-nam, bị cách mất Tú-tài thượng-hạng, cho về là học-sinh).

## KHOA CANH-THÌN

Niên Hiệu TỰ-ĐỨC (嗣德) thứ ba mươi ba (1880)

Lệ thi khoa này đã chuẩn định :

Viên nào trong 4 kỳ Hội cộng được 8 phân trở lên là trúng-cách, sẽ vào dự kỳ Phú-thí.

Viên nào trong 4 kỳ Hội cộng được 7 phân trở xuống đến 4 phân, và viên nào trong 3 kỳ cộng được 10 phân trở lên là hạng Phó-bảng, khỏi vào dự kỳ Phú-thí.

Khi chấm Hội xong, lấy 6 tên trúng-cách và 7 tên Phó-Bảng. Đức Hoàng-Thượng thấy số trúng ít ỏi, nên chuẩn cho vào dự kỳ Đình-đối cả.

Kỳ Đình-Đối, hai viên trúng-cách là Trương-Đức-Uần, Lê-Thoán, và viên Phó-bảng Trần-Đạo-Tiền, người thi vì văn lý tầm thường, người thi vì quyền tỳ ố phạm khoản nặng, nên đều bị đánh hỏng.

Quan duyệt quyền :

Bùi-Văn-Quế (裴文桂)

Hà-Văn-Quan (何文關)

Quan đọc quyền :

Nguyễn-Văn-Tường (阮文祥)

Lê-Đình-Tuấn (黎廷俊)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ Xuất-Thân :

NGUYỄN-ĐÌNH-DƯƠNG (阮廷揚)

Hậu-Bồ tỉnh Bắc-Ninh.

Quán xã Lạc-nghiệp, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Giáp.thìn (1844), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Sau do sự học rộng vào ứng hạch, được dự hạng trúng, nên được sung bổ vào Nội-các, thăng chức Án-sát tỉnh Hưng-hóa, mất Thành, liền bỏ về nhà. Sau lại sung chức Biện-ly Bộ Lại. Nhân việc loạn, đổi sang chức BỐ.chánh tỉnh Quảng.bình, gặp ngay tình ấy có loạn, ông bị giết ! Được truy phong.

Sắc ban Đệ-Tam.Giáp Đồng Tiến-Sĩ.Xuất.Thân :

ĐỖ.VĂN.ÁI (杜文愛)

Hàn-Lâm Điền-Tịch.

Sau đổi tên là Tâm (心)

Quán xã Đại-gia, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Giáp-dần (1854), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Hiện hàm Tuần-phủ lĩnh chức BỐ-chánh tỉnh Hà-nam.

KHIẾU.NĂNG-TĨNH (咁能靜)

Hội-Nguyên.

Quán xã Chân-mỹ, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Ất.mùi (1835), 46 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Quan trải 2 lần Đốc-học tỉnh Hà-nội. Hiện chức Tế-tử trưởng Quốc-tử-giám.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG (阮文中)

Quán xã An-nông, huyện Phú-lộc, phủ Thừa-thiên

Sinh năm Tân-hợi (1851), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Hiện chức Bổ-chánh tỉnh Bình-định, bị can, về.

HOÀNG-VĂN-HOÈ (黄文槐)

Quán xã Phú-lưu, huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh.

Là con trai viên Cử-nhân Văn-Định. Em trai viên Cử-nhân Văn-Kỳ.

Sinh năm Mậu-thân (1848), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-ngọ (1870).

Sau do sự học rộng ửng hạch, được trúng dự hạng, nên được bổ chức Tri-phủ. Đồi sang Sử-quán Biên-tu, nhân việc loạn ông bị giết ! Được truy tặng.

Phó . Bảng :

PHAN-VĂN-ÁI (潘文愛)

sau đổi tên là Tâm (心)

Quán xã Đồng-tĩnh, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh

Sinh năm Canh-tuất (1850), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-tý (1876).

Hiện hàm Quang-lộc-Tự Thiếu-khanh, sung chức Tham-biện nha Kinh-lược, coi quán Đồng-văn. Cáo về. Năm trước đây, ông do sự học rộng ửng hạch trúng dự hạng, nên được thưởng một trật.

NGUYỄN-THÁI-TUÂN (阮 恭 恂)

Cha con đều đỗ đại khoa.

Quán xã An-từ, huyện Lương-sơn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Tiến-sĩ Thái-Đề. Anh viên Cử-nhân Thái.Thận.

Sinh năm Kỷ-hợi (1839), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Chức Tri-phủ phủ Quì-châu, nhân việc loạn, hồi tỉnh, được miễn nghị tội. Liền chết.

KIỀU-DỰC (喬 翼)

Sau đổi tên là Cung (恭)

Quán xã Đông-sàng, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây.

Là con trai viên Cử-nhân Thăng.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-mão (1879).

Hiện chức Tri-phủ, bị giáng, đổi sang chức Huyện.

TRẦN-KỶ (陳 紀)

Quán xã Đông-viên, huyện Tiên-phong, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Bính-ngọ (1846), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-tuất (1874).

Hiện hàm Trước-tác, lĩnh chức Giáo-thụ phủ Lâm-thảo.

PHẠM-HỮU-DỤNG (范 有 用)

Quán xã Thanh-chiêm, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Đinh-mùi (1847), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Hàm Tuần-phủ lĩnh chức Bổ.chánh tỉnh Khánh-Hòa.  
Chết tại nơi làm quan.

---



## ÂN KHOA NĂM GIÁP . THÂN

Niên hiệu KIẾN-PHÚC (建福) thứ nhất (1884).

Lệ thi Khoa này nghị chuẩn :

Viên nào trong 4 kỳ Hội cộng được 7 phân trở lên là trúng-cách, được vào dự kỳ Điện-thí.

Viên nào thông 4 kỳ Hội cộng được 5 hay 6 phân, và viên nào trong 3 kỳ cộng được 7 phân trở lên là Phó-bảng, không được vào Điện-thí.

Sau khi chấm Hội xong, chỉ lấy có 3 người trúng-cách, nên giảm bớt 1 viên đọc quyền.

Quan duyệt quyền :

Nguyễn-Thuật (阮述)

Vũ-Nhự (武洙)

Quan đọc quyền :

Phạm-Thận-Duyệt (范慎通)

Sắc ban Đệ-nhị-Giáp Tiến-sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-ĐỨC-QUÍ (阮德貴)

Thế khoa. Anh em họ đều đỗ đại khoa.

Song nguyên.

Quán xã Hoàn - sơn, huyện Thanh - chương, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Đức-Diệu. Chú họ viên Cử-nhân Đăng. Cháu gọi viên Cử-nhân Hiền bằng bác. Em họ viên Thám-hoa Đức-Đạt và viên Cử-nhân Đức-Huy.

Sinh năm Kỷ-dậu (1849), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876).

Chức Sử-quán Biên-tu. Nhân có việc loạn, bỏ về quê quán, bị giết !

Sắc ban Đệ-tam-giáp Đồng-Tiến-sĩ-xuất-thân :

DƯƠNG-THỨC-CÁP (楊叔玲)

Hậu-bổ tỉnh Quảng-bình.

Quán xã Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-An.

Sinh năm Ất-mùi (1835), 50 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-mão (1879).

Hiện chức Đốc-học tỉnh Nghệ-an.

NGUYỄN-THÍCH (阮適)

Cha con đều đỗ đại khoa.

Quán xã Chiên-đàn, huyện Hà-đông, tỉnh Quảng-nam.

Là con trai viên Phó-bảng Văn-Dục.

Sinh năm Canh-tuất (1850), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ (1882).

Chức Biên-tu viện Cơ-mật. Nhân Kinh-thành có biến, ông bị giết ! Tặng hàm Tu-soạn.

Phó - Bảng :

NGUYỄN-PHỤ (阮輔)

Tên cũ là Hy-Kỹ (希伎)

Quán xã Mỹ-xuyên, huyện Duy-xuyên, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Nhâm-tý (1852), 33 tuổi.

Tú-tài, Ấm-sinh.

Nguyên ông đã trúng Cử-nhân khoa Bính-tý (1876),

song vì dự kỳ thi Hội khoa Kỷ-mão (1879) dự trúng-cách, khi vào thi Đình bị truất xuống hạng Tú-tài. Có đơn xin vào Giám, dự thi khoa này.

Chức Ngự-sử, bị cách.

NGUYỄN-ÂU-CHUYÊN (阮 歐 顛)

Hương-Nguyên

Quán xã Hành-thiện, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Đinh-tý (1857), 28 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Kỷ-mão (1879).

Hiện hàm Quang-lộc, lĩnh chức B6-chánh tỉnh Bắc-ninh.

PHAN-XUÂN-HOAN (潘 春 瓊)

Quán xã Phù-việt, huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Mậu-thân (1848), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ (1882).

Chưa kịp ra làm quan.

TRẦN-KHÁNH-HỘI (陳 慶 會)

Quán xã Phong-lộc, huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Ất-mão (1855), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-dậu (1873).

Hiện chức Trưởng-ấn.

## KHOA KỶ - SỬU

Niên hiệu THÀNH-THÁI (成泰) thứ nhất (1889)

Quan duyệt quyền :

Lê - Thụy (黎瑞)

Nguyễn - Thụy (阮瑞)

Quan đọc quyền :

Nguyễn-Trọng-Hợp (阮仲合)

Đoàn-Văn-Bình (段文平)

Sắc ban Đệ-nhi-giáp Tiến-sĩ xuất-thân :

HOÀNG-BÍNH (黄炳)

tên cũ là Hữu - Tiếp (有揖)

Quán xã Bích-kê, huyện Thuận-xương, tỉnh Quảng-trị.

Là con trai viên Cử-nhân Hữu-Xứng. Cháu gọi viên Cử-nhân Hữu-Bình bằng bác. Anh viên Cử-nhân Hoàn.

Sinh năm Đinh-ty (1857), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-mão (1879).

Hiện chức Tri-phủ, dời về triều sung sở Tu-thư.

NGUYỄN.VIỆT.BÌNH (阮日坪)

Quán xã Đặng-xá, huyện An-đức, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Nhâm-tý (1852), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện chức Đốc-học tỉnh Hưng-yên.

Sắc ban Đệ-tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ Xuất-thân :

NGUYỄN-NGỌC-LIÊN (阮玉蓮)

Người cùng làng đồ đồng khoa.

Quán xã Hành-thiện, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Mậu-thân (1848), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-tuất (1886).

Hiện chức Tri-phủ phủ Nam-sách, bị giáng, chờ bổ.

ĐẶNG-HỮU-DƯƠNG (鄧有揚)

Giáo-thụ quyền Tri-phủ.

Người cùng làng đồ đồng khoa.

Quán xã Hành-thiện, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Đinh-ty (1857), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỹ-mão (1879).

Nguyên khoa Ất-dậu (1885) ông đã dự trúng-cách nhưng chưa kịp truyền lô, bỗng gặp Kinh-thành có biến! Khoa ấy bị bỏ. Đến khoa này ông lại trúng.

Hiện chức Án-sát tỉnh Hà-nội. Vì đau mắt, nên cáo.

TRẦN-ĐẠO-TIỀM (陳道潛)

Quán xã Đông-lâm, huyện Quảng-diên, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Kỷ-mùi (1859), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Nguyên khoa Canh-thìn (1880) ông đã trúng Phó-bảng, Vua gia ân cho được vào dự kỳ thi Đình. Nhưng văn kỳ Đình ông viết sót chữ, nên truất còn Cử-nhân thôi. Đến khoa Ất-dậu (1885) ông trúng Hội-nguyên, vào dự kỳ thi Đình được 3 phân. Song chưa kịp truyền

lò (xương tên các vị trúng tuyển bằng loa), bồng Kinh-thành có biển. Đến khoa này, được chuẩn cho vào dự kỳ Điện-thí, ông lại trúng.

Hiện chức Ty-nghiệp trường Quốc-tử-giám.

NGUYỄN-TRUNG-KHUYẾN (阮忠勸)

Quán xã Sơn-dồng, huyện Đan-phượng, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Kỷ-dậu (1849), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện chức Tri-phủ phủ Vĩnh-tường, gặp đại tang!

ĐẶNG-NHU-VỌNG (鄧如望)

Quán xã Tây-giáp, huyện Phong-điền, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Ất-mão (1855), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện chức Tri-phủ.

TÔN-THẮT-LÃNH (尊室冷)

Hệ thứ bảy.

Là em trai viên Cử-nhân Mỹ, anh viên Cử-nhân Trạm.

Sinh năm Tân-dậu (1861), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ (1882).

Hiện chức Tri-huyện,

TRẦN-VĂN-PHAN (陳文璠)

Hội-Nguyên

Quán xã Từ-ô, huyện Thanh-miền, tỉnh Hải-dương.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-tuất (1886).

Hiện chức Đốc-học tỉnh Thái-bình, sung chức  
Thương-biện tỉnh.

TRẦN-SĨ-TRÁC (陳士琢)

Quán xã Đan-tràng, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Quí-mão (1843), 47 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện chức Tri-phủ phủ Thăng-bình. Gặp đại-tang

NGUYỄN-KHUÊ (阮圭)

Quán thôn Hạ-dình, xã Nhân-mục, huyện Thanh-tri,  
tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đồng).

Sinh năm Đinh-ty (1857) 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-tuất (1886).

Chức Thừa-chỉ Nội-các.

PHAN-VĂN-KHẢI (潘文愷)

Quán xã Tả-thắng, huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-Bình.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Phó - Bảng :

HOÀNG-THUY (黃瑞)

Quán xã Phú-nhuận, huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình

Sinh năm Mậu-thân (1848), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Hiện chức Tri-phủ phủ Thiệu-phong.

NGUYỄN-VĂN-MAI (阮文邁)

Quán xã Niêm-phù, huyện Quảng-diền, phủ Thừa-Thiên.

Sinh năm Quý-sửu (1853), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện chức Viên-ngoại-lang viện Cơ-mật.

NGUYỄN-HOAN (阮權)

Tổ cháu, cha con, đều đỗ đại-khoa.

Quán xã Yên - đồ, huyện Bình - lục, tỉnh Hà-nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Là con trai viên Hoàng-giáp Khuyến. Cháu năm đời  
viên Tiến-sĩ Lê thời Cổ-Lê.

Sinh năm Mậu-ngọ (1858), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện chức Tri-phủ phủ Lý-nhân. Về bản quán.

PHAN-DUY-BÁCH (潘惟栢)

Quán xã Kiên-cương, huyện Bạch-hạc, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 45 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Hiện chức Tri-huyện Trục-định. Cáo về.

ĐẶNG-TÍCH-TRÙ (鄧錫疇)

Tên cũ là Hữu-Trù (有俦)

Quán xã Đa-tốn, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh.



Nguyên khoa Ất-dậu (1885) ông đã trúng hạng thứ-trung-cách, được cho vào Đình-đối. Song chưa kịp phóng-bảng, bỗng Kinh-thành có biến ! Đến khoa này mong ăn được dự kỳ Phú-thí, ông lại trúng.

Hiện chức Tri-phủ phủ Xuân-trường.

PHẠM-HỮU-TĨNH (范有静)

Quán xã Đông-xuyên, huyện Quảng-diên, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Mậu-thân (1848), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Hiện chức Tri-huyện.

VŨ-SĨ (武士)

Quán xã Niêm-phù, huyện Quảng-diên, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Mậu-thân (1848), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Hiện Tri-huyện huyện Mộ-đức.

NGUYỄN-KHẢI (阮啟)

Quán xã Long-phúc, huyện Duy-xuyên, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Giáp-tý (1864), 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Hiện hàm Kiểm-thảo.

ĐẶNG-QUỖ (鄧櫃)

Quán xã Lộng-đình, huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh.

là con trai viên Cử-nhân Kham. Anh các viên Cử-nhân Hàn và Thực.

Sinh năm Giáp-thìn (1844), 45 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Nguyên khoa Ất.dậu (1885) ông đã trúng hạng thứ-trung.cách. Song vì ẩn giấu không khai hàm thân-phụ, nên bị can nghị tội, không được dự thi Đình. Và lại gặp Kinh-thành có biến! Ông trở về bản quán. Đến khoa này mông ân cho vào thi, ông lại trúng.

Hiện hàm Tu-soạn lĩnh chức Giáo-thụ.

NGUYỄN.BÌNH (阮秉)

Quán xã Xuân-hồ, huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Nhâm.tý (1852), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu.tý (1888).

Hiện chức Tri-huyện. Hồi hưu.

(Khoa này Đàm.Thận.Bình, quán xã Hương-mặc, tỉnh Bắc-ninh, đã trúng các kỳ Hội, được vào dự kỳ Phú-thí. Song văn kỳ Phú-thí không đủ 1 phân, nên bị truất về còn nguyên Cử-nhân).

## KHOA NHÂM-THÌN

Niên hiệu THÀNH-THÁI (成泰) thứ bốn (1892)

Quan duyệt quyền :

Hoàng-Hữu-Xứng (黃有科)

Bùi-Văn-Tạo (裴文造)

Quan đọc quyền :

Đoàn-Văn-Hội (段文會)

Lương-Quy-Chánh (梁歸正)

Sắc ban Đệ-Nhất-Giáp Tiến-Sĩ-Cấp-Đệ đệ tam danh

(Thám.Hoa) :

VŨ-PHẠM-HÀM (武范謙)

Tam.Nguyên

Hàm Tu-soạn lĩnh chức Giáo-thụ Phủ Kiến-thụy.

Quán xã Đôn-thư, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Là cháu nội viên Cử-nhân Đăng-Dương.

Sinh năm Giáp-tý (1864), 29 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Giáp-thân (1884).

Hiện hàm Quang-lộc-tự Thiếu-khanh lĩnh chức Đốc học tỉnh Hà-nội, kiêm sung quán Đồng-văn.

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-Sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN (阮尚賢)

Thế khoa. Hai đời đỗ liên tiếp.

Quán xã Liên-Bạt, huyện Sơn-lãng, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Là con trai viên Hoàng-giáp khoa Nhã-sĩ Thượng-Phiên.

Sinh năm Bình-dần (1866), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Nguyên khoa Ất-dậu (1885) qua mấy kỳ Hội, ông đã trúng hạng chánh-trúng-cách, đến kỳ thi Đình, vẫn được 3 phần, chưa kịp truyền-lô, bỗng Kinh-thành có biến ! Đến khoa này thi ông lại trúng.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ-xuất-thân :

TA-TUONG (謝棟)

Chánh-phủ Ty-vu.

Quán xã Chánh-lộ, huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa.

Sinh năm Đinh-ty (1857), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Hiện Tri-phủ phủ Thăng-bình.

LÊ-BÁ-HOAN (黎伯權)

Quán xã Trung-cần, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Giáp-tý (1864), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Học-sinh trong trường Giám.

Là con trai viên Giải-nguyên Bá-Đôn. Cháu nội viên

Cử-nhân Nguyễn-Thứ. Chắt nội viên Cử-nhân Nguyễn-Trung.

Hiện Tri-phủ phủ Hoài-nhân.

CHU-MẠNH-TRINH (朱孟楨)

Hương-Nguyên

Thượng hàm Biên.tu.

Quán xã Phú-thị, huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên.

Là con trai viên Cử-nhân Duy-Tĩnh.

Sinh năm Tân-dậu (1861), 32 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Bình-tuất (1886).

Hiện Tri-phủ phủ Lý-nhân. Gặp đại-tang.

LÊ-VĨNH-ĐIỆN (黎永楨)

Quán xã Hưng-giáo, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Mậu-thân (1848), 45 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Hiện chức Đốc-học tỉnh Hưng-hóa.

TẠ-VĂN-CÁN (謝文幹)

Quán xã Thu-quế, huyện Đan-phượng, tỉnh Hà-nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Quý-sửu (1853), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

TẠ-HÀM (謝涵)

Bác cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã La-hà, huyện Tuyên-chánh, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Bính-thìn (1856), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Là con trai viên Giải-nguyên Khuê. Châu gọi viên Phó-bảng Kim-Vực và viên Cử-nhân Kim-Pha bằng bác. Con thứ các viên Cử-nhân Kim-Bảng, Ngọc-Đường (?).

(Ban Hội-đồng duyệt sách bộ Quốc-gia Giáo-dục căn cứ vào lý-lịch ông Tạ-Kim-Vực trên mà xác nhận rằng: Ông Tạ-Hàm là em họ các viên Cử-nhân Kim-Bảng và Ngọc-Đường, chứ không phải là con thứ như trong chính-bản đã chép lầm).

HỒ-TRUNG-LƯƠNG (胡忠諒)

Quán xã An-dưỡng, huyện Duy-xuyên, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Canh-thân (1860), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Hiện chức Tri-phủ phủ Tư-nghĩa.

Phó-Bảng :

VŨ-THIỆN-ĐỀ (武善悌)

Quán xã Bách-cốc, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Hiện Tri-huyện huyện Thanh-Hà.

PHẠM-VĂN-THỤ (范文樹)

Quán xã Bạch-sam, huyện Mỹ-hào, tỉnh Hưng-yên.

Sinh năm Mậu-ngọ (1858), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

KHIẾU-HỮU-SỬ (叫有史)

Quán xã Đồng-thanh, huyện Võ-tiên, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Ất-mùi (1835), 58 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Nguyên khoa Ất-dậu (1885) ông đã trúng thứ-trúng-cách, được vào dự kỳ thi Đình, chưa kịp yết bảng, bỗng Kinh-thành có biến ! Đến khoa này cho thi ông lại trúng.

NGUYỄN-ĐÌNH-VĂN (阮廷聞)

Tên cũ là Hân-Siêu (斯超)

Quán xã Phượng-đình, huyện Hoảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

Sinh năm Canh-thân (1860), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

VƯƠNG-DANH-QUÍ (王名貴)

Quán xã Vân-sơn, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Kỷ-dậu (1849), 44 tuổi.

Là cháu nội viên Cử-nhân Danh-Du, Anh viên Cử-nhân Danh-Chánh. Cháu gọi các viên Cử-nhân Danh-Thụy, Danh-Thân bằng bác.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Nguyên khoa Ất-dậu (1885) ông đã trúng thứ-trúng-cách, chưa kịp yết bảng, bỗng Kinh-thành có biến. Khoa

này cho thi ông lại trúng.

Hiện Đốc-học tỉnh Quảng-nghĩa.

NGUYỄN-THIỆN (阮善)

Ông cháu đều đỗ Đại-khoa.

Quán xã Chắt-long, huyện Phong-diên, phủ Thừa-thiên.

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Văn-Duy.

Sinh năm Canh-thân (1860), 33 tuổi.

Ấm-sinh trúng Tú-tài.

NGUYỄN-ĐỈNH (阮挺)

Quán xã La-chử, huyện Phú-lộc, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Đinh-ty (1857), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

CHUNG



# QUỐC - TRIỀU ĐĂNG - KHOA - LỤC

QUYỂN BỐN

# QUỐC-TRIỀU ĐĂNG-KHOA-LỤC

## QUYỂN TƯ

### KHOA ẤT-MÙI

Niên hiệu THÀNH-THÁI (成泰) thứ bảy (1895)

Khoa này thi Hội xong, lấy 21 tên trúng cách : 7 chánh-trúng, 12 thứ-trúng, và 2 quyền lấy thêm, vì 3 kỳ được 7 phân.

Đến kỳ thi Đình, trong hạng chánh-trúng có Xuân-Quảng được 3 phân, Lê-Phát được 2 phân. Còn Đỗ-Quân, Đàm-Kiểm, Từ-Đạm và Duy-Du, 4 quyền này mỗi quyền được 1 phân. Tất cả đều được dự trúng Chánh-bảng.

Duy trong hạng chánh-trúng có 1 quyền Trần-Tán-Bình cũng được 1 phân, được giáng xuống Phó-bảng.

Trong hạng thứ-trúng có quyền Trần-Dĩnh-Sĩ được 4 phân cho trúng Nhị-giáp, quyền Đức-Huy được 3 phân, cho trúng Tam-giáp. Còn 4 quyền được 2 phân là : Hoàng-Mậu, Xuân-Tiểu, Phan-Trần, Nguyễn-Cần, và 8 quyền 1 phân là tự Tái-Tích trở xuống, tất cả đều dự trúng Phó-bảng.

Duy 1 quyền Lê-Văn-Dần, vì trong bài Thơ ký ức cồ-ngữ, có một câu dẫn không tinh, nên đánh hỏng.

Quan duyệt quyền :

Các-tham Nguyễn-Gia-Thoại (阮嘉詒)

Sứ-toàn Ngô-Huệ-Liên (吳惠連)

Quan đọc quyển :

Thượng-thư Nguyễn-Thượng-Phiên (阮尚額)

Tham-tri Lê-Thụy (黎瑞)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-Sĩ xuất-thân :

TRẦN-DĨNH-SĨ (陳穎士)

Quán xã Kế-môn, huyện Phong-diên, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Mậu-ngọ (1858), 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Chức Tham.tá Nội-các.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ-xuất-thân :

NGUYỄN-ĐỨC-HUY (阮德輝)

Quán xã Ngu-xá, huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Nhâm-tuất (1862), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Chức Tri-phủ. Bị-can.

NGHIÊM-XUÂN-QUẢNG (嚴春廣)

Quán xã Tây-mỗ, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Kỷ-ty (1869), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Là con trai viên Cử-nhân Thiệu. Cháu gọi các viên Cử-nhân Xuân-Lượng, Trọng-Phát bằng bác. Cháu gọi viên Cử-nhân Xuân-Phương bằng bác họ.

Chức Ấn-sát, cáo về.

LÊ-PHÁT (黎發)

Giáo-thu phủ Thiệu-phong.

Quán xã Xuân-thành, huyện Do-linh, tỉnh Quảng-trị.

Sinh năm Giáp-dần (1854), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-mão (1879).

Hàm Thi-độc.

ĐỖ-QUÁN (杜筠)

Ông và cháu đều đỗ đại khoa.

Hội-Nguyên.

Quán xã Châu-sa, huyện Bình-son, tỉnh Quảng-nghĩa.

Là cháu nội viên Phó-bảng Đăng-Đệ.

Sinh năm Kỷ-ty (1869), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Chức Đốc-học.

ĐÀM-KIÊM (譚謙)

Tên cũ là Thận-Bình (慎平)

Hàm trước-tác lĩnh chức Giáo-thu phủ Lý-nhân.

Quán xã Hương-mặc, huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh

Là cháu nội viên Cử-nhân Thận-Cung.

Sinh năm Canh-thân (1860), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-tuất (1886).

Chức Đốc-Học.

TỬ-ĐẠM (徐澹)

Anh em ruột đỗ đồng khoa cả Hương và Hội,  
là bắt đầu tự viên này.

Quán xã Khê-hồi, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-nội  
(nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Là con trai viên Cử-nhân Tế. Anh trai viên Phó-bảng Thiệp.

Sinh năm Nhâm-tuất (1862), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Hiện Tuần-phủ tỉnh Ninh-bình.

PHẠM-DUY-DU (范 惟 德)

Cha con đều đỗ đại-khoa.

Quán xã Cấn-phán, huyện Quỳnh-côi, tỉnh Thái-bình.

Là con trai viên Phó-bảng Quý-Đức.

Sinh năm Ất-mão (1855), 41 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Phó-Bảng :

HOÀNG-MẬU (黄 茂)

Hương-Nguyên.

Quán xã Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Bính-thìn (1856), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Hàm Quang-lộc-tự-thiếu-khanh. Hưu trí.

CAO-XUÂN-TIẾU (高 春 肖)

Hàm Trước-tác lĩnh chức Giáo-thụ phủ Diễn-châu.

Quán xã Thanh-mỹ, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an,

Là con trai viên Cử-nhân hàm Đông-các Xuân-Dục.

Anh các viên Cử-nhân Soang và Thụ. Thân phụ viên Cử-nhân Tảo.

Sinh năm Bình-dần (1866), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Hiện hàm Thượng-thư, sung Sử quán Toàn-tu.

PHAN-TRẦN (潘 珍)

Quán xã Bạo-an, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam.

Là con trai viên Cử-nhân Du.

Sinh năm Nhâm-tuất (1862), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Chức Tri-phủ.

ĐẶNG-NGUYỄN-CẦN (鄧 元 謹)

Tên cũ là Đài-Nhận (台 訥)

Quán xã Lương-thời, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Đài-Hải.

Sinh năm Đinh-mão (1867), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Chức Đốc-học. Bị can.

NGUYỄN-TÁI-TÍCH (阮 載 績)

Quán xã Khê-hạ, huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Giáp-tý (1864), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Là con trai viên Cử-nhân Danh-Kế, Châu gọi

viên Cử-nhân Danh-Hội bằng chú họ. Nguyên tiên tổ ông quán xã Kim-lũ, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-nội, ông chính là dòng-dõi quan Thái-phó thời Cồ-Lê, Tiến-sĩ Nguyễn-Công-Thái, Quan Văn-minh-điện đại-học-sĩ, Tiến-sĩ Nguyễn-Trong-Hợp hiện nay, là bác họ ông.

HOÀNG-HỮU.HOÀN (黃有皖)

Anh em đều đỗ đại khoa.

Quán xã Bích-kê, huyện Thuận-xương, tỉnh Quảng-trì.

Sinh năm Kỷ-ty (1869), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Là con trai quan Hiệp-tá Cử-nhân Hữu-Xưng. Cháu gọi viên Cử-nhân Hữu-Bình bằng bác. Em trai viên Hoàng-giáp Bình. Anh trai viên Cử-nhân Quĩ-Truật. Chú viên Cử-nhân Đẳng.

Hiện chức Thị-lang sung Nội-các.

ĐÀO.PHAN.QUÂN (陶潘筠)

Quán xã Biều-chánh, huyện Tuy-phước, tỉnh Bình-định

Là chú viên Cử-nhân Duần.

Sinh năm Giáp-tý (1864), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Tuần-phủ, Hưu tri.

VƯƠNG-ĐÌNH.TRẦN (王廷珍)

Anh em họ đều đỗ đại khoa.

Quán xã Văn-Sơn, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an

Sinh năm Tân-mùi (1871), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Tri-phủ.

Là con trai viên Cử-nhân Danh-Thân. Chắt nội viên Cử-nhân Danh-Miến. Cháu gọi viên Cử-nhân Đình-Thúy bằng bác. Em họ viên Phó-bảng Danh-Quĩ và viên Cử-nhân Danh-Chánh.

**TỪ-THIỆP (徐涉)**

Anh em ruột đố đồng khoa Hương và Hội.

Quán xã Khê-hồi, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Là con trai viên Cử-nhân Tế. Em trai viên Tiến-sĩ Đạm.

Sinh năm Bình-dần (1866), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Hiện Tổng-đốc Nam-ngãi.

**NGUYỄN-VĂN-CHẤN (阮文振)**

Quán xã Xuân-hồ, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Văn-Thường. Em trai viên Cử-nhân Văn-Đĩnh. Cháu gọi viên Cử-nhân Văn-Bính bằng bác.

Sinh năm Bình-thìn (1856), 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Đốc-học. Hưu-trí.

**TRẦN-TÁN-BÌNH (陳贊平)**

Quán xã Do-lễ, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-nội



(nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Kỷ-ty (1869), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Đốc-học.

**HOÀNG-ĐÌNH-HUYẾN (黃廷煊)**

Quán xã Long-hồ, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Là anh trai viên Cử-nhân Đình-Lữ.

Sinh năm Đinh-ty (1857), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Hàm Hồng-lô. Hưu-tri.

---

## KHOA MẬU-TUẤT

Niên hiệu THÁNH-THÁI (成泰) thứ mười (1898)

Khoa này trong 4 kỳ Hội, có 1 quyền Nguyễn-Tự-Như được 8 phân; hợp lệ là chánh-trúng-cách. Quan trường thấy số trúng quá ít, nên tâu xin thêm 2 quyền 7 phân là Nguyễn-Văn-Trình và Phạm-Tuấn, đều được gia ân dự hạng chánh-trúng. Còn những quyền thông 4 kỳ cộng được 6 phân trở xuống, và 3 kỳ được 7 phân trở lên, cộng 14 quyền, đều cho dự hạng thứ-trung-cách,

Duy có Bùi-Thức, kỳ văn-sách bất cập 1 phân, mà thông 3 kỳ kia cộng 11 phân. Trong 3 kỳ đó lại bị một bài Thơ áp xuất văn «phùng». Được cho vào dự kỳ thi Đình. Nhưng hạn cho rằng: Kỳ thi Đình như được 3, 4 phân, sẽ cho trúng Phó-bảng, được 4, 5 phân, sẽ cho trúng Chánh-bảng. Nếu chỉ 1 phân thì cho trở về nguyên tịch Cử-nhân.

Đến kỳ thi Đình, hạng chánh trúng 1 quyền Nguyễn-Văn-Trình được 2 phân và 2 quyền 1 phân là Nguyễn-Tự-Như, Phạm-Tuấn, đều cho đỗ Chánh-bảng.

Hạng thứ-trúng, 1 quyền Bùi-Thức được 6 phân. Song câu « thần cần đối » ở cuối bài, chỉ viết có hai chữ « thần cần » thôi, sót chữ « đối », nên cho trúng vào cuối hàng Tam-giáp.

Quyền Đào-Nguyên-Phò được 5 phân, cho trúng Nhì-giáp, 3 quyền 3 phân là Phạm-Liệu; Phan-Quang và Nguyễn-Quý-Song đều cho trúng Tam-giáp. Còn 2 quyền 2 phân là Ngô-Truân và Nguyễn-Viết-Tuyên, với 7 quyền 1 phân, đều đặt vào hạng Phó-bảng.

Quan đọc quyền :

Đông-các-đại-học-sĩ, Trương-Quang-Đàn (張光檀)

Hiệp-tá-đại-học-sĩ, Hoàng-Hữu-Xứng (黃有科)

Quan duyệt quyền :

Thị-lang, Tôn-Thất-Thiền (尊室 站)

Tễ-tửu, Khiếu-Năng-Tĩnh (叶能靜)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-sĩ xuất-thân một tên :

ĐÀO-NGUYỄN-PHỒ (陶元溥)

Tên cũ là Văn-Mại (文邁)

Quán xã Thượng-phán, tỉnh Thái-bình, 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-thân (1884).

Chức Thừa-chỉ, Chủ bút Báo-quán.

Đã qua đời.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng Tiến-sĩ xuất-thân 8 tên :

PHẠM-LIỆU (范燎)

Hương-Nguyễn

Quán xã Trùng-giang, tỉnh Quảng-nam, 27 tuổi.

Là cháu nội viên Cử-nhân Hữu-Nghị có dự trúng 3  
kỳ thi Hội.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Hiện chức Tham-tri bộ Công.

PHAN-QUANG (潘光)

Quán xã Phúc-son, tỉnh Quảng-nam, 27 tuổi.

Là cháu nội viên Cử-nhân...

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Hiện Ân-sát tỉnh Bình-định.

NGUYỄN-QUÍ-SONG (阮季聰)

Quán xã Xuân-liễu, tỉnh Nghệ-an. 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Đốc-học. Đã qua đời.

NGUYỄN-VĂN-TRÌNH (阮文程)

Anh em đều đỗ đại khoa.

Quán xã Kiệt-thạch, tỉnh Hà-tĩnh. 27 tuổi.

Là con trai viên Cử-nhân Liên. Em trai các viên Cử-nhân Quì và Lượng. Anh viên Phó-bảng Quýnh.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Hiện chức Thị-lang bộ Hình.

PHẠM-TUẤN (范峻)

Quán xã Xuân-đài, tỉnh Quảng-nam. 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-mão (1879).

Chức Đốc-học tỉnh Hà-tĩnh.

NGUYỄN-TỰ-NHU (阮自如)

Hội-Nguyên.

Quán xã Hà-thượng, tỉnh Quảng-trị. 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-dần (1878).

Chức Tri-phủ phủ Quảng-ninh.

BÙI-THỨC (裴拭)

Thế khoa.

Quán xã Châu-cầu, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-nam). 37 tuổi.

Là con trai viên Phó-bảng Văn-Quế. Thân-phụ viên Phó-bảng Kỹ và các viên Cử-nhân Khải và Lương. Châu gọi viên Tiến-sĩ Dị bằng bác.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-tuất (1886).

Phó-Bảng 9 tên :

NGÔ-TRUẬN (吳 諱)

Quán xã Cẩm-sa, tỉnh Quảng-nam. 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Tri-huyện huyện Thạch-hà.

NGUYỄN-VIỆT-TUYỀN (阮 曰 璣)

Quán xã Kim-kê, tỉnh Nghệ-an. 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

Chức Đốc-học tỉnh Khánh-hòa.

NGUYỄN-DUY-THẮNG (阮 惟 勝)

Ông cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã Lý-hòa, huyện Bồ-trạch, tỉnh Quảng-bình.

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Duy-Cần.

Con trai viên Cử-nhân Duy-Miến. Anh viên Cử-nhân Duy-Phồn.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 27 tuổi.

Ấm-sinh trúng Tú-tài.

Hiện chức Kinh.kỳ-trưởng.

NGUYỄN-THIỆN-KẾ (阮善繼)

Quán xã Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh.

Sinh năm Bính-thìn (1856), 43 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

NGUYỄN-ĐẠO-QUÁN (阮道貫)

Quán xã Xuân-cầu, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh.

Sinh năm Đinh-mão (1867), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

NGUYỄN-VĂN-ĐÀM (阮文談)

Hành-tầu bộ Công.

Quán xã Thanh-lương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Là con trai viên Cử-nhân Văn-Chất, cháu nội viên Cử-nhân Văn-Luận.

Sinh năm Canh-ngọ (1870), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-hợi (1887).

Hiện Bổ-chánh tỉnh Phú-yên.

NGUYỄN-ĐỨC-ĐÀM (阮德談)

Quán xã Cầm-tràng, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Đức-Tân, cháu gọi các viên Cử-nhân Đức-Huy và Đức-Thành bằng bác.

Sinh năm Canh-ngọ (1870), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

TRẦN-ĐÌNH-BÁCH (陳廷栢)

Quán xã Hiền-dân, huyện Phong-diên, phủ Thừa-

thiện.

Sinh năm Đinh-mão (1867), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Hiện chức Tổng-đốc tỉnh Nghệ-an.

DƯƠNG-HIÈN-TIẾN (楊顯薦)

Quán xã Cẩm-lũ, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam

Sinh năm Bính-dần (1866), 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

---

## KHOA TÂN-SƯU

Niên hiệu THÀNH-THÁI (成泰) thứ mười ba (1901)

Khoa này trong 4 kỳ Hội, chỉ được 3 quyền 8 phân trở lên là những quyền : Nguyễn-Văn-Tĩnh ; Nguyễn-Đình-Điền và Nguyễn-Văn-Bán. Vì vậy quan trường tâu xin 1 quyền Trần-Văn-Thống, tuy kỳ văn tứ-lục bất cập, nhưng 3 kỳ kia cộng được 12 phân. Gia ân vào hạng trúng-cách.

Hạng thứ-trúng được 12 quyền, quan trường tâu xin quyền Ngô-Đức-Kế, tuy có bài Phú áp văn hỗn-độn, nhưng 4 kỳ cộng được 7 phân, và quyền Nguyễn-Viết-Thông, văn lý tuy hơi non, nhưng 4 kỳ cộng được 4 phân. Lại cùng với các quan Khoa Đạo đồng thanh xin 4 quyền 3 kỳ cộng được 6 phân là những quyền : Lê Ngải, Nguyễn-Đình-Hiến, Hoàng-Đại-Bình và Nguyễn-Sinh-Huy, giao hội-đồng Bộ xét lại để lấy rộng thêm. Đều được chuẩn cho vào dự kỳ Điện-thí.

Năm này có nhiều viên Tú-tài muốn dự thi, nên quan bộ Lễ tâu xin giao Hội-đồng trường Giám sát hạch bằng thẻ văn 4 kỳ Hội, viên nào có ưu hay bình hạng sẽ cho dự thi. Sau khi sát hạch, có 2 tên dự trúng.

Lại khoa này quan Hội-chủ-khảo Cao-Xuân-Dục tâu xin cho các viên trúng Phó-bảng cũng được cấp cho áo mũ, và cấp ngựa trạm khi trở về nhà. Được Vua ưng chuẩn. Việc này sau thành lệ. Đến khoa Canh-tuất, niên hiệu Duy-Tân (維新) thứ bốn (1910), bộ Học lại



xin cho các viên trúng Phó-bảng cũng được dự ban yến

Quan đọc quyển :

Hình bộ Hiệp-biện, sung Cơ-mật-đại-thần, Nguyễn-Hữu-Đàng (阮有璋)

Tham-tri sung Thị-vệ-xứ Phạm-Bính (范炳)

Quan duyệt quyển :

Hồng-lô-tự-khanh, Tham-biện Các-vụ, Trần-Đạo-Tiềm (陳道潛)

Hồng-lô-tự-khanh, lĩnh Quảng-nam Đốc-học, Trần-Đình-Phong (陳廷楓)

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đổng-Tiến-sĩ xuất-thân 9 tên :

NGUYỄN-ĐÌNH-TUẤN (阮廷詢)

Quán xã Châu-lỗ, huyện Hiệp-hòa, tỉnh Bắc-ninh.

Hạng thứ-trúng-cách trong kỳ thi Hội.

Sinh năm Đinh-mão (1867), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Hiện chức Đốc-học tỉnh Hà-đông.

NGÔ-ĐỨC-KẾ (吳德繼)

Quán xã Trảo-nha, huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Là con trai viên Cử-nhân Liên, cháu nội viên Cử-nhân Phùng.

Thi Hội trúng vào hạng lấy thêm.

Sinh năm Kỷ-mão (1879), 23 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Bị can tội, giao Đình nghị.

NGUYỄN-VIỆT-THÔNG (阮曰慈)

Quán xã Giã.lê, huyện Hương.thủy, phủ Thừa-thiên

Thi Hội trúng vào hạng lấy thêm.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Hiện chức Thị-lang bộ Lại.

NGUYỄN-ĐÌNH-ĐIỂN (阮廷典)

Quán xã Xuân-hồ, huyện Nam-dàn, tỉnh Nghệ-an.

Là cháu nội viên Cử-nhân Thiệu.

Sinh năm Canh-thân (1860), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Chức Lang-trung bộ Học, Hưu-trí.

TRẦN-VĂN-THỐNG (陳文統)

Tên cũ là Diễn (演)

Hành-tầu bộ Công.

Quán xã La-hà, huyện Minh-chánh, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Tân-mùi (1871), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Hiện chức Tuần-phủ tỉnh Quảng-trị.

LÊ-NGẢI (黎艾)

Quán xã Bình-an, huyện Mộ-đức, tỉnh Quảng-ngĩa

Thi Hội trúng vào hạng lấy thêm.

Sinh năm Mậu-thìn (1868), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).

Chưa kịp ra làm quan.

NGUYỄN-DUY-TÍCH (阮維勅)

Ông cháu, anh em đều đỗ đại-khoa.

Quán xã Lý-hòa, huyện Bồ-trạch, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Kỷ-mão (1879), 23 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Huân. Con trai viên Cử-nhân Miễn. Em trai viên Phó-bảng Thăng và viên Cử-nhân Đồng. Anh ruột viên Hoàng-giáp Phiên và viên Phó-bảng Thiệu.

Hiện chức Tham-tri bộ Binh.

Thi Hội dự hạng thứ-trúng-cách.

NGUYỄN-VĂN-TÍNH (阮文性)

Hội-Nguyên

Quán xã Cựu-hào, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Tân-dậu (1861), 41 tuổi.

Trúng Tú-tài.

Chức Đốc-học tỉnh Hải-phòng. Cáo.

NGUYỄN-VĂN-BÂN (阮文彬)

Quán xã Hữu-băng, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây.

Sinh năm Mậu-thìn (1868), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Là thân phụ các viên Cử-nhân Đào và Đồng.

Hiện hàm Hồng-lô-tự-khanh, sung Bắc-kỳ-Thượng-nghị-viện.

Phó-bảng 13 tên :

NGHIÊM-CHÂU-TUỆ ( 嚴 珠 慧 )

Quán xã Hòa-xá, huyện Sơn-lãng, tỉnh Hà-nội.

Sinh năm Bình-dần (1866), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

VŨ-TUẤN ( 武 珣 )

Hương-Nguyên

Quán xã Lương-ngọc, huyện Năng-an, tỉnh Hải-dương.

Sinh năm Ất-hợi (1875), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

NGUYỄN-ĐÌNH-HIẾN ( 阮 廷 獻 )

Quán xã Lộc-đông, huyện Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam.

Thi Hội trúng vào hạng lấy rộng.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

• Hiện chức Bổ-chánh tỉnh Quảng-bình.

LÊ-ĐÌNH-SÁN ( 黎 廷 燦 )

Quán xã Hạ-đình, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-đông).

Sinh năm Bình-dần (1866), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

HOÀNG-ĐẠI-BÌNH ( 黃 大 秉 )

Quán xã Xuân-thái, huyện Phong-phú, tỉnh Quảng-bình.

Trúng Hội vào hạng lấy rộng.

Sinh năm Tân-mùi (1871), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Hiện chức Ân-sát tỉnh Khánh-hòa.

ĐỖ-DƯƠNG-THANH ( 杜 楊 馨 )

Quán xã Đại-an, huyện Thượng-nguyên, tỉnh Nam-  
định.

Sinh năm Mậu-dần (1878), 24 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

VŨ-VĨ ( 武 建 )

Quán xã An-phú, huyện Lê-dương, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Bính-dần (1866), 36 tuổi.

Trúng Tú-tài.

Quan đến chức Tri-huyện huyện Quỳnh-lưu.

NGUYỄN-MẬU-HOÁN ( 阮 茂 煥 )

Quán xã Phú-cốc, huyện Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Đinh-sửu (1877), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Quan đến chức Đốc-học tỉnh Quảng-nam.

PHẠM-NGỌC-THỤY ( 范 玉 瑞 )

Tên cũ là Danh-Sắc ( 名 色 )

Quán xã Hành-thiện, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định.

Là con trai viên Cử-nhân Ngọc-Chất.

Sinh năm Tân-mùi (1871), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

NGUYỄN.XUÂN.THƯỜNG (阮春賞)

Quán xã Dương-liễu, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Canh-thân (1860), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Là con trai viên Cử-nhân Mỹ. Anh viên Cử-nhân Xưởng.

Hiện hàm Trước-tác, chức Giáo-thụ phủ Tư-nghĩa.

NGUYỄN.SINH.HUY (阮生輝)

Tên cũ là Sắc (色)

Quán xã Kim-liên, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Thi Hội trúng vào hạng lấy rộng.

Sinh năm Nhâm-tuất (1862), 40 tuổi.

• Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Chức Tri-huyện huyện Bình-khê, bị triết hồi.

NGUYỄN.DUY.THIỆN (阮惟善)

Quán xã Đa-nguru, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh.

Sinh năm Ất-sửu (1865), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-tý (1888).

PHAN.CHU.TRINH (潘周楨)

Quán xã Tây-lộc, huyện Hà-đông, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

## KHOA GIÁP-THÌN

Niên hiệu THÀNH-THÁI (成泰) thứ mười sáu (1904).

Quan đọc quyền :

Binh-bộ Thượng-thư, sung Cơ-mật đại-thần, Hồ-Lệ  
(胡麗)

Hộ bộ Thượng-thư sung Cơ-mật-viện-đại-thần, Hoàng-  
Côn (黃琨)

Quan duyệt quyền :

Quang-lộc-tự-khanh, lĩnh Lễ-bộ Thị-lang, Ngô-Huệ-  
Liên (吳惠連)

Quang-lộc-tự thiếu-khanh, lĩnh Hộ-bộ Lang-trung,  
Nguyễn-Quang (阮光)

Sắc ban Đệ-Nhị-Giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1 tên :

ĐẶNG-VĂN-THỤY (鄧文瑞)

Giáo-thụ phủ Diễn-châu.

Quán xã Nho-lâm, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.

Là thân-phụ các viên Phó-bảng Oánh và Tuân.

Thi Hội dự hạng thứ-trúng-cách.

Sinh năm Mậu-ngọ (1858), 47 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ (1882).

Hiện Chức Tế-tử trường Quốc-tử-giám.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng-Tiến-sĩ xuất-thân 5 tên :

TRẦN-QUÍ-CÁP (陳季玲)

Quán xã Bất-nhị, huyện Duyên-phúc, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Canh-ngọ (1870), 35 tuổi.  
Thượng-hạng học-sinh trúng Tú-tài.  
Chức Giáo-thụ phủ Ninh-hòa. Can tội nặng.

HOÀNG-KIÊM ( 黄 兼 )

Quán xã Hoàng-xá, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.  
Sinh năm Quý-dậu (1873), 31 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).  
Hiện Tri-phủ phủ Hà-thanh.

HUỶNH-THỨC-KHÁNG ( 黄 叔 抗 )

Hương-Nguyên, Hội-Nguyên.

Quán xã Thanh.bình, huyện Hà-đông, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Bình-tý (1876), 29 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).  
Can tội giao Đình nghị.

HỒ-SĨ-TẠO ( 胡 士 造 )

Giáo-thụ phủ Tuy-hòa

Quán xã Hòa-cư, huyện Tuy-viễn, tỉnh Bình-định.  
Sinh năm Kỷ-tý (1869), 36 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Tân-mão (1891).  
Chức Tri-huyện huyện Tân-định. Về bản quán. Gặp  
Đại tang. Can tội giao Đình nghị.

NGUYỄN MAI ( 阮 梅 )

Quán xã Tiên-diên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh.  
Sinh năm Bình-tý (1876), 29 tuổi.



Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Phó.Bảng 5 tên :

TA.THÚC-ĐÌNH ( 謝 叔 挺 )

Cha con đều đỗ đại khoa.

Quán xã Minh-hương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Là con trai viên Phó.bảng Thúc-Dĩnh.

Tự viên này trở xuống là thi Hội dự hạng thứ.trúng.

Sinh năm Canh-thìn (1880), 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).

Quan đến chức Thị-lang.

HOÀNG-VĂN-CU ( 黃 文 琚 )

Quán xã Vạn-lộc, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Canh-thân (1860), 45 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).

Hiện lĩnh chức Đốc-học tỉnh Nghệ-an.

NGUYỄN-ĐÌNH-TIẾN ( 阮 廷 薦 )

Quán xã Chát-long, huyện Phong-diễn, phủ Thừa-thiên.

Là em trai viên Cử-nhân Tinh. Anh ruột viên Cử-nhân Chi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).

Hiện chức Thị-lang bộ Hộ.

NGUYỄN-TU-TÀI ( 阮 思 再 )

Quán xã Trung-Cần, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Kỷ-ty (1869), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Giáp-ngọ (1894).

Hiện Tri.huyện huyện Phong-diễn.

THÂN-TRỌNG-NGẬT ( 申 仲 屹 )

Quán xã An-lỗ, huyện Phong-diễn, Phủ Thừa-thiên.

Là cháu nội viên Cử-nhân Dịch. Em trai viên Cử-nhân Cảnh. Cháu gọi viên Cử-nhân Tuấn bằng bác. Chú viên Cử-nhân Bình.

Sinh năm Đinh-sửu (1877), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).

Hiện Tri.huyện huyện Hoảng-hóa.

---

## KHOA ĐÌNH-MÙI

Niên hiệu THÀNH-THÁI (成泰) thứ mười chín (1907).

Kỳ thi Hội khoa này, vì viên Sử-quán Tổng-tài Cao-Xuân-Dục tâu xin, được Vua ưng cho các Cống-sĩ vào thi đóng vi lẫn lộn, chứ không chia vi giáp vi ất như trước (nguyên lệ trước : các Cống-sĩ quán tự tỉnh Quảng-bình trở về Nam thì vào vi giáp, các Cống-sĩ quán tự tỉnh Hà-tĩnh trở về Bắc thì vào vi ất).

Hạng trúng-cách 4 tên, hạng thứ trúng 6 tên. Bộ lại tâu xin 1 quyền thông 3 kỳ được 6 phân là Nguyễn-thạc-Tĩnh, và 2 tên đã dự thứ-trúng-cách kỳ thi Hội khoa trước là : Phan-Duy-Phổ, Đỗ-Văn-Toại, đều được cho vào dự thi Đình.

Quan đọc quyền :

Hiệp-biên-đại-học-sĩ, sung Sử-quán Tổng-tài, An-xuân-nam Cao-Xuân-Dục (高春育)

Hộ bộ Thượng-thư sung Cơ-mật-đại-thần Hoàng-Côn 黄琨

Quan duyệt quyền :

Hình-bộ Tham-tri Bùi-Xuân-Huyền (裴春烜)

Nội-các Tham-biên Tạ Hàm (謝涵)

Sắc ban Đệ-Nhi-Giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4 tên :

NGUYỄN-DUY-PHỒN (阮惟新)

Ông cháu anh em đều đỗ đại khoa

Quán xã Lý-hòa, huyện Bồ-trạch, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Ất-dậu (1885), 23 tuổi.

Trúng Cử-hân khoa Qui-mão (1903).

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Huân. Con trai viên Cử-nhân Miễn. Em trai viên Phó-bảng Thăng; viên Cử-nhân Cần và viên Tiến-sĩ Tích. Anh viên Phó-bảng Thiệu.

Hiện chức Tá-ly bộ Học.

LÊ-HOÀN (黎完)

Quán xã La-chủ, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Là con trai viên Cử-nhân Soạn.

Kỳ thi Hội dự thứ-trúng-cách.

Sinh năm Qui-dậu (1873), 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Hiện chức Bổ-chánh tỉnh Nghệ-an.

NGUYỄN-KHẮC-NIÊM (阮克拈)

Hội-Nguyên

Quán xã An-ấp, huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Bính-tuất (1886), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Hiện hàm Thừa-chỉ, sung chức Kiểm-giáo trường Quốc-tử-giám.

NGUYỄN-ĐỨC-LÝ (阮德理)

Quán xã An-tràng, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Giáp-tuất (1874), 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh tý (1900).

Hiện hàm Quang-lộc-tự Thiếu-khanh, lĩnh chức Đốc-học tỉnh Thanh-hóa.

Sắc ban Đệ-Tam-Giáp Đồng Tiến-sĩ-xuất-thân 3 tên .

TRẦN-ĐÌNH-TUẤN ( 陳 廷 俊 )

Sau đổi tên là Đình-Chu ( 廷 週 )

Quán xã Xuân-hồ, huyện Nam-dàn, tỉnh Nghệ-an.

Thi Hội dự hạng thứ-trúng-cách.

Sinh năm Tân.ty (1881), 27 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh.tý (1900).

Hiện chức Viên-ngoại bộ Hình.

LÊ-KHẮC-DOÃN ( 黎 克 九 )

Hương-Nguyên

Quán xã Liên-tri, huyện Ngọc-sơn, tỉnh Thanh-hóa.

Là con trai viên Cử-nhân Huy-Tiến.

Thi Hội dự hạng thứ-trúng-cách.

Sinh năm Kỷ.ty (1869), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Chưa kịp ra làm quan.

LÊ-CHÍ-TUẤN ( 黎 至 詢 )

Quán xã Lâm-xuân, huyện Tuyên-chánh, tỉnh Quảng-bình.

Là con trai viên Cử-nhân Chí-Thức.

Sinh năm Tân.mùi (1871), 37 tuổi.

Thượng-hạng Âm-sinh, trúng Tú-tài.

Hiện chức Thị-lang bộ Binh.

Phó-Bảng 6 tên :

NGUYỄN-THỨC-DOANH (阮叔营)

Quán xã Xuân-liễu, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Thúc-Kiều.

Tự đây trở xuống, là hạng thứ-trúng-cách thi Hội.

Sinh năm Bình-tý (1876), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Hiện chức Án-sát tỉnh Quảng-trị.

ĐỖ-VĂN-TOẠI (杜文燧)

Quán xã Nguyệt-mại, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

Nguyên ông đã trúng hạng thứ-trúng-cách khoa Giáp-thìn (1904), nhưng vừa xuất bảng xong thì ông gặp đại-tang! Xin cáo. Khoa này được vào dự Điện-thí.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

NGUYỄN-VĂN-THÀNH (阮文成)

Quán xã Thức-vụ, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

PHAN-THIỆN-NIỆM (潘善念)

Quán xã Quả-linh, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

Sinh năm Kỷ-ty (1869), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Là cháu nội viên Cử-nhân Lịch.

NGUYỄN - THẠC - TÍNH (阮頌性)

Quán xã Xuân-la, huyện Nam-dàn, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Đinh-sửu (1877), 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Hiện Tri-phủ phủ Đức-thọ.

PHAN - DUY - PHỒ (潘惟溥)

Quán xã Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Ất-mão (1855), 53 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ (1882).

Nguyên ông đã trúng thử-trúng-cách khoa Ất-dậu (1885), song chưa kịp yết bảng, bỗng có biến! Khoa này chuẩn cho vào Điện-thí ông lại trúng.

Là con trai viên Cử-nhân Duy-Thanh. Anh trai các viên Cử-nhân Khang và Huệ.

## KHOA CANH - TUẤT

Niên hiệu DUY - TÂN (維新) thứ bốn (1910)

Lệ thi khoa này đời định như sau :

Kỳ đệ nhất, thi 10 đạo văn-sách (5 bài Kinh, 2 bài Truyện, 2 bài Bắc-sử và một bài Nam-sử).

Kỳ đệ nhị, thi một bài Chiếu hoặc bài Dụ, và 1 bài Sơ tấu, 1 bài văn Biếu, đều dùng lối văn kim.

Kỳ đệ tam, thi 1 bài Luận chữ nho, và 2 bài Luận quốc-ngữ (đầu bài ra bằng chữ nho, văn thì làm bằng quốc-ngữ).

Kỳ đệ tứ, thi 10 đạo Văn-sách (2 bài hỏi về sử Thái-tây, 2 bài Cách-trí, 2 bài Địa-dư nước nhà, 2 bài hỏi về nhân-vật nước nhà, và 2 bài hỏi về thời-sự).

Các cống-sĩ thi kỳ thi đệ - nhất và đệ - tứ, mỗi kỳ làm được 6 bài là đủ lệ (kỳ đệ nhất 2 bài Kinh, 2 bài Truyện, 1 bài Bắc-sử và 1 bài Nam-sử. Kỳ đệ-tứ, sử Thái-tây, Cách-trí, Địa-dư, nhân-vật, mỗi thứ 1 bài và 2 bài thời - sự).

Nếu viên nào mỗi kỳ làm đủ cả 10 bài càng hay, hoặc 7, 8 bài cũng được.

Khi chấm phê, đời phân ra điểm : Kể tự số không đến số 20 điểm, quyền nào 10 điểm trở lên là hạng trúng, quyền nào 9 điểm trở xuống là hạng rớt.

Viên nào trong kỳ đệ-nhất và đệ-nhị, có một kỳ được 10 điểm trở lên cũng còn được vào dự kỳ đệ-tam. Lại trong 3 kỳ có 2 kỳ được 10 điểm trở lên, mới được vào dự kỳ đệ-tứ.

Kỳ đệ - tam viết riêng bài Luận chữ Nho ra 1 quyền.



bài Luận chữ quốc-ngữ ra 1 quyển bằng giấy tây. Sau khi nộp quyển do Viện Đê-tuyền soạn cùng một hiệu: Như quyển chữ nho đánh số « Giáp nhất hiệu », thì quyển quốc-ngữ cũng biên « Giáp nhất hiệu », rồi mới rọc phách cả.

Quyển chữ nho, chiếu lệ các khoa trước, cũng do các viên Đại-phòng viết ngay ngắn phân minh ra, rồi đệ giao các quan trường chấm.

Quyển quốc-ngữ đề nguyên, không phải sao ra quyển khác như chữ nho, giao ngay các quan trường chấm. Khi quan trường trong và trường ngoài chấm xong, giao Viện Đê-tuyền đối chiếu hợp phách, rồi đem cả 2 quyển (chữ nho và chữ quốc-ngữ) đệ sang quan trường ngoài kiểm lại:

Quyển nào bài chữ nho được 13 điểm trở lên, mà bài quốc-ngữ được 7 điểm trở lên. Hoặc quyển nào bài chữ nho được 7 điểm trở lên, mà bài quốc-ngữ được 13 điểm trở lên, mới được cộng lại rồi phân đôi thành số 10 điểm trở lên, và là hạng trúng.

Nếu quyển nào một bài chữ nho hay quốc-ngữ, tuy được nhiều điểm (từ 13 đến 20 điểm), mà một bài kia không được 7 điểm, cũng là hạng rớt.

Viên nào trong 4 kỳ hoặc 3 kỳ, đều được dự hạng 10 điểm trở lên, mà tình nguyện thi chữ Pháp, thì thi riêng một kỳ.

Phép thi chữ Pháp: Thi 1 bài chữ Pháp dịch ra quốc-ngữ, đầu bài do tòa Khâm-sứ ra, đệ sang quan trường chuyên giao cho các Cống-sĩ mỗi viên một tờ, theo đó dịch xong nộp quyển, giao viện Đê-tuyền đánh số rọc phách. Lại chọn một viên quan Nam là hạng đương quan am hiểu chữ Pháp đề chấm, chấm xong chuyên giao quan trường nhận xét. Lối chấm phê cũng lấy tự số không

đến số 20 điểm làm hạn. Nhưng chỉ kể số lẻ thôi. Đại-khái như 11 điểm thì chỉ kể là 1 điểm.

Viên nào không muốn thi chữ Pháp cũng được, không bắt ép.

Viên nào thông 4 kỳ cộng được 40 điểm trở lên, hoặc 3 kỳ cộng được 44 điểm trở lên (không kể có thi chữ Pháp hay không, và quyền có tình nguyện thi chữ Pháp cũng không căn cứ có điểm hay không), và viên nào 3 kỳ được 30 điểm trở lên, cộng với điểm số lẻ kỳ thi chữ Pháp mà được 41 điểm trở lên. Thấy đều là hạng trúng, do quan trường chiếu lệ yết bảng, sẽ nhất luật vào dự kỳ Điện-thí, chứ không chia riêng ra hạng chánh-trúng và phó-trúng-cách.

Kỳ Điện-thí cũng phê điểm tự số 1 đến 20 điểm là hạn. Duy kỳ Điện - thí so với kỳ thi Hội có phần long trọng hơn, đầu bài cũng khó khăn hơn, cho nên đặc cách gia hậu. Như 1 điểm lại được thêm 1 điểm thành 2 điểm, hai điểm lại được thêm 2 điểm thành 4 điểm, cứ theo thế mà tính. Nếu quyền nào không được 1 điểm, hoặc nửa điểm là hạng rớt.

Ngoài ra cứ tính thông cả các kỳ Hội và kỳ Điện-thí, hợp cộng lại rồi chia làm 6 thành. Viên nào mỗi thành được 20 điểm, thì cho trúng Đệ-nhất-giáp Tiến-sĩ-cấp-đệ đệ-nhất-danh (Trạng-nguyên).

Viên nào mỗi thành được 18, 19 điểm, thì cho trúng Đệ-nhất-giáp Tiến-sĩ-cấp-đệ đệ-nhi-danh (Bảng-nhơn).

Viên nào mỗi thành được 16, 17 điểm thì cho trúng Đệ-nhất-giáp Tiến-sĩ-cấp-đệ đệ-tam-danh (Thám-hoa).

Viên nào mỗi thành được 13, 14, 15 điểm, thì cho trúng **Đệ-nhi-giáp Tiến-sĩ-xuất-thân (Hoàng-giáp)**.

Viên nào mỗi thành được 10 điểm hoặc 11, 12 điểm, thì cho trúng **Đệ-tam-giáp đồng Tiến-sĩ-xuất-thân (Tiến-sĩ)**.

Viên nào mỗi thành được tự 7 điểm đến 9 điểm, thì đặt vào hạng **Phó-bảng**.

Cách cộng chia điểm như sau :

Dã linh thi Hội kỳ đệ-nhất 12 điểm, kỳ đệ-nhi 18 điểm, kỳ đệ-tam không điểm, kỳ đệ-tứ 14 điểm, thế là 3 kỳ cộng 44 điểm, kỳ Điện-thi 1 điểm, được thêm 1 điểm. Hợp cộng 46 điểm, chia làm 6 thành, mỗi thành được 7 điểm thừa 4. Là hạng **Phó-bảng**.

Quyền nào kỳ đệ nhất 15 điểm, kỳ đệ nhị không điểm, kỳ đệ tam 15 điểm, kỳ đệ tứ 10 điểm, kỳ chữ Pháp lấy số lẻ được 1 điểm, thế là 41 điểm, kỳ Điện-thi 5 điểm, được thêm 5 điểm. Hợp cộng 51 điểm, chia làm 6 thành, mỗi thành được 8 điểm thừa 3 điểm. Cũng là **Phó-bảng**.

Quyền nào thi Hội kỳ đệ-nhất 15 điểm, kỳ đệ-nhi 13 điểm, kỳ đệ-tam 12 điểm, kỳ đệ-tứ 10 điểm, thế là 4 kỳ 50 điểm, kỳ Điện-thi 6 điểm, thêm 6 điểm. Hợp cộng 62 điểm, chia làm 6 thành, mỗi thành được 10 điểm thừa 2 điểm. Là trúng **Tam-giáp-đồng-Tiến-sĩ**.

Quyền nào thi Hội kỳ đệ-nhất 18 điểm, kỳ đệ-nhi 14 điểm, kỳ đệ-tam 15 điểm, kỳ đệ-tứ bất-cập, kỳ chữ Pháp lấy số lẻ được 8 điểm, thế là 55 điểm, kỳ Điện-thi 12 điểm, thêm 12 điểm. Hợp cộng 79 điểm, chia làm 6 thành, mỗi thành được 13 điểm thừa 2 điểm. Là trúng **Nhi-giáp**

Tiến-sĩ. Ngoài ra cứ theo thể mà tính.

Còn những quyền 3 kỳ Hội dự có số điểm, hoặc 3 kỳ hợp cộng với điểm số lẻ kỳ chữ Pháp, mà chiếu lệ không được dự hạng trúng-cách, đều gọi là hạng « điểm số ».

Số tiền phụ cấp các quan trường và các viên Lại-phòng cũng nghị tăng gấp đôi : Như viên chủ-khảo lệ cũ cấp 10\$00 thì khoa này cấp 20\$00 v.v...

Lại thêm 2 viên Kiểm-đọc, chọn trong các vị khoa mục quan ngũ lục phẩm mà am hiểu quốc-ngữ, để đọc quốc-ngữ cho các quan Ngoại-tràng định điểm.

Còn các khoản khác đều theo lệ cũ.

Quan đọc quyền :

Hiệp-biện-đại-học-sĩ, lĩnh Hộ-bộ Thượng-thư, sung phụ Chánh-phủ đại-thần Hoàng-Côn ( 黄琨 ); Hiệp-biện-đại-học-sĩ, lĩnh Nam-nghĩa Tổng-đốc, Hồ-Đắc-Trung ( 胡得忠 ).

Quan duyệt quyền :

Lễ bộ Thị-lang Mai-Dực ( 枚昱 )  
Thừa-thiên Phủ-doãn Từ-Thiếp ( 徐涉 )

Sắc ban Đệ-tam-giáp Đồng-tiến-sĩ-xuất-thân 4 tên :

VƯƠNG-HỮU-PHU ( 王有桴 )

Tên cũ là Đình-Thụy ( 廷瑞 )

Hội-nguyên, Đình-nguyên.

Anh em đều đỗ đại khoa.

Quán xã Vân-son, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Khôn. Cháu nội viên Cử,

nhân Toại. Em viên Phó-bảng Trần. Em họ các viên Cử-nhân Quí và Chánh.

Sinh năm Tân-ty (1881), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quí-mão (1903).

Hiện chức Thừa-chỉ theo học trường Hậu-bồ.

NGUYỄN-HÀM (阮謙)

Quán xã An-cư, huyện Thuận-xương, tỉnh Quảng-trị.

Là con trai viên Cử-nhân Bình. Cháu nội viên Cử-nhân Điều.

Sinh năm Nhâm-ngọ (1882), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-ngọ (1906).

Hiện chức Thừa-chỉ theo học trường Hậu-bồ.

NGUYỄN-SĨ-GIÁC (阮士毅)

Ông cháu đều đỗ đại khoa

Quán xã Kim-lũ, huyện Thanh-trị, tỉnh Hà-đông.

Sinh năm Mậu-tý (1888), 23 tuổi.

Thượng hạng Ấm-sinh trúng Tú-tài.

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Trọng-Hợp. Chắt nội viên Cử-nhân Cự. Con trai viên Cử-nhân Duy-Nhiếp. Cháu gọi viên Cử-nhân Duy-Môn bằng bác.

BÙI-HỮU-TỤY (裴有萃)

Quán xã Thanh-thủy, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Đinh-mão (1867), 44 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện Thừa-chỉ Thừa-biện Bộ-học.

Phó-Bảng 19 tên :

NGUYỄN-QUÝNH ( 阮 道 )

Thông-sự tòa sứ Nghệ-an.

Quán xã Kiệt-thạch, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh.

Là con trai viên Cử-nhân Liên. Em trai các viên Cử-nhân Cận, Lượng, Quý, và viên Tiến-sĩ Sinh.

Sinh năm Kỷ-mão (1879), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện Tri-huyện huyện Nam-đàn.

TRƯƠNG-TRUNG-THÔNG ( 張 中 通 )

Quán xã Đan-chế, huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 39 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Hiện hàm Tu-soạn, chức Thừa-biện bộ Công.

LÊ-TRỌNG-PHAN ( 黎 仲 璠 )

Quán xã Xuân-liễu, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Cử-nhân Tiệp.

Sinh năm Tân-ty (1881), 30 tuổi.

Thượng hạng Ấm-sinh, Trúng Tú-tài.

Hiện hàm Trước-tác, theo học trường Hậu-bổ.

NGUYỄN-XUÂN-ĐÀM ( 阮 春 覃 )

Tên cũ là Dục ( 毓 )

Quán xã Nguyệt-viên, huyện Hoảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

Sinh năm Mậu-dần (1878), 33 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).  
Hiện Tri-phủ phủ Diên-châu.

NGUYỄN-THÚC-HIÊN (阮叔軒)

Quán xã Phú-hậu, huyện An-thành, tỉnh Nghệ-an.  
Sinh năm Canh-thìn (1880), 31 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).  
Hiện hàm Trước-tác, chức Thừa-biện bộ Công.

NGUYỄN-CỪ (阮槩)

Ông cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã Thịnh-lạc, huyện Nam-dân, tỉnh Nghệ-an.  
Sinh năm Giáp-tuất (1874), 37 tuổi.  
Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).  
Hiện chức Thừa-biện bộ Hộ.

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Thái. Em viên Cử-nhân Vinh.

TÔN-THẮT-CHỦ (尊室渚)

Tư-vụ bộ Hình

Bác cháu đều đỗ đại khoa.

Hệ thứ 9.

Là cháu gọi viên Phó-bảng hàm Hiệp-tá Thiềm bằng bác. Anh viên Cử-nhân hàm Trước-tác Huy.

Sinh năm Tân-ty (1881), 30 tuổi.

Thượng hạng Tôn-sinh, trúng Tú-tài.

Hiện Bổ-chánh tỉnh Hà-tĩnh.

HOÀNG-TĂNG-BÍ ( 黄 增 贲 )

Thế khoa.

Quán xã Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-đông.

Sinh năm Tân-ty (1881), 30 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Trương-Hiệp. Chắt nội viên Hoàng-giáp Tế-Mỹ, Cháu năm đời viên Tiến-sĩ Xuân-Thự đời Cổ Lê.

LÊ-XUÂN-MAI ( 黎 春 梅 )

Quán xã Phú-hậu, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Giáp-tuất (1874), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-dậu (1897).

Hiện chức Thừa-biện bộ Lại.

PHAN-VŨ ( 潘 禹 )

Hương-Nguyên

Quán xã Thái-xá, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Kỷ-sửu (1889), 22 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện Đốc-học tỉnh Phú-an.

BÙI - KỶ ( 裴 杞 )

Thế khoa

Quán xã Châu-cầu, huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-nam.

Là con trai viên Tiến-sĩ Thức. Cháu nội viên Phó-



bảng Quế. Cháu gọi viên Tiến-sĩ Ân-Niên (tên cũ là Di) bằng bác họ.

Sinh năm Mậu-tý (1888), 23 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỹ-dậu (1909).

ĐÀO - VĂN - HUÂN (陶文勳)

Quán xã Thịnh-quả, huyện La-son, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Canh-thân (1860), 51 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỹ-dậu (1909).

Hiện hàm Trước-tác, chức Thừa-biện bộ Học.

NGUYỄN - VĂN - THÔNG (阮文通)

Sau đổi tên là Thúc-Hội (叔會)

Quán xã Thanh-lương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Quý-mùi (1883), 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỹ-dậu (1909).

Hiện hàm Trước-tác, theo học trường Hậu-bổ.

NGÔ - ĐÌNH - CHÍ (吳廷誌)

Hàm Biên-tu, chức Hành-tầu bộ Lại.

Quán xã Thịnh-mỹ, huyện Lôi-dương, tỉnh Thanh-hóa.

Sinh năm Bính-dần (1866), 44 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-ngọ (1906).

Chức Tri-phủ, Hồi hưu.

VŨ - HÀNH (武 衡)

Hương - nguyên

Quán xã Long-phúc, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-nam.

Sinh năm Nhâm-ngọ (1882), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Qui-mão (1903).

Hiện Tri-phủ phủ Hàm-thuận.

NGUYỄN - TIẾN - KIÊM (阮 進 兼)

Quán xã Tuần-trọng, huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Giáp-tuất (1874), 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện chức Hành-tầu bộ Học.

NGUYỄN - DUY - THIỆU (阮 惟 勳)

Ông cháu, anh em đều đỗ đại khoa

Quán xã Lý-hòa, huyện Bồ-trạch, tỉnh Quảng-bình.

Sinh năm Bính-tuất (1886), 25 tuổi.

Ấm-sinh thưởng hàm Điền-tịch, trúng Tú-tài.

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Huân. Con trai viên Cử-nhân Miễn. Em trai viên Phó-bảng Thăng; Cử-nhân Cần; Tiến-sĩ Tích và Hoàng-giáp Phồn.

Hiện hàm Thừa-chỉ, theo học trường Hậu-Bồ.

LÊ - HY - ĐỔ (黎 希 杜)

Quán xã Xuân-hòa, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Mậu-thìn (1868), 43 tuổi.

**Thượng hạng học-sinh trúng Tú-tài.**

**Hiện chức Thừa-biện Phụ-chánh-phủ.**

**HOÀNG - TRỌNG - ĐÀI (黃仲臺)**

**Quán xã Văn-la, huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình.**

**Là con trai viên Cử-nhân hàm Hiệp-biện Vĩ.**

**Sinh năm Mậu-tý (1888), 23 tuổi.**

**Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).**

---

## KHOA QUÍ - SỬU

Niên hiệu DUY - TÂN ( 維新 ) thứ bảy (1913)

Khoa này tên trúng thứ 6 trong kỳ Hội là Đinh-Văn-Chấp, thông 3 kỳ Hội được 38 điểm, số linh kỳ chữ Pháp được 8 điểm. Thế là chiếu theo lệ cũ 3 kỳ . . . . . điểm (nguyên lệ 3 kỳ 40 điểm), mà kỳ chữ Pháp hơn 7 điểm nguyên lệ . . . . . linh điểm . . . . . ), do Phủ xin gia ân cho trúng cách, được Vua chuẩn y.

Các Cống-sĩ làm văn thi kỳ đệ-nhất và đệ-tứ, đổi dùng 5 đạo Văn-sách thôi (nguyên lệ trước, kỳ đệ-nhất 6 đạo văn-sách, trong đó 2 đạo về Truyện. Nay đổi dùng 5 đạo, chỉ 1 đạo Truyện thôi. Kỳ đệ tứ 6 đạo Văn-sách, trong đó 2 đạo về thời-sự. Nay đổi dùng 5 đạo, chỉ 1 đạo thời-sự thôi).

Nguyên lệ trước, đầu bài luận quốc-ngữ ra bằng chữ Hán. Nay Tòa Khâm-sứ bàn xin ra đầu bài cũng bằng quốc-ngữ.

Còn các khoản khác, đều theo lệ khoa trước.

Duy lệ trước, 2 viên Đồng-khảo (một viên Nam một viên Bắc), cùng chấm bài cùng ký tên một lúc. Khoa này mỗi viên chấm một lúc, ký tên riêng.

Kỳ chữ Pháp phái quan Đại-pháp chấm phê, rồi giao quan trường nhận xét.

Quan đọc quyển :

Lễ bộ Hiệp-biện, sung Phụ-chánh-phủ Đại-thần Mỹ-hòa tử Hoàng-Côn ( 黃琨 ); Hộ bộ Tham-tri Cao-Xuân-Tiểu ( 高春肖 ).

Quan duyệt quyền :

Hồng-lô-tự-khanh, Biện-lý Học bộ, Nguyễn-Thiện-Hành  
( 阮善行 )

Quang-lộc-tự-thiếu-khanh, lĩnh Phụ-chánh-phủ Viên-  
ngoại Phạm-Liệu ( 范燎 ).

Sắc ban Đệ-nhi-giáp Tiến-sĩ-xuất-thân 1 tên :

ĐINH-VĂN-CHẤP ( 丁文執 )

Thế-khoa

Quán xã Kim-khê, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an.

Là con trai viên Tiến-sĩ Chắt. Chắt nội viên Tiến-sĩ  
Phác.

Sinh năm Quý-ty (1893), 21 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).

Hiện Đốc-học tỉnh Quảng-nam.

Sắc ban Đệ-tam-giáp Đồng Tiến-sĩ-xuất-thân 5 tên :

VŨ-NHỊ-CÁT ( 武二吉 )

Hành-tâu bộ Lại.

Quán xã Trúc-lâm, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên.

Sinh năm Ất-dậu (1885), 29 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).

Hiện chức Lang-trung bộ Học.

NGUYỄN-VĂN-GIÁ ( 阮文價 )

Huấn-đạo huyện Phú-vinh.

Quán xã Tri-lễ, huyện Lương-son, tỉnh Nghệ-an.

Sinh năm Nhâm-thân (1872), 42 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Hiện chức Viên-ngoại bộ Hình.

MAI-HỮU-DỤNG ( 枚 有 用 )

Quán xã Nga-lộ, huyện Nga-sơn, tỉnh Thanh-hóa.

Sinh năm Tân-mùi (1871), 43 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Chức Ngự-sử.

PHAN-HUY-TÙNG ( 潘 輝 松 )

Hội-Nguyên.

Huấn-đạo huyện Đông-sơn

Quán xã Canh-hoạch, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh.

Sinh năm Mậu-dần (1878), 36 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Hiện chức Lang-trung bộ Hình.

PHẠM-HỮU-VĂN ( 范 友 文 )

Quán xã Nam-trung, huyện Phú-vinh, phủ Thừa-thiên.  
(nguyên người tỉnh Gia-định).

Sinh năm Nhâm-ngọ (1882), 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).

Hiện Tri-phủ phủ Tĩnh-gia.

Phó.Bảng 4 tên :

VŨ-XUÂN-TÂM ( 武 春 心 )

Quán xã Định-hương, huyện Kim-sơn, tỉnh Ninh-

binh.

Sinh năm Nhâm.thân (1872), 42 tuổi

Trúng Cử.nhân khoa Kỹ.dậu (1909).

ĐỖ.XUÂN.PHONG ( 杜 春 豐 )

Quán xã Đoán-quyết, huyện Thụy-nguyên, tỉnh Thanh.hóa.

Sinh năm Đinh.sửu (1877), 37 tuổi.

Trúng Cử.nhân khoa Nhâm.tý (1912).

Hiện Tri.huyện huyện Đức.phồ.

PHAN-SĨ.BÀNG ( 潘 仕 傍 )

Ông cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã Vũ-liệt, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ.an.

Là cháu nội viên Tiến.sĩ Thục. Con trai viên Cử.nhân Ngạc. Cháu gọi các viên Cử.nhân Trâm, Cơ và Bằng là bác.

Sinh năm Kỷ.sửu (1889), 25 tuổi.

Trúng Cử.nhân khoa Nhâm.tý (1912).

Hiện chức Giáo.thụ.

LÊ.KINH.THIÊN ( 黎 經 淺 )

Quán xã An.ấp, huyện Hương.son, tỉnh Hà.tĩnh.

Là con trai viên Cử.nhân Kinh.Y. Cháu nội viên Cử.nhân Kinh.Hợp.

Sinh năm Bình.tuất (1886), 28 tuổi.

Trúng Cử.nhân khoa Nhâm.tý (1912).

Hiện chức Thừa.phái.

## KHOA BÌNH-THÌN

Niên hiệu KHẢI-ĐỊNH ( 啟 定 ) thứ nhất (1916)

Khoa này quyền Nguyễn.Cần-Mộng đã rút kỳ thi Hội. Được Vua xuống dụ rằng : Văn-lý có thể lấy được. Gia ân lấy rộng thêm vào hạng trúng-cách thứ 12. Nguyên quyền trúng-cách thứ 12 là Nguyễn-Đức-Vận số điểm hơi kém, nay đặt xuống thứ 13. Quan trường tuân theo một lần.

Quan đọc quyền :

Lễ bộ Hiệp-tá Hoàng.Côn ( 黃 琨 )

Bình-phủ Tổng-đốc Hoàng-Quảng-Phu ( 黃 廣 毅 )

Quan duyệt quyền :

Thị-lang Nguyễn-Văn-Lý ( 阮 文 理 )

Tá-lý Lê-Chí-Tuân ( 黎 至 詢 )

Sắc ban Đệ-nhi-giáp Tiến-sĩ-xuất-thân 1 tên :

TRỊNH-THUẦN ( 鄭 純 )

Quán thôn Ích-hạ, tỉnh Thanh-hóa. 38 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện Giáo-thụ phủ Hưng-nguyên.

Sắc ban Đệ-tam-giáp Đồng Tiến-sĩ-xuất-thân 6 tên :

NGUYỄN-XUÂN-ĐÀN ( 阮 春 檀 )

Hội-Nguyên.

Quán xã Thịnh-xá, tỉnh Hà-Tĩnh. 24 tuổi.

Là con trai viên Cử-nhân Xuân-Đê.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).



Hiện Trợ-giáo trường Quốc-tử ; Đốc-học tỉnh Quảng-bình.

ĐINH-LOAN-TƯỜNG ( 丁 鸞 翔 )

Quán xã Ngọc-đoài, tỉnh Nghệ-an, 31 tuổi. Tri-huyện huyện Đại-lộc.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1915).

Là con trai viên Cử-nhân Luyện. Em trai Cử-nhân Đĩnh.

Hiện Thừa-phái bộ Lại.

BÙI-BẮNG-THUẬN ( 裴 鵬 順 )

Ông và cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã Liên-bạt-Chù, tỉnh Hà-đông, 34 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Bình-ngọ (1906).

Là cháu nội viên Tiến-sĩ Bùi-Tuấn. Anh ruột viên Cử-nhân Bắng-Đoàn.

Hiện Nghị-viên Tòa Bồi-thẩm.

NGUYỄN-HUY-NHU ( 阮 輝 濡 )

Quán xã Vạn-lộc, tỉnh Nghệ-an, 30 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện Giáo-thụ phủ Quảng-hóa.

LÊ-KHẮC-KHUYẾN ( 黎 克 勸 )

Quán xã Nguyệt-viên, tỉnh Thanh-hóa, 38 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909). Hiện chức Hành-tậu bộ Học.

NGUYỄN-NGOC-TOẢN (阮玉瓚)

Quán xã Đan-sa, tỉnh Quảng-bình. 29 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912). Chức Tri-phủ phủ Duyên-khánh.

Phó-Bảng 6 tên :

NGUYỄN-CAN-MỘNG (阮玗夢)

Quán xã Hoảng-nông, tỉnh Thái-bình. 32 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).

Hiện Huấn-đạo huyện Ý-yên.

LÊ-TIẾN-PHÙNG (黎進逢)

Hương-Nguyên

Quán xã Thanh-hà, phủ Thừa-thiên. 36 tuổi. Trúng Giải-nguyên khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện chức Hành-tầu viện Cợ-mật.

LÂM-HỮU-LẬP (林有立)

Quán xã Đại-an, tỉnh Nam-định. 40 tuổi. Trúng Cử-nhân khoa Canh-tý (1900).

Hiện Huấn-đạo trường Qui-thức.

CHU-THIỆN-SỰ (朱善事)

Quán xã Long-ân-Trung, tỉnh Nghệ-an. 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Quý-mão (1903).

Hiện chức Kinh-lich tỉnh Thanh-hóa.

NGUYỄN-TRỌNG-TĨNH (阮仲靜)

Quán xã Long-hòa, tỉnh Gia-định. 26 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất.mão (1915).

Hiện Tri-huyện huyện Hương-sơn.

NGUYỄN-ĐỨC-VẬN ( 阮 德 運 )

Quán xã Hoàn-sơn, tỉnh Nghệ-an. 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm.tý (1912).

Hiện chức Hành.tầu bộ Binh.

---

## KHOA KỶ-MÙI

Niên hiệu KHÁI-ĐỊNH ( 啟 定 ) thứ bốn (1919)

Phép thi khoa này nghị đổi như sau :

Kỳ đệ-nhất, thi 5 đạo văn-sách : 1 đạo hỏi về Kinh ; 1 đạo truyện ; 1 đạo thời sự ; 1 đạo Nam-sử và 1 đạo sử Thái-tây.

Kỳ đệ-nhị, thi 1 bài Chiếu, 1 bài Biếu và 1 bài về loại Công-văn.

Kỳ đệ-tam, thi 2 bài Toán, 1 bài Luận quốc-ngữ đặt thành câu hỏi.

Kỳ đệ-tứ, thi 1 bài quốc-ngữ dịch ra chữ Pháp, 1 bài chữ Pháp dịch ra chữ Hán, và 1 bài luận chữ Pháp.

Quyền nào 4 kỳ hoặc thông 3 kỳ cộng được 40 điểm trở lên là trúng cách (kỳ chữ Pháp 1 điểm trở lên đều được kể là số điểm: Không như khoa trước, chỉ được kể số lẻ thôi).

Có 5 quyền : Hoàng-Yên ; Dương-Thiệu-Tường ; Vũ-Khắc-Triển ; Đặng-văn-Oánh và Nguyễn-Ngọc-Hoàng, thi Hội không đủ điểm, quan trường đã cho vào hạng bị rớt. Nhờ Hoàng-Thượng gia ân lấy thêm, được vào dự kỳ Điện-Thí.

Khoa này là khoa thi cuối cùng, các sĩ-nhân Tú-tài nào do quan đầu Tỉnh sát hạch, mà có học lực, sẽ làm tờ tâu xin, đều được dự thi.

Kỳ Điện-thí chính Vua ra đề tài. Tùy theo văn-lý kỳ này mà định thứ bậc, chứ không căn cứ vào số điểm các kỳ thi Hội.

Quan đọc quyền :

An-tĩnh Tổng-đốc Trần-Tiến-Hối ( 陳 踐 誨 )

Công-bộ Tham-tri Nguyễn-Duy-Tích ( 阮 惟 勳 )

Quan duyệt quyền :

Lại-bộ-Thị-lang Nguyễn-Đình-Hiến ( 阮 廷 獻 )

Quảng-trị Án-sát Nguyễn-Thúc-Doanh ( 阮 叔 營 )

Sắc ban Đệ-tam-giáp Đồng Tiến-sĩ-xuất-thân 7 tên :

NGUYỄN-PHONG-DI ( 阮 豐 貽 )

Sĩ-tử.

Quán xã Nguyệt-viên, tỉnh Thanh-hóa, 31 tuổi.

Lục-sự tòa Khâm-sứ.

TRINH-HỮU-THĂNG ( 鄭 有 升 )

Ngu tại phố Định-tả, tỉnh Nam-định, 35 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Là con trai viên Cử-nhân Quang-Chiều.

Em trai viên Cử-nhân Hữu-Phu.

Hiện Thừa-phái viện Cơ-mật.

LÊ-VĂN-KÝ ( 黎 文 紀 )

Kinh Y-viện Phó.

Quán thôn Lạc-Thiện, tỉnh Hà-tĩnh, 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1918).

Là con trai viên Cử-nhân Văn-Uyên. Châu gọi viên Cử-nhân Văn-Thống bằng bác.

NGUYỄN-CAO-TIÊU ( 阮 高 標 )

Giáo-thụ lĩnh Huấn-đạo huyện Hoảng-hóa.

Hương-Nguyên ; Hội-Nguyên.

Quán xã Bản-thủy, tỉnh Thanh-hóa. 33 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Ất.mão (1915).

Hiện Chức Nhập-các tòa Khâm-sứ.

BÙI-HỮU-HUU ( 裴 有 麻 )

Anh em đỗ đồng khoa.

Quán xã An-ninh-Thượng, phủ Thừa-thiên. 40 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỷ-dậu (1909).

Là anh trai viên Phó-bảng Thứ.

Vua ban chức Nhập-các.

VŨ-KHẮC-TRIỀN ( 武 克 展 )

Lục-sự tòa Khâm-sứ.

Quán xã Mỹ-lộc tỉnh Quảng-bình. 37 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).

Hiện Tri-huyện huyện Đồng-xuân.

DƯƠNG-THIỆU-TƯỜNG ( 楊 紹 祥 )

Bác cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã Văn-đình, tỉnh Hà-đông. 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất.mão (1915),

Là cháu gọi viên Tiến-sĩ Khuê bằng ông bác. Cháu  
nội viên Giải-nguyên Lâm. Con trai viên Cử-nhân Phan.

Hiện Thừa-phái viện Cơ-mật.

Phổ.Bảng 16 tên :

NGUYỄN-XUÂN-ĐÀM ( 阮 春 談 )

Quán xã Quần-ngọc, tỉnh Hà-tĩnh. 31 tuổi.

Trúng Tú-tài, Giáo-sư.

Hiện chức Thừa-phái viện Cơ-mật.

BÙLHỮU-THỨ ( 裴 有 庶 )

Anh em đồ đồng khoa.

Quán xã An-ninh-Thượng, phủ Thừa-thiên. 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Kỹ-dậu (1909).

Là em trai viên Tiến-sĩ Hưu.

Hiện Thừa-phái bộ Lại.

CHU-VĂN-QUYỀN ( 朱 文 權 )

Quán xã An-lai, phủ Thừa-thiên. 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Đinh-mão (1915).

Chức Thừa-phái bộ Hộ.

MAI-DUYÊN ( 枚 沿 )

Chú cháu đều đồ đại khoa.

Quán xã Hậu-đàm, tỉnh Thanh-hóa. 28 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1918).

Cháu gọi viên Thám-hoa Anh-Tuấn bằng ông bác.

Hiện Thừa-phái bộ Lễ.

PHẠM-ĐÌNH-LONG ( 范 廷 龍 )

Quán xã An-tây, tỉnh Quảng-nam. 25 tuổi. Tú-tài.

Hiện Thừa-phái bộ Lễ.

**ĐẶNG-VĂN-OÁNH ( 鄧文榮 )**

Cha con đều đỗ đại khoa.

Anh em đỗ đồng khoa.

Quán xã Nho-lâm, tỉnh Nghệ-an. 34 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).

Là con trai viên Hoàng-giáp Đoạn. Anh ruột viên Phó-bảng Hương.

Hiện chức Giáo-thụ phủ An-nhân.

**TRẦN-NGUYỄN-TRINH ( 陳元貞 )**

Quán xã Đông-tháp, tỉnh Nghệ-an. 39 tuổi. Tú-tài.

Hiện Thừa-phái bộ Binh.

**LÊ-NGUYỄN-LƯỢNG ( 黎元亮 )**

Cha con đều đỗ đại khoa.

Quán xã Xuân-thành, tỉnh Quảng-trị. 25 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Ất-mão (1915).

Là con trai viên Tiến-sĩ Phát. Anh ruột viên Cử-nhân Phả.

Hiện theo Hậu-bồ.

**NGUYỄN-HÀ-HOÀNG ( 阮何宏 )**

Quán xã La-tráo, tỉnh Quảng-nam. 25 tuổi. Tú-tài.  
Giáo.sư.

Hiện chức Thừa-phái bộ Binh.

**HÀ-VĂN-ĐẠI ( 何文玳 )**

Quán xã Tiên-diên, tỉnh Hà-tĩnh. 21 tuổi.



Trúng Cử-nhân khoa Ất.mão (1915).

Cháu gọi viên Cử-nhân Văn-Gia bằng ông chú.

Hiện chức Thừa-phái bộ Công.

LÊ-VIỆT-TẠO ( 黎 日 造 )

Hương-Nguyên

Quán xã Nguyệt-viên, tỉnh Thanh-hóa. 44 tuổi.

Trúng Giải-nguyên khoa Kỷ-dậu (1909).

Hiện chức Thừa-phái bộ Hình.

NGUYỄN-TẤN ( 阮 璜 )

Quán xã Thường-xuân, tỉnh Nghệ-an. 33 tuổi. Tú-tài.

Hiện chức Thừa-phái bộ Công.

NGUYỄN-NGỌC-HOÀNG ( 阮 玉 璜 )

Quán xã Tiến-lộc, tỉnh Ninh-thuận. 33 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Nhâm-tý (1912).

Hiện chức Hành-tầu bộ Học.

NGUYỄN-CU ( 阮 琚 )

Thế Khoa.

Ông cháu đều đỗ đại khoa.

Quán xã Phù-chánh, tỉnh Quảng-bình. 21 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1918).

Là con trai viên Cử-nhân Cừ. Cháu nội viên Tiến-sĩ  
Hành. Chắt nội viên Đại-sứ Đăng-Giai.

Hiện chức Thừa-phái viện Cơ-mật.

**ĐẶNG-VĂN-HƯƠNG ( 鄧文向 )**

Cha con đều đỗ đại khoa.

Anh em đỗ đồng khoa

Quán xã Nho-lâm, tỉnh Nghệ-an. 32 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Bính-ngọ (1906).

Là con trai viên Hoàng-giáp Đoan. Em trai viên Phó-bằng Oánh.

Hiện chức Giáo-thụ phủ Diên-châu.

**HOÀNG-YÊN ( 黄燕 )**

Phán-sự tòa Hình.chánh

Quán xã Minh-hương, phủ Thừa-thiên. 31 tuổi.

Trúng Cử-nhân khoa Mậu-ngọ (1918).

Hiện Tri-huyện huyện Bình.Khê.

**CHUNG**





UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 03198 3144



